



Lạc Đường

Đào Hiếu

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

Lời tác giả

- 1 - 5 -

- 6 - 10 -

- 11 - 15 -

- 16 - 21 -

- 22 - 30 -

Đào Hiếu

Lạc Đường

Lời tác giả



Tác giả Đào Hiếu sinh năm 1946 tại Tây Sơn, tỉnh Bình Định, 1968 vào Đảng Cộng sản Việt Nam, 1970 là binh nhì sư đoàn 22 Quân lực Việt Nam Cộng hòa, sau 1975 làm việc tại báo Tuổi Trẻ và Nhà xuất bản Trẻ. Hiện sống và viết tự do tại Sài Gòn.

Tác phẩm: Truyện dài và tiểu thuyết: Giữa cơn lốc, nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1978; Một chuyến đi xa, nxb Măng Non 1984, nxb Trẻ 1994; Qua sông, nxb Văn Nghệ 1986; Vùng biển mất tích, nxb Đồng Nai 1987; Vượt biển, nxb Trẻ 1988, 1995; Vua Mèo, nxb Trẻ 1989; Người tình cũ, nxb Văn Nghệ 1989; Kẻ tử đạo cuối cùng, nxb Trẻ 1989; Thung lũng ảo vọng, nxb Trẻ 1989; Hoa dại lang thang, nxb Văn Học 1990; Trong vòng tay người khác, nxb Tác Phẩm Mới 1990; Kỷ niệm đàn bà, nxb Văn Nghệ 1990; Nổi loạn, nxb Hội Nhà Văn 1993. Thơ: Đường phố và thêm nhà, nxb Trẻ 2004. Truyện ngắn và tạp văn: Bầy chim sẻ, nxb Văn Nghệ 1982;

Những bông hồng muện, nxb Trẻ 1999; Tình địch, nxb Trẻ 2003.

“Năm sáu mươi tuổi tôi khởi sự viết tự truyện này. Sáu mươi là tuổi ‘nhĩ thuận’ nhưng lỗi tai tôi nghe cái gì cũng trái, con mắt nhìn cái gì cũng thấy có gai. Tôi đi chùa tập thiền trong gần một năm, học theo Nam Tông, đọc Trung Bộ kinh, Bát chánh Đạo, luyện Tứ Niệm xứ... nhưng mỗi sáng gỡ tờ báo ra, đọc vài cái tít lớn là vút đi vì ngày nào cũng tràn ngập chuyện vớ vẩn, chuyện tham ô, chuyện lừa đảo. Viết lách thì như bồi bút. Buổi tối bật tivi lên. Lại nói dối. Nói dối trên nền nhạc Richard Clayderman. Quanh năm suốt tháng cứ Clayderman. Lại trái cái lỗi tai. Không thể nhĩ thuận được, bèn đi học thiền. Học không được, bỏ lên núi với Dã Nhân và chú mọi nhỏ.”

Đó là những lời ở chương cuối, mang tên Một đời không bến bờ, trong cuốn tự truyện mang tên Lạc đường của một người từng tích cực góp phần trong những chặng đường quan trọng của dân tộc Việt Nam gần nửa thế kỉ qua: phong trào sinh viên miền Nam chống Mỹ, Việt Nam sau chiến tranh, Việt Nam đổi mới và sau đổi mới, ở vị trí của một nhà báo và nhà văn làm việc lâu năm tại hai cơ quan truyền thông hàng đầu ở TP Hồ Chí Minh – báo Tuổi Trẻ và Nxb Trẻ. talawas chủ nhật kỳ này hân hạnh giới thiệu tác phẩm vừa hoàn thành này của nhà văn Đào Hiếu.

Website của Đào Hiếu: <http://daohieu.com/>

Đào Hiếu

Lạc Đường

- 1- 5 -

1. Bayle và anh Việt cộng chịu chơi

Năm 1965 tôi có hai người bạn thân. Người thứ nhất là Bayle, lính thủy đánh bộ Mỹ và người thứ hai là một Việt cộng.

Việt cộng này không đi dép râu, không đội nón tai bèo mà để tóc dài, hút Bastos xanh và uống Whisky. Anh ta là Trần Quang Long, thi sĩ.

Còn gã lính thủy đánh bộ Mỹ là một thanh niên da trắng, tóc nâu, vừa tốt nghiệp đại học Yale thì bị thả qua chiến trường Việt Nam. Hắn cũng thích Whisky và chơi ghita cổ điển. Tôi cũng chơi nhạc cổ điển nên hắn khoái tôi.

Thường tới nhà. Ăn ngủ ở đó.

Nhớ bồ, khóc lóc cũng ở đó.

Bayle chơi nhạc flamenco của Sabicas rất bốc, nhưng hắn lại thích nghe tôi chơi những tác phẩm của Tarrega. Hắn nói mỗi lần nghe Tarrega tao buồn quá.

Ngày kia khi tôi vừa tiễn hẳn ra đầu hẻm thì một viên cảnh sát áo trắng đến. Ông ta hỏi:

"Thằng Mỹ nào vậy?"

"Bạn của tôi."

"Nó vô trong xóm lao động làm gì?"

"Vô chơi."

Viên cảnh sát ghé tai tôi:

"Em dại lắm. Dẫn nó vô xóm lao động lỡ bị Việt cộng ám sát thì em sẽ tù rục xương."

Nhưng Bayle vẫn đến. Anh ta có thể ăn bất cứ món gì mà người Việt ăn được, nhất là những đặc sản Bình Định như chim mía, nem Chợ Huyện, mắm cua...

Trần Quang Long và Bayle không biết nhau, không thù nhau, không thân nhau. Còn tôi thì thân cả hai người.

Long dụ tôi theo Việt cộng. Rồi cùng Long tổ chức những cuộc biểu tình rộng lớn chưa từng có tại Qui Nhơn vào mùa Hè năm 1965.

Long là một anh chàng cộng sản rất quậy. Tôi cũng quậy.

Chơi xả láng với cảnh sát, với dùi cui ma trặc, lựu đạn cay và nhà tù. Còn Bayle thì không biết gì cả nhưng anh ta đã chết ngay trên đường phố. Long bị đánh gãy chân còn tôi bị tống ra đảo Phước Lý cùng với một thằng bạn có tên là Dã Nhân.

Bayle chết không thù hận. Hồn nhiên như đứa trẻ. Tôi nhớ những ngón tay của anh ta thon dài tái nhợt trên nền xi măng lấm lem. Đó là những ngón tay tài hoa từng cùng tôi đánh thức dòng nhạc trữ tình của Tarrega mà anh ta rất thích. Lúc Bayle chết, tôi và Trần Quang Long đang nằm trong quân y viện Qui Nhơn, bệnh viện của những người lính Sài Gòn.

Bayle chết cùng ngày với một ông già Việt Nam.

Đó là cha của Dã Nhân.

*

Nhưng chúng ta hãy trở lại cuộc biểu tình hai chục ngàn người do Trần Quang Long, Dã Nhân và tôi tổ chức.

Khi đêm xuống, cảnh sát tấn công vào ngôi trường tiểu học nơi chúng tôi đang cố thủ. Chúng bắn nát các bóng đèn. Bóng tối trùm xuống. Khói cay tràn ngập khắp nơi, chảy

cuồn cuộn vào cổ họng như những con bọ nóng rát. Báng súng đánh phủ đầu giữa tiếng la hét của các nữ sinh.

Nhưng trận đòn thù ác liệt nhất vẫn chỉ tập trung vào một người.

Khi tôi đỡ Long nằm xuống thì nghe một tiếng động nhỏ. Tôi xắn ống quần Long lên, thấy chỗ vết thương có một cái khớp. Đó là chỗ xương gãy. Máu ở đó trào ra, không mạnh nhưng cầm hoài không được. Tôi gọi y tá trong trại giam đến chích thuốc cầm máu. Chúng chích cho Long mấy mũi mà vẫn không cầm được máu. Sáng hôm sau chân Long sưng tấy lên và mặt anh tái mét. Chân sưng to làm ống quần Long căng cứng, Long day trở khó khăn nhưng anh không kêu. Long bảo tôi:

"Xé giúp mình cái ống quần."

Tôi xé theo đường chỉ may, xé toạc lên tới đùi. Vải quần dầm máu đã khô cứng lại, dày cộm. So với chân bên kia, chân bị thương thật dễ sợ. Xé ống quần rồi, thấy nó như phồng thêm lên. Thế mà vết thương vẫn không ngừng rỉ máu. Trưa đó, một chiếc xe buýt bùng đến và chúng đặt Long lên băng ca, khiêng bỏ lên xe, đóng sập cửa lại.

Tôi bị còng tay và đẩy lên một chiếc tàu nhỏ của hải quân. Cùng đi với tôi có Dã Nhân, một Phật tử cao lêu khêu và đen đúa như con khỉ đột.

Mặt biển buổi trưa phẳng lặng và sáng như một mảng kim loại. Con tàu nhỏ tròn trành. Hai người nằm ngủ vùi trong khoang tàu bắn thủ cạnh những cuộn dây thừng to. Xế chiều tàu cập bến một hòn đảo nhỏ giữa biển. Vẻ đẹp của biển hoàng hôn làm tôi tỉnh táo trở lại. Tôi ngồi cạnh Dã Nhân hút thuốc lá và nhìn ra biển. Dã Nhân ngồi hát. Biển im, tiếng hát nghe rất rõ trong cơn gió nhẹ, trong tiếng kêu rít rít của mấy con yến trắng.

Bóng những người lính Sài Gòn đi lại trên cồn cát, mũi súng M16 đâm thẳng lên như những nét kiếm thẳng tắp. Họ cử động cũng chậm chạp, cầm lặng và uể oải. Một viên hạ sĩ đến và ra lệnh:

"Tắt thuốc lá đi nếu không muốn Việt cộng bắn trúng ngay mặt."

Dã Nhân búng tàn thuốc lá lên không và cho hai tay vào túi quần. Viên hạ sĩ quan ra hiệu cho chúng tôi đi theo anh ta đến cái lều vải nhỏ để lãnh mùng mền.

Toán quân leo lên ngọn đồi thấp. Họ leo mất nửa tiếng đồng hồ mới lên được tới đỉnh đồi. Mệt mỏi.

Cùng lúc ấy, Trần Quang Long bị gửi đi Tây Nguyên với vết thương còn rịn máu. Có lẽ anh cũng đang nằm nhìn mặt trăng vàng bệt này trong một khu rừng nào đấy và ở đó

cũng có những người lính gác đi đi lại lại.

*

Tôi và Dã Nhân được đưa về đất liền trên một chiếc ghe đánh cá nhỏ của dân chài. Chúng tôi được giải giao về ty cảnh sát và trả tự do một cách nhanh chóng, không bị hạch hỏi hay làm thủ tục giấy tờ gì rườm rà.

Về đến nhà tôi được biết hai cái tin quan trọng: Trần Quang Long cũng được đưa từ Tây Nguyên về nằm điều trị tại quân y viện Qui Nhơn và tôi đã có kết quả đậu tú tài hai.

Lúc ấy ngoài phố có nhiều tiếng huyên náo. Những người đi xe đạp và xe gắn máy đều bị chặn lại. Một đoàn xe Falcon đen bóng đang từ dưới đường Gia Long chạy lên, đậu ngay trước lầu Việt Cường. Trên xe bước xuống toàn sĩ quan tướng tá Mỹ. Bọn quân cảnh Mỹ bồng súng chào. Các sĩ quan Mỹ đi thẳng vô phòng khách của toà cao ốc nơi được thuê làm đại bản doanh của quân đội Mỹ đóng ở Qui Nhơn. Trong bãi đậu xe có tới trên dưới ba mươi chiếc xe vừa Falcon vừa Jeep lùn.

Chúng tôi rẽ đám đông, trở về căn nhà của Dã Nhân trên bờ đầm Thị Nại. Ba Dã Nhân là một ông già thấp bé nhưng chắc chắn. Tôi ngồi coi ông vá lưới trong khi chờ Dã Nhân thay quần áo.

"Mày sửa soạn đi đâu đấy? Ông già hỏi."

"Con đi với bạn vô bệnh viện thăm thầy Long."

*

Long xanh xao hơn trước. Cái chân gãy đã được băng bột và trên lớp băng trắng cứng ngắc ấy, Long đã vẽ đầy hoa hippy.

"Đưa cho mình cái xe lăn."

Long khá to con nên phải cố gắng mới đỡ anh vào xe được. Ngồi vào xe, Long trông có vẻ phong độ hơn là nằm trên giường, giống hệt như anh đã leo lên được trên lưng ngựa. Anh đẩy mạnh hai bánh cho chiếc xe lăn đi một đoạn dài, rồi cười ha hả.

"Bây giờ mình giống hệt đứa con nít mới tập đi, Long nói. Cho mình một liều thuốc."

Long đánh diêm, bàn tay khum khum che ngọn lửa nhỏ, đầu nghiêng qua một bên. Có tiếng gõ cửa.

Khách là đồng bào Phật tử. Họ đến thăm người lãnh tụ phong trào đấu tranh chống Mỹ Thiệu Kỳ đàn áp Phật giáo. Từ hôm Long được chuyển về điều trị tại đây, đã có biết bao

nhiều lượt tín đồ Phật giáo đến thăm anh như thế. Trong suy nghĩ của họ thì Long là một Phật tử dũng cảm sẵn sàng xả thân vì đạo pháp, sẵn sàng "chết dưới chân thầy".

Xế chiều, Dã Nhân về. Tôi đẩy xe lăn ra đứng nơi hành lang ngó ra biển. Biển cũng buồn và gió thì cứ lồng lộng. Tiếng sóng vỗ nghe ì ầm, dữ dội, nhưng vẫn cứ buồn, vẫn cứ thấy xa thẳm mơ hồ mặc dù những ngọn sóng kia chỉ cách chỗ hai người có một hàng dương. Long nói:

"Niên khóa tới chắc mình sẽ bị đổi đi nơi khác."

"Đi đâu?"

"Chưa biết được, nhưng chắc là nó không để mình dạy ở đây nữa. Còn em, em sẽ vào đại học nào?"

"Chắc là Sài Gòn."

"Sài Gòn là nơi phong trào sinh viên rất mạnh. Đời em sẽ trưởng thành ở môi trường đó. Mình vẫn hy vọng chúng ta sẽ gặp nhau ở đó."

Có tiếng ai ca vọng cổ ở đầu hành lang. Phía ấy lơ nhô mấy cái bóng trắng. Thấy Long và tôi đứng gần, họ gọi:

"Lại đây chơi, mấy anh."

Long bảo tôi đẩy xe lại gần họ. Đó là những người lính còn rất trẻ và trông có vẻ quê mùa tội nghiệp. Hai người cụt tay, một người khác chân bị cưa lên tới quá đầu gối. Người thứ tư bị băng kín một con mắt. Họ xa nhà, nhớ người thân nên ngồi lại với nhau hát vọng cổ. Thấy Long băng bột, họ hỏi:

"Anh đựng trận nào vậy?"

Long cười, nói:

"Tôi cũng giống như các anh. Mình là người Việt Nam, có muốn đánh nhau đâu nhưng vẫn cứ ăn đạn. Cũng may là không đến nỗi phải cưa. Anh em ở tỉnh nào?"

"Dạ, tụi em ở Bến Tre. Có thằng ở Sa Đéc nhưng đều là lính của sư đoàn 22."

Long tiếp lấy mấy hạt đậu rang trên tay người lính trẻ. Rồi anh bảo tôi:

"Về mở tủ. Lấy nhiều nhé."

Tôi đem quà đến. Những người lính sững sốt. Long nói:

"Mình có nguyên một tủ quà, không cách gì ăn cho hết. Xin các bạn hãy ăn giúp mình nhé. Và đem về chia cho những anh em khác, nhất là những người bị thương nặng."

Xử sự của Long làm họ đổi cách xưng hô, một người nói:

"Cám ơn đại úy. Đại úy cho tụi em nhiều quá."

Long cười khà khà. Tôi đẩy xe đưa Long về phòng. Và khi tôi vừa đỡ Long nằm xuống giường thì một tiếng nổ vang rền dữ dội, từ phía thành phố vọng lại.

Sau đó là một phút im lặng ghê gớm.

"Chuyện gì vậy?"

Có tiếng hỏi nhau xì xào ngoài hành lang.

Tôi nhìn Long, sửng sốt. Long nghiêng người qua, nói nhỏ vô tai tôi:

"Đặc công!"

*

Bayle đã chết trong tiếng nổ long trời đó. Nhưng lúc ở trong bệnh viện tôi không hề biết. Tôi cũng không biết là ba của Dĩ Nhân cũng đã chết trong đêm kinh hoàng ấy.

Lúc bảy giờ đã khuya, trời tối đen. Sau tiếng nổ là một sự im lặng ghê gớm. Tiếng gió hú ngoài biển càng làm cho sự im lặng thêm man rợ. Nhưng chỉ một lát sau đã nghe tiếng máy bay trực thăng quần đảo trên đầm Thị Nại. Rồi từng loạt đạn

đại liên M60 trút xuống đầu những ngọn sóng. Bầu trời bị chấn động, rạn vỡ, tan nát. Những cơn gió rách tả tơi. Những ngọn sóng toé máu. Thuyền đánh cá vung vãi như giẻ rách. Người chết không một lời kêu cứu. Cuộc trả đũa tàn khốc và mù loà. Tiếng động cơ máy bay và đạn pháo thì gầm thét nhưng cái chết thì câm lặng, tắt nghẹn, chìm khuất.

Sáng hôm sau tôi đến lầu Việt Cường, nơi đặt Tổng Hành dinh của quân đội Mỹ. Tòa cao ốc này sụm xuống như một cái đèn xếp. Lộ ra một mảng trời đục. Hôm qua, nơi đây cảnh sát đã dọn đường cho phái đoàn quân sự cao cấp Mỹ đến họp. Và sáng nay những người cảnh sát này lại đến, cùng với quân cảnh Mỹ, cô lập khu vực này lại cho công binh Mỹ dùng cần cẩu bốc những tảng bê tông lên và chui vào lấy xác.

Tôi len lỏi vào đám đông. Đột nhiên tôi nhìn thấy Bayle nằm lẫn trong đồng xác lính Mỹ vừa được kéo ra xếp hàng trên nền đất.

Bayle nằm sấp, mặt nghiêng về một bên, mũi dập nát và đầy máu. Nhưng tôi nhận ra anh nhờ hai bàn tay. Cũng giống như hai bàn tay tôi - bàn tay của người chơi đàn ghita cổ điển - tay phải để móng dài, tay trái đầu ngón tay bè ra và chai cứng. Trong số những tác phẩm của Tarrega mà Bayle thường chơi có bài "Giọt nước mắt" (Largrima). Bây giờ giọt nước mắt đang chảy trên má tôi.

Lúc ấy Dã Nhân xuất hiện và kéo tôi chạy ra đầm Thị Nại.

Một đám đông đang tụ lại bên hàng rào kẽm gai. Viên cảnh sát ra lệnh cho các tù nhân đem băng ca xuống bãi cát. Mấy cái xác nằm lẫn trong rác rưởi và vỏ sò. Mấy chiếc máy bay phản lực còn bay vòng ngoài biển, phía trên những ngọn núi còn phủ đầy khói.

Bãi cát ở thụt sâu dưới thấp. Mấy xác chết nằm im lìm như những vết đen trên một nền cát xám ngoét. Những người đến xem đứng dọc theo hai bên đường ray.

Khi xác chết được khiêng lên thì mọi người đều im lặng. Không một âm thanh nào ngoài tiếng động cơ của chiếc máy bay thám thính L19 đang trình sát trên cao.

Nạn nhân là một người đàn bà và hai người đàn ông. Cái cổ người đàn bà nát bấy, sạch hết máu và thịt đã xơ xác ở miệng vết thương. Cánh tay người đàn ông thì gãy quặt ra đằng sau, co quắp. Chiếc xe chở xác trở tới. Những người có thân nhân đánh cá ngoài biển đêm qua hấp tấp chạy lại chỗ xe đậu để xem mặt các nạn nhân. Một phụ nữ nhận ra xác chồng mình liền ngất đi, ngã xuống đường cái, đám đông bu lại lo cứu chữa. Mấy đứa trẻ con khóc nức nở lẫn trong tiếng chó sủa inh ỏi.

Dã Nhân cúi sát xuống xác chết của người đàn ông để nhìn

cho rõ nhưng không phải cha mình, người này còn quá trẻ. Anh quay lại, nắm lấy tay tôi, mắt đỏ ngầu.

Chiếc xe chở xác bỏ đi, những người lính và những người đứng xem cũng về hết. Tôi và Dã Nhân trở về dọc theo đường sắt.

*

Hôm sau, gia đình Dã Nhân được chính quyền gọi đến nhận xác. Vì chờ lâu ngày nên xác cha anh được liệm sơ sài trong một chiếc quan tài gỗ.

Tôi chỉ còn nhớ vài hình ảnh rời rạc ở nghĩa địa. Cái huyết đào trong vùng đất có nhiều sạn. Những cánh tay nổi gân sạm đen của những bác xích lô đang cố gắng hạ chiếc quan tài xuống huyết. Máy người thầy cúng tụng niệm lâm râm.

Ở nghĩa địa ra, Dã Nhân và tôi đi bên nhau im lặng. Buổi chiều toả sương trắng trên mặt biển.

Con đường nhựa loang lổ ánh sáng vàng đục.

Quán cóc bên đường.

Dã Nhân im lặng rất lâu trước ly rượu đế. Hơi men nồng làm da mặt anh căng ra. Anh rót thêm rượu vào ly, đốt một điếu thuốc rồi bảo tôi:

"Uống đi. Tao cần mày uống."

Nói xong anh lại uống nữa. Mắt mờ đục. Khuôn mặt trắng trẻo của cô gái thì bất động, mơ hồ, cái mỉm cười lướt qua trên môi.

Tiếng chuông đổ dài, ngân nga rồi dồn dập như một con nước chảy ập xuống dốc cao.

Hai người đi về phía biển. Dã Nhân đã say mèm. Tôi phải dìu bạn vào một căn nhà bỏ hoang ngoài xóm cá. Căn nhà xiêu đổ, mái tranh bị gió cuốn tróc ra. Chiếc giường tre khá rộng không có chiếu. Dã Nhân nằm vật xuống, nôn mửa thốc tháo rồi ngủ thiếp đi.

Tôi thức dậy lúc nửa đêm. Dã Nhân khóc. Anh co quắp lại, úp mặt trong tay, thân thể rung chuyển mỗi lần anh nấc lên. Tôi đã tỉnh rượu, cảm thấy gió biển mát lạnh trên hai gò má. Tôi nằm im, vuốt ve mãi mu bàn tay khô khan của Dã Nhân, nghe tiếng sóng vỗ dạt dào bên ngoài, tiếng trở mình âm thầm của biển đêm.

2. Huế, những cây vả và sương mù

Tôi đến với Huế mà không hẹn trước. Lẽ ra tôi đã theo Trần Quang Long vào Nam nhưng cuộc đời sinh viên của tôi lại bắt đầu ở Morin, bên này cầu Tràng Tiền. Chính quyền Sài Gòn lúc đó muốn phân tán lực lượng nòng cốt của phong

trào học sinh ở Quy Nhơn nên đã thuyên chuyển các thầy “Việt cộng nằm vùng” mỗi người đi mỗi ngả. Trần Quang Long về dạy ở Cần Thơ, thầy Thông lên Tây Nguyên và Lê Phước Cương về Quảng Trị.

Cương nói:

"Em nên về Huế và ở nhà tôi. Long sắp lấy vợ, ở với Long không tiện đâu."

Thế là tôi đi Huế.

Bây giờ, Huế đã xa lắc nhưng khoảng trời xanh ngắt của những đêm trăng Vĩ Dạ vẫn ở trong tôi cùng với những buổi sáng lạnh lẽo, mưa dầm, nước sông Hương tràn qua Đập Đá.

Đi bộ 5 cây số từ Vĩ Dạ lên Morin, mò mẫm qua Đập Đá như đi trên mặt sông. Huế dày đặc sương mù. Đứng bên Morin nhìn qua bên kia sông chẳng thấy chợ Đông Ba đâu cả. Thành quách cũng mờ ảo, chìm khuất trong vô định, hiu hắt khói sóng.

Tôi ra Huế “làm cách mạng” mà như đi vào cõi huyền mộng phù du của một thời vàng son xa hút. Có người chê tôi, bảo: “Mày làm cách mạng cái kiểu gì vậy?” Tôi cũng không biết đó là kiểu gì. Có thể đó là kiểu của Phạm Thái của Trần Quang Long. Kiểu đó dở hay hay, không biết được, nhưng nó trong sạch, nó hồn nhiên. Cho tới bây giờ, khi các anh đã trở

thành những ông quan cách mạng, những ông tư sản đỏ, thì tôi vẫn là kẻ si tình đi tìm đôi mắt Trương Quỳnh Như.

Các anh từng hỏi tôi: “Mày làm cách mạng cái kiểu gì vậy?”
Còn bây giờ thì tôi hỏi các anh:

"Các anh làm cách mạng cái kiểu gì vậy?"

Câu hỏi của các anh tôi đã trả lời rồi. Còn câu hỏi của tôi. Các anh có trả lời được không? Có dám trả lời không hay vẫn phớt lờ. Và âm thầm chia nhau cái miếng thịt Việt Nam béo bở này?

Tôi là một chàng thi sĩ ngốc nghếch nên vẫn nhớ những ngày mưa dầm dề trên phố Huế, những buổi sáng sương mù, những cây vả lùn, lá to như cái sàng gạo và trái thì bự như quả cam sành, bổ làm đôi, trong ruột có những cái nhụy màu tím sẫm.

Một năm ở Huế tôi làm được gì trong “cuộc đời hoạt động cách mạng” của tôi? Móc nối vài người, hẹn hò vài cô giao liên trong Hồ Tịnh Tâm, học tập lén lút vài khóa chính trị sơ đẳng. Chẳng là gì cả. Toàn bộ thời gian là mơ mộng và ôm ấp cái lạnh cắt da của mùa Đông. Mùa Đông tôi chỉ có một cái áo lính kaki dày cộm. Tôi đem nhuộm đen cho khác với màu của anh lính Sài Gòn.

Sau những biến cố đẫm máu thời Ngô Đình Diệm, Huế đã co

lại. Khi tôi đến, thì Huế như cô gái nhỏ ngái ngủ cuộn mình trong chiếc mền dày cũ kỹ, những nhẽo. Huế dẫn tôi đi trên những con đường rợp bóng cây, những bãi cỏ dày bên bờ sông Hương. Tôi thường ngồi lại trên những rễ cây già bò xuống mé nước, nghe con sóng nhỏ róc rách, thủ thỉ, ân ái. Tôi gặp Huế tháng Chín năm 1965, năm tôi hai mươi tuổi còn Huế thì mười tám.

Chúng tôi yêu nhau, khờ dại và âm thầm.

Suốt một năm ở Huế tôi không có người bạn gái nào cả. Thoáng qua vài cái tên như Khuê mặc áo dài tơ sống màu hoàng yến, cao và ốm. Như Bích lúc nào cũng mặc đồ trắng và lúc nào cũng nhìn tôi, cái thằng cha muôn đời chỉ có mỗi một chiếc áo lính kaki nhuộm đen dày cộm.

Có một gã trai trẻ, ốm nhách, đeo kính cận gọng to. Gã cũng mặc áo kaki như tôi nhưng đó là chiếc áo thanh niên cộng hoà của ông Ngô Đình Nhu. Chiếc áo màu xanh nước biển không biết gã xin được của ai, mặc thay cho áo lạnh. Gã cũng là một nhà thơ vĩ đại như tôi vậy. Nhà nghèo. Ở An Cựu. Tôi dụ gã theo cộng sản, gã nói:

"Tao làm thơ. Không làm cách mạng."

Dù vậy gã cũng từng là bạn của những nhà cách mạng sinh viên nổi tiếng ở Huế thời đó như Trần Vàng Sao, Tần Hoài Dạ Vũ, Thái Ngọc San...

Tôi thương gã vì chúng tôi cùng nghèo, cùng thu mình lại trong giảng đường thênh thang của khu Rorin quý tộc cũ. Gã tặng tôi bốn câu này:

*Năm một chín sáu lăm
Bước chân vào đại học
Ôi vàng son, vàng son
Tôi ôm mặt đứng khóc.*

Có lẽ sau giải phóng gã cũng đã hơn một lần “ôm mặt đứng khóc” như thế. Tội nghiệp người bạn tốt. Tội nghiệp chúng ta quá, Phụng hỉ!

Bây giờ mi đang làm gì? Ở đâu? Không hề thấy tên mi trong đám quan lại ở Huế.

Với tôi, bây giờ Huế không còn lại gì ngoài những kỷ niệm lẻ loi, vụn vặt và buồn về một người thầy đã chết. Sao Cương lại chết trẻ như vậy? Ngoài năm mươi. Gần mười năm ở rừng. Cuộc sống trong những chiến khu ở miền Trung gian khổ hơn ở miền Nam rất nhiều. Tôi không từng đến những chiến khu ấy nhưng nghe Cương kể lại, nghe Hoàng Phủ Ngọc Phan kể lại, thấy thừa mưa bom đạn nhưng cạn kiệt lương thực, thực phẩm. Rồi bệnh tật, muỗi mòng. Có lẽ vì đường tiếp tế của miền Trung không được thuận lợi như ở miền Nam. Năm 1967, khi về học võ trang ở Sa Đéc để chuẩn bị cho Tết Mậu Thân, tôi thấy đời sống ở chiến khu đó

chẳng khác gì một làng quê ngoài vùng tạm chiếm. Tôi sẽ trở lại những kỷ niệm ở các vùng căn cứ Sa Đéc, Cần Giuộc, Long Khánh... vào một dịp khác.

Cương vướng chất độc màu da cam ở Trường Sơn nhưng có lẽ anh không hay biết. Hai mươi năm sau, vào khoảng năm 1990 chất độc phát tán làm anh suy sụp. Anh tập Dịch Cân Kinh thường xuyên và nói rằng có hiệu quả, nhưng ít lâu sau bệnh trở nặng phải đưa vào Bệnh viện Thống Nhất. Tôi vào thăm anh. Cả hai anh em đều buồn, không phải vì bệnh, không phải vì sinh tử phù du mà vì thế sự.

"Anh đi Pháp có vui không?" Tôi hỏi.

Cương cười, trầm lặng.

"Đó chỉ là cái kế điếu hổ ly sơn của chúng nó."

Một tổ chức văn hóa của Pháp mời Cương sang. Chính quyền cho đi nhưng chỉ nói miệng, không có văn bản. Cương thì chỉ muốn xa rời cái đám nông dân Hồng Vệ binh rừng rợn ấy nên anh đi liền. Ba tháng ở châu Âu, chi phí do nước bạn tài trợ. Khi trở về thì bị khai trừ Đảng. Hỏi tại sao, thì họ đáp: "Ba tháng không sinh hoạt Đảng coi như tự ý ra khỏi Đảng". Câu đó có ghi trong điều lệ.

Cương mất Đảng, mất luôn chức Giám đốc Sở Giáo dục. Sau đó ít lâu, anh qua đời. Tôi không biết tin ấy kịp thời và tôi

cũng không thể đến viếng anh lần cuối vì lúc ấy tôi đang ở Mỹ.

3. Những ánh lửa đốt đồng

Tháng Chín năm 1966 tôi rời Huế vào Sài Gòn, hoạt động trong phong trào sinh viên Khu Sài Gòn - Gia Định. Và căn cứ địa cách mạng đầu tiên tôi đến là Cần Giuộc.

Cần Giuộc đón người đồng chí nhỏ của mình bằng gió tràn trề tuôn chảy từ mặt đất, lướt nhanh trên sóng lúa, xô giạt về phía chân trời bất tận.

Cần Giuộc khác với đồng quê miền Trung vì nó đầy chân trời. Và đầy gió. Một thế giới không có núi, không có rừng, không có biển, nhưng vây quanh tôi là sa mạc lúa xanh và cỏ.

Tôi thì đứng lặng mà gió thì cứ trào lên từ những lỗ chân lông của đất, từ những gốc rạ, những kẽ nứt ẩn giấu bên dưới lá cỏ thấp.

Buổi chiều đó tôi thấy như mình đang trở về quê nhà dù trạm đầu tiên của vùng căn cứ này chỉ là một túp lều tranh xơ xác. Nhưng tôi đã đứng ngây dại bên khung cửa xiêu vẹo ấy nhìn gió lùa trên mái tranh mà rung rung nước mắt.

Tôi đã không có món quà nào cho Cần Giuộc nhưng Cần

Giuộc đã trao cho tôi niềm xúc động thần thánh của một tình yêu cách mạng đầu đời.

Khi bóng tối trùm xuống túp lều nhỏ thì tôi mới bước vào trong ánh đèn dầu long lanh như một giọt nước đặt giữa tấm ván thô. Cùng ăn cơm với tôi là một người đàn bà gầy yếu trạc ngoài năm mươi. Bà nói:

"Ăn xong cậu nghỉ một lát, đến khuya sẽ có người dẫn đi."

Tôi ăn rau luộc và một chút cá kho mặn. Người đàn bà thì lặng lẽ, chậm chạp và nhẹ tênh.

"Lần sau vô cứ cậu đừng mang giày bata trắng. Người ta sẽ biết cậu là dân thành thị."

Người đàn bà bung mâm ra sau nhà. Tôi muốn bước ra ngoài đêm lần nữa nhưng bà bảo tôi đi nghỉ.

Tôi nằm nghe gió. Vẫn rộn ràng như đàn chim thiên di. Vẫn như ngàn cánh nhỏ xao động quanh chiếc lều tranh rách nát. Cứ thế, gió rù rì suốt đêm như đàn trẻ nhỏ.

Tôi đã ngủ trong tiếng thì thầm bất tận ấy.

*

Tiếng gọi phát ra từ dưới hầm trú pháo.

Không biết dì Tư đi đâu mà không trả lời. Hầm trú sâu và rất kiên cố với mái hình chữ A làm bằng những thân cây to, đắp đất lên trên. Tôi nằm cách miệng hầm chừng bốn năm mét và hoàn toàn không ngờ lại có người dưới đó.

"Cô Tư ơi!"

Không ai trả lời. Tôi ngồi dậy. Và cầm cái đèn dầu, lần mò xuống hầm.

Một người đàn ông mặc bà ba đen đang lần theo vách hầm tiến lại phía các bậc cấp. Dường như ông đang bị thương khá nặng. Tôi ghé vai vào nách ông, dìu ông đi. Nhưng vì ông to con quá nên tôi loạng choạng. Chúng tôi bước từng bước lên những bậc cấp bằng đất sét ẩm ướt và lên được mặt đất. Lúc ấy trăng khuya đã lên, mờ ảo như sương đục. Tôi phải rất khó khăn khi đỡ ông ngồi xuống cầu cá tra. Vết thương của ông ở hông bên trái.

"Cậu vô nhà đi."

Nhưng tôi không dám bỏ ông ngồi một mình trên cái nhà vệ sinh ọp ẹp đó. Tôi ngồi đối diện để giữ hai vai ông.

Dưới ánh trăng mờ đục, tôi nhận ra một khuôn mặt vuông vức, mày rậm, râu mọc tua tủa như Lý Quỳ ở Lương Sơn Bạc.

Gió đã lặng. Hình như những cánh đồng đang nằm im, đợi sương xuống.

Chúng tôi trở vô nhà nhưng dì Tư vẫn chưa về. Người đàn ông muốn nằm trên ván một lát.

Rồi dì Tư bước vô, bà nói:

"Không thấy giao liên ra, tui phải đi tìm. Đồng chí xuống trắng-sê đi."

Tôi cùng dì đỡ người thương binh xuống hầm.

Lát sau giao liên tới. Và dẫn tôi đi.

Đi được nửa tiếng, bỗng thấy lửa cháy rần rần trước mặt.

"Gì vậy?"

"Đốt đồng."

Với tôi, đó không phải là một đám cháy mà là một bức tranh huy hoàng, giăng ngang chân trời. Trong đêm đen thâm lặng yên ngủ bỗng bừng lên một bình minh lạ thường, một bình minh của thế giới khác, rục rỡ, giàu có và lộng lẫy.

Lửa trải dài như một rừng hoa đỏ thắm, long lanh trong bóng tối dày đặc của đất đen, của những cây chồi đen và

đường chân trời đen.

Đó là sự bùng tỉnh của đất, mới mẻ, hùng tráng như một thế lực tiềm ẩn ngàn đời đang phát tiết tinh hoa. Lửa bùng cháy ngậy ngát và say đắm như thế giới mà cô Lộ Lem tìm đến lúc đêm khuya.

Tôi thảng thốt nhìn, ngạc nhiên vì vẻ đẹp của lửa trong đêm tối. Tôi đã từng bị mê hoặc bởi những bếp lửa nhỏ trong những buổi sáng lạnh lẽo mưa phùn ở miền trung hay trên một đồi trà ở cao nguyên. Lửa ở đó thân mật như người bạn tình, như con thú nhỏ quấn quýt... nhưng không ở đâu lửa lại có vẻ đẹp hoang dã, sang trọng, mạnh mẽ, vừa lãng mạn, vừa dữ dội như lửa đốt đồng trong đêm hôm ấy.

Ngọn lửa đó vừa khai sinh một thế giới khác, một ý niệm không gian và thời gian khác, tách biệt hẳn cái không gian ba chiều quen thuộc và buồn tẻ mà ta đang sống. Đó là ngọn lửa thần bí của thiên đường mà suốt đời có lẽ tôi chỉ một lần được gặp.

Cần Giuộc đã đón tuổi thanh xuân tôi bằng gió và lửa cháy.

Đó là mối tình đầu rực rỡ.

*

Ngoài ra tôi không có mối tình nào khác. Tình yêu ơi! Sao

mà phù phiếm và bạc bẽo vậy? Một lô đàn bà con gái từ trí thức cho đến biết đọc biết viết, từ nữ tu sĩ cho đến gái lầu xanh. Từ mười chín cho đến năm mươi ngoài. Những con số ấy không là gì cả. Chúng tồn tại bên ngoài tình yêu. Mà hình như cũng chẳng có tình yêu. Chẳng có Thuý Kiều hay Juliette, chẳng có sinh tử tương hứa.

Nhân vật của Kim Dung yêu đủ kiểu hay ho. Nhân vật trong tiểu thuyết của tôi yêu cũng rất liều mạng. Nhưng đời tôi thì không có mối tình nào cho ra hồn. Những quý cô, quý bà của tôi bây giờ đều có gia đình vì thế trong cuốn tự truyện này tôi không tiện nói nhiều, chỉ thỉnh thoảng “nhá máy” một chút, chớp tắt vài dòng, lập lờ vài giây gọi là khơi dậy chút hoài cảm như kiểu Đỗ Mục, sau mười năm, chợt tỉnh giấc mộng Dương Châu, thấy đời mình chẳng còn gì ngoài một tiếng bạc tình ở chốn lầu xanh.

*Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Doanh đắc thanh lâu bạc hãnh danh*

Về sau này tôi có quen một cô gái mười chín tuổi. Cô ta cho tôi tất cả nhưng cũng gần như là không cho gì. Mới bước qua tuổi vị thành niên, học vấn vừa xong bậc tiểu học, ngây thơ, nhí nhảnh. Đùa giỡn như con nít, vậy mà nói:

"Thà mình phụ người ta chớ đừng bao giờ để người ta phụ mình."

Tôi hỏi:

"Em có biết Tào Tháo là ai không?"

"Là ai?"

"Ông ta có câu nói rất nổi tiếng."

"Câu gì?"

"Đó là câu mà em vừa nói."

"Nhưng đó là câu nói của em mà. Em suy nghĩ như vậy."

Dường như tất cả đàn bà con gái đều suy nghĩ như vậy. Còn tôi, trong tình yêu, tôi luôn nghĩ ngược lại nên khổ trọc đầu. Già rồi mà vẫn thất tình, vẫn đại gái. Nhưng thưa quý ông, đối với đàn bà con gái mà mình khôn quá thì chán lắm. Mất vui. Bị đàn bà họ lừa mới đã đời. Đáng kiếp. Thấm thía. Giống như ăn xoài thật chua chấm với muối ớt thật cay. Giống như ăn wasabi của Nhật Bản. Buốt thấu não, nước mắt ràn rụa. Mà sướng.

Hồi còn trẻ tôi nghĩ tình yêu là tất cả nhưng bây giờ thì nó tụt hạng rồi. Bởi vì thực ra nó không có trên cõi đời. Tình yêu chỉ là những hoa văn của tình dục.

Dù có làm thơ, viết văn, vẽ tranh, sáng tác nhạc thì cũng chỉ

là trang trí cho tình dục. Thất tình, bị lừa hay là phụ bạc cũng đều nằm trong phạm trù trang trí ấy. Giống như nêm gia vị. Cho thêm một chút cay một chút đắng, một chút chua chát...

4. Trận đánh không được báo trước

Mấy tháng trước trận Mậu Thân tôi về căn cứ để học vũ khí. Giao liên dẫn tôi đến Sa Đéc vào lúc xế chiều và tôi đi xuống máy đến nơi khi trời đã tối mịt.

Buổi học bắt đầu vào sáng hôm sau trên một bờ mương. Người du kích trải tấm nilông xuống đất và bày biện các loại vũ khí ra. Súng AK47, B40, lựu đạn, chất nổ TNT, chất nổ C4, các loại kíp nổ, dây cháy chậm...

Chúng tôi không ai biết rằng lớp học này là để chuẩn bị cho trận Mậu Thân 1968.

Khi về Sài Gòn, Nguyễn Tấn Tài (sau giải phóng anh làm Chỉ huy phó Lực lượng Cảnh sát TPHCM) rủ tôi đi "đánh thử một quả coi sao." Tôi khoái quá OK liền. Tôi hỏi:

"Bây giờ mình dùng kíp nổ nào? Kíp acid hay kíp thường?"

"Kíp acid là kíp nổ có hẹn giờ, rất hiếm, không nên phí phạm."

"Mình chơi kíp thường cũng được."

"Mới đánh lần đầu xì kíp thường nguy hiểm lắm. Tui có cách này rất hay. Cũng giống như kíp hẹn giờ vậy nhưng mình xì thuốc lá."

"Thuốc lá?"

Nguyễn Tấn Tài rút gói Rubi Queen thả trên mặt bàn. "Đồ nghề" của anh gồm một bánh chất nổ TNT, một kíp nổ, một đoạn dây cháy chậm dài chừng 5 phân, một bao thuốc Rubi và một bao diêm.

Anh cắt chéo hai đầu dây cháy chậm, dùng những que diêm buột vòng quanh nó rồi nhét điếu Rubi vô giữa các que diêm.

"Đánh kiểu này nên dùng thuốc Rubi vì nó cháy rất tốt, không bao giờ tắt nửa chừng."

Nói xong Tài nhét đoạn dây cháy chậm vào kíp nổ và nhét kíp nổ vào bánh TNT.

"Xong rồi. Tài giải thích, mình sẽ đốt điếu thuốc. Phải mất ba phút nó mới cháy đến những que diêm. Diêm bốc cháy, dây cháy chậm cháy theo và nổ."

Đó là cách đánh "hẹn giờ" sáng tạo của dân biệt động thành

Sài Gòn.

Đó là “trò chơi” của hai anh em chúng tôi.

Anh lái chiếc xe Honda 67 màu đen. Tôi ôm trái mìn tự tạo ngồi phía sau. Chúng tôi từ dưới đường Trần Hưng Đạo chạy lên. Tôi móc trái mìn trong áo ra, châm lửa đốt điếu thuốc rồi đặt trái mìn trên bàn chân. Khi đến ngay vọng gác của Tổng nha Cảnh sát tôi hát nhẹ trái mìn vô hàng rào kẽm gai. Anh Tài vẫn cho xe chạy bình thường. Không tăng tốc.

Chúng tôi bọc qua đường Hùng Vương. Vẫn chưa nghe tiếng nổ.

"Sao lâu quá vậy?" Tôi hỏi.

Tài quẹo sang đường Trần Bình Trọng. Ngay lúc ấy mìn phát nổ. Tôi đập mạnh bàn tay lên đùi anh và chúng tôi cùng cười ha hả.

Chúng tôi tà tà quay lại hiện trường xem kết quả nhưng không vào được vì cảnh sát đã bao vây. Giao thông tắc nghẽn.

Từ ngoài vòng vây, chúng tôi vẫn nhìn thấy vọng gác bị đánh sập một bên. Cả một đoạn hàng rào Tổng nha Cảnh sát bị xé nát. Đó là “chiến công” của hai chúng tôi, những thằng bạch diện thư sinh tập sự làm biệt động thành!

Sau trận đánh đó tôi được kết nạp Đảng. Người kết nạp tôi là anh Phạm Chánh Trực hiện là giám đốc một công ty sản xuất “con chip” của ngành tin học.

Ngày nay, có người vào Đảng bằng hai đầu gối, bằng “cửa sau” hoặc bằng cái “vốn tự có” của mình.

Tôi đã vào Đảng bằng một trái mìn tự tạo.

Đó là cuộc diễn tập cho trận Mậu Thân 1968, nhưng chúng tôi - và gần như cả đơn vị Thành Đoàn SGGĐ - không ai ngờ tới. Thậm chí khi chiến dịch mở màn, nhiều đơn vị, trong đó có chúng tôi không ai biết chuyện gì!

Như thường lệ, phần lớn những sinh viên gốc miền Trung như chúng tôi đều về quê ăn Tết. Sáng mồng hai Tết có người nói “Việt cộng đánh vô Quy Nhơn.”

Quy Nhơn cách nhà tôi 41 cây số. Không biết thực hư. Tôi đi Quy Nhơn, thấy Ty Thông tin tan nát. Đó là một ngôi nhà lớn sơn màu đỏ gạch, nằm đối diện sân vận động. Các chiến sĩ giải phóng đã chiếm toà nhà đó một thời gian ngắn và vì không có tiếp viện nên bị phản công mãnh liệt bằng xe tăng. Toà nhà đổ nát. Có lẽ người cũng không còn.

Trưởng Ty lúc đó là nhà văn Võ Phiến. Năm 2004 tôi sang Hoa Kỳ, có đến thăm ông. Ông đã ngoài tám mươi, vẫn sắc

sảo. Ông nói: “Thế giới này hay lắm. Cũng may tôi còn sống để chứng kiến những biến động lịch sử đầy kịch tính. Cái thằng Bush nó giống như kếp Thành Được, lí lắc và ưa chơi nổi.”

*

Sách Lược sử Đoàn và phong trào thanh niên TP Hồ Chí Minh 1954"1975 xuất bản năm 2001 ở trang 98 đã viết về Mậu Thân như thế này:

“Đêm 30-01-1968 (mồng 2 Tết) cuộc tổng tiến công trên toàn miền Nam đã nổ ra nhưng mệnh lệnh tiến công không truyền đạt được tới Thành Đoàn. Tuy vậy sáng sớm ngày 31-01-68 ban thường vụ thành đoàn dưới sự chủ trì của Phan Chánh Tâm đã họp khẩn, làm công tác vũ trang tuyên truyền, làm chủ khu vực Bàn Cờ suốt ngày 31/01/68.”

Bốn tháng sau:

“Đợt 2 Mậu Thân, cán bộ Thành Đoàn được bố trí vào 4 khu vực: Liên phường 3A gồm Bàn Cờ, Vườn Chuối. Liên phường 3B gồm Nguyễn Thông, Lê Văn Duyệt, Chí Hoà. Liên phường 5 gồm Phú Thọ, Cầu Tre. Liên phường 4A gồm Trương Minh Giảng, Trương Tấn Bửu.

Ngày 5/5/68 Đợt 2 nổ ra. Tại Bàn Cờ tổ vũ trang tấn công một xe tuần tiểu địch, Nguyễn Sơn Hà (tức Bảy Thép) hy

sinh. Ba khu vực kia không bắt được liên lạc.”

*

Tổ vũ trang của chúng tôi nằm trong số “ba khu vực không bắt được liên lạc” đó.

Tổ gồm 4 người: Tôi, Trương Văn Khuê, Nguyễn Trường và Tám Nhân. Chúng tôi thuê một căn nhà nhỏ ở sau chợ Trương Minh Giảng. Vũ khí chúng tôi bọc kín trong ba bốn lớp nilông, gồm hai khẩu AK47, hai khẩu K54 và một số chất nổ TNT. Truyền đơn và cờ Mặt trận Giải phóng bọc trong bao nilông khác. Tất cả được giấu trong lỗ cống sau bếp. Hàng ngày chúng tôi vẫn đi học, vẫn sinh hoạt bình thường. Nhưng trong tình hình chờ đợi hồi hộp căng thẳng như vậy thì còn lòng dạ nào mà học. Trương Văn Khuê và Nguyễn Trường thì tối ngày đánh bài tu lơ khơ nhưng Khuê đặc biệt thích xì phé và hấn đánh rất giỏi. Sau này làm giám đốc Nhà xuất bản Trẻ hẳn đã có những quyết định táo bạo trong chủ trương cho tư nhân hợp tác bỏ vốn in sách. Khuê làm việc đó một cách sáng tạo và đã đem lại lợi nhuận cho nhà xuất bản rất nhiều. Tiếc rằng anh chết quá trẻ do bệnh ung thư gan. Nhà tôi ở gần bệnh viện nên tôi đến thăm anh thường xuyên. Khi mổ gan xong anh cười rất tươi và nói to với những bạn bè đến thăm:

"Tôi sẽ sống đến 150 tuổi!"

Nhưng chỉ mấy hôm sau là anh xuống sức. Buổi chiều Mai Hương đến thăm, hỏi có biết ai đây không nhưng Khuê cứ nhắm mắt. Mai Hương khóc. Đó là giọt nước mắt hiếm hoi của người đồng chí cũ.

Tại sao tôi nói hiếm hoi?

Vì sau giải phóng bạn bè đối xử với nhau lạt lẽo. Trong vụ án văn học “Nổi loạn” tôi bị cô lập, nhiều người sợ liên lụy, có người còn tệ hơn như phó chủ tịch quận Z Nguyễn Hoàng, nhạc sĩ Trần Long... tìm cách phủ nhận tác phẩm của tôi theo luận điệu của công an văn hóa, trong khi báo Diễn Đàn Paris thì gửi phóng viên đến nhà tôi thực hiện một bài phỏng vấn dài đăng trên số 28 phát hành tháng Ba 1994 tại Pháp.

Bài phỏng vấn đó đã giúp tôi nói được hết ý nghĩ của mình và ở một góc độ nào đó nó đã cứu tôi ra khỏi nhà tù.

Dẫu sao vụ “Nổi loạn” cũng giúp tôi xếp loại bạn bè, giúp tôi biết người nào thương mình, người nào ném đá giấu tay, người nào đánh người ngã ngựa.

Sau vụ này tôi gần như không giao du với những “đồng chí” trong phong trào sinh viên cũ.

Giờ đây đám bạn bè cũ chỉ còn lại hai bộ mặt: Một bộ mặt vênh vang hãnh tiến của những ông quan tư sản đồ và một bộ mặt lơ láo của những kẻ hết thời.

Tôi trôi giạt giữa những mặt người ấy vì tôi là một nhà văn chuyên nghiệp, tôi có thể giới của tôi, cũng giống như Lý Bạch:

Vấn dư hà sự thê bích san?

Tiểu nhi bất đáp tâm tự nhàn

Đào hoa lưu thủy yếu nhiên khứ

Biệt hữu thiên địa phi nhân gian

(Có người hỏi ta vì sao lại lên ở trên núi vậy? Ta chỉ cười mà không đáp. Lòng thanh thản nhìn hoa đào trôi đi giữa khoảng trời đất cách biệt với thế gian.)

*

Nhưng tôi phải trở lại cái buổi chiều tháng 5 năm 1968 ấy. Chín giờ tối chúng tôi họp:

"Đợt 2 Mậu Thân sẽ nổ ra đêm nay. Các đồng chí chuẩn bị lấy vũ khí truyền đơn và cờ lên sẵn sàng."

Mọi thứ được lôi lên khỏi lỗ cống. Nước không thấm vô được nhưng những cái bọc nilông thì đầy trùn chỉ. Chúng đeo bám trong những khe, những nếp gấp làm chúng tôi mất rất nhiều thì giờ để dọn vệ sinh.

Trương Văn Khuê và Nguyễn Trường vẫn chơi bài trong khi

chờ đợi giờ G. Tôi và Tám Nhân ngồi châu rìa.

Mười một giờ đêm. Thành phố vẫn yên tĩnh. Mười hai giờ. Vẫn không có gì. Một lát sau. Vài loạt súng lác đác ở đâu đó rất xa. Trương Văn Khuê ném những lá bài xuống bàn. Nguyễn Trường nhắc lại khẩu lệnh:

"Bộ đội Mười Dũng. Nhớ chưa?"

Mười Dũng là bí danh của anh Phạm Chánh Trực hồi đó làm bí thư đảng uỷ Thành Đoàn, người đã kết nạp tôi vào Đảng. Anh là một người nghiêm khắc, kiên cường. Nhiều người trách anh độc đoán và nhiều tham vọng nhưng với tôi, anh vẫn là một người bạn tốt. Có lẽ con đường chính trị của anh cũng không suôn sẻ lắm. Chìm lìm như một hòn sỏi trong dòng sông danh lợi đục ngầu.

Chúng tôi đã sẵn sàng. Nhưng thời gian vẫn trôi qua trong yên tĩnh. Khu vực Liên phường 4A hoàn toàn bất động.

5. Vụ Huỳnh Tấn Mẫm

Một buổi trưa vào giữa năm 1970 khi tôi đi dạy học về thì thấy có hai người đàn ông đang ngồi trước hiên nhà, chiếc xe Honda 67 dựng ngay trước cửa. Tôi nói:

"Sao mấy anh dựng xe giữa lối đi vậy?"

Hai gã nọ chỉ cười. Tôi lách người bước vô. Lập tức một họng súng chĩa vô lưng. Và đẩy tôi vô trong.

Một căn nhà trống trơn. Im lặng. Hàng xóm không ai hay biết gì cả. Chúng đang giăng một cái lưới. Và chắc chắn tôi không phải là con cá đầu tiên.

Tôi ngồi xuống giường. Và để trấn tĩnh, tôi với lấy cây đàn ghita trên vách.

Tôi chơi rất nhiều tác phẩm kinh điển, nó làm những thằng công an đang ngồi đón lõng ngoài cửa phải ngạc nhiên mặc dù tôi biết những thằng ngu đó đã bị tôi tra tấn suốt mấy tiếng đồng hồ bằng một thứ âm nhạc mà chúng chẳng hiểu cóc khô gì hết.

Tôi nhịn đói và chơi đàn cho đến xế chiều.

Một chiếc Jeep sơn nửa xanh nửa trắng của cảnh sát vừa đến. Chúng bịt mắt tôi bằng một dải băng đen, còng hai tay ngoặt sau lưng và đẩy lên chiếc xe ấy.

Xe chạy qua nhiều đường phố. Tôi lắng nghe tiếng động chung quanh để cố đoán xem chúng đưa mình đi đâu nhưng chỉ biết là vẫn còn lẩn quẩn trong nội thành.

Cuối cùng thì chúng giảm tốc độ, quẹo gấp vô một một cái sân rộng và dừng lại. Tôi bị đẩy xuống xe. Có tiếng người lao

xao và một giọng cười xỏ lá:

"Lại thêm một con cá nữa!

Dường như chúng đã đưa tôi đến một chỗ tối và ẩm thấp. Thằng công an mở băng vải che mắt cho tôi và vật đầu tiên mà tôi nhìn thấy là một thân hình to lớn đang nằm ngửa, nhắm mắt, trên một cái nền xi măng lở lói phía trước cầu tiêu.

Người đó là Dương Văn Đầy, sau này anh làm chủ tịch quận Nhất và rồi trở thành sếp của ngành du lịch TPHCM. Nhưng lúc ấy tôi tưởng anh đã chết. Anh bất động. Áo phanh ngực. Người anh đầy thương tích bầm tím. Tôi ngồi xuống định đưa ngón tay lên mũi xem anh có còn thở không thì một thằng y tá vừa đến, tay cầm một miếng bông gòn tẩm ête đưa qua đưa lại trước mũi anh.

Tôi ngồi xuống cạnh đó. Chúng vẫn chưa mở còng cho tôi. Chung quanh bạn bè tôi nằm la liệt. Nguyễn Tấn Tài, Phùng Hữu Trân, Lê Thành Yến (Lê Duy Hạnh), Cao Thị Quế Hương, Trần Khiêm...

Lúc ấy tôi chưa hiểu dịch "biết" tôi tới đâu, đã có ai khai báo gì tôi chưa, nên tôi ngồi im để thăm dò, nghe ngóng tình hình.

Bữa cơm chiều được dọn ngay trên nền đất trước cầu tiêu

cạnh chỗ Dương Văn Đầy nằm. Chúng tôi quây quần quanh một đĩa cá khô mủn ra như củi mục. Trầm Khiêm nói:

"Tụi nó đánh Ba Đầy quá."

Tôi không từng làm việc với Ba Đầy nhưng anh em phong trào sinh viên học sinh biết nhau gần hết. Hồi ở Đại học xá Minh Mạng đi ra đi vô vẫn gặp nhau thường. Ba Đầy lúc đó học Y khoa, hay đi cái xe đạp thành. Anh có tướng "ngũ đoản," đặc biệt cái mũi rất to. Khi bị bắt vô cảnh sát quận Nhứt, tụi công an gọi anh là "thằng lỗ mũi trâu"

Lê Duy Hạnh cũng được Tư Cum "chăm sóc" rất kỹ. Buổi tối ngồi ngoài sân đồn cảnh sát quận Nhứt, tôi và vài người bạn tù dùng nước muối bóp chân cho anh. Chúng tím bầm như hai cây xúc xích khổng lồ. Những giọt nước muối đã khô se đi thành những tinh thể sáng lóng lánh.

Trưa hôm sau chị Năm, giao liên giữa tôi và Nguyễn Tấn Tài cũng bị chúng bắt cùng với đứa con trai bốn tuổi.

Tai hại hơn nữa là cái máy chữ của tôi cũng có trong số "tang vật" tháp tùng chị Năm.

Tư Cum ra lệnh cho bọn đàn em:

"Đưa thằng nhỏ vô viện mồ côi!"

Chị Năm chưa kịp phản ứng thì một thằng công an chìm đã

lôi thằng bé đi. Tôi nhìn chị. Một cái nhìn dài với bao điều muốn nói. Thằng bé còn nhỏ quá. Nó sẽ sống như thế nào khi không có mẹ? Còn chị, liệu chị có giữ được bí mật về mối liên hệ với Nguyễn Tấn Tài và tôi? Chúng chưa đụng tới tôi nhưng những đồng chí có liên hệ với tôi đều đã bị bắt. Chỉ cần một trong ba người khai báo là hậu quả khó lường. Tối đó tôi không ngủ được. Tôi tin anh Tài rất vững vàng, chị Năm cũng sẽ vượt qua được những đòn tra tấn, và tôi cũng tin tôi có đủ bản lĩnh để bảo vệ tổ chức. Nhưng còn những bằng chứng cụ thể. Ví dụ như cái máy chữ hiện cũng đang nằm trong tay cảnh sát. Nếu chúng chộp được cái hóa đơn mang tên tôi thì cuộc hỏi cung sẽ trở nên "phiền phức" cho cả tôi và chị.

Tối đó chúng lôi tôi vô phòng tra tấn.

Vẫn thằng Tư Cum và một thằng cảnh sát áo trắng ồm nhách. Để trấn áp, chúng bắt tôi cởi quần và cột một đầu dây điện vào cơ quan sinh dục, đầu kia kẹp vào dái tai. Dụng cụ tra điện này được điều khiển bằng một tay quay. Thằng cảnh sát áo trắng mở màn:

"Thủ trưởng của mày và con Tố Nga là ai?"

Tôi thấy nhẹ người. Vì chúng hỏi cung theo đường dây Tố Nga là chúng đã không biết gì về tôi cả. Tuy ở chung nhà với Tố Nga nhưng cả hai chúng tôi đều không biết gì về nhau. Vì thế câu nói thăm dò này đã để lộ sơ hở của nó. Tôi đáp:

"Tôi không biết gì về việc làm của Tố Nga vì tôi chỉ là người ăn cơm tháng ở đó."

Nhưng nó vẫn tiếp tục sai lầm:

"Con Tố Nga nó đã khai hết rồi. Mà hãy nói thiệt đi. Mà thường gặp thằng đi xe đạp để làm gì?"

"Thằng đi xe đạp" là Dương Văn Đầy. Nhưng tôi đâu có làm việc với Dương Văn Đầy vì thế tôi nói:

"Tôi là tín đồ Thiên chúa giáo. Tôi đang dạy học tại một trường Đạo ở Bà Chiểu. Tôi không biết gì về các hoạt động của họ."

Tư Cum quay điện mấy vòng làm người tôi giựt tung tung như con rối.

"Sao? Có chịu khai không?"

Nó lại quay. Người tôi bật liên tục lên khỏi ghế, miệng méo qua một bên.

"Đ.m. Mà ở chung với con Việt cộng mà không biết gì về nó. Ai mà tin mà!"

"Nhưng tôi biết nói cái gì bây giờ."

"Được. Tao sẽ có cách cho mày nói.

Tư Cum quay liên tục. Tôi bị giựt văng ra khỏi ghế, đập mặt xuống đất.

Buổi hỏi cung kết thúc ở đó. Tạm thời chúng chưa biết gì về mối quan hệ giữa tôi, chị Năm và Nguyễn Tấn Tài.

*

Vụ bắt bớ học sinh sinh viên này là vụ rất lớn xảy ra vào năm 1970, được dư luận gọi là vụ Huỳnh Tấn Mẫm. Anh Mẫm lúc đó làm chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn. Vụ này làm anh nổi tiếng khắp thế giới như một lãnh tụ sinh viên tiêu biểu. Nhưng sau giải phóng, chính anh - cũng như Võ Thị Thắng - đã phải khốn đốn vì sự nổi tiếng của mình. Tôi sẽ trở lại hai nhân vật này sau. Bây giờ chúng tôi đã bị chuyển về Nha Cảnh sát Đô thành và tôi muốn nói một chút về người bạn tù, người "sếp" thân thiết nhất của tôi: Nguyễn Tấn Tài.

Lúc đó Tài và tôi làm công tác vũ trang tuyên truyền và làm giấy tờ giả cho anh em. Quan hệ giữa hai chúng tôi rất khăng khít. Anh là một kỹ sư hóa học nhưng rất khéo tay, anh dạy tôi nghề khắc dấu, kể cả làm dấu nổi bằng những

vật liệu đơn giản nhất. Lúc anh bị bắt, trong nhà anh có cái máy chữ của tôi. Cái máy này tôi dùng để làm giấy tờ giả và để viết văn (vì trước đó tôi cộng tác với anh Nguyễn Ngọc Lương, chủ bút tờ Tin Văn, tôi sẽ có một chương nói về anh Nguyễn Ngọc Lương và cuộc đời bi kịch của anh). Khi đưa cái máy chữ cho giao liên đem đi tôi còn “cẩn thận” đưa luôn cái hóa đơn có tên tôi cho chị. Sự cẩn thận ngốc nghếch đó đã làm cho cả tôi lẫn anh Tài đều lo sốt vó trong suốt thời gian bị hỏi cung. Cũng may cả ba chúng tôi đều có bản lĩnh vượt qua được. Và kẻ địch đã không tìm ra bất cứ mối liên hệ nào giữa ba người.

Trận đó chính quyền Sài Gòn đã hốt một mẻ lưới khá nặng. Ở trong tù tôi gặp mặt đủ mọi “anh hào”. Từ Phạm Chánh Trực, Bảy Hà (sau này là thứ trưởng Bộ Ngoại thương), Lê Thành Yển (sau này là nhà biên kịch Lê Duy Hạnh), Nguyễn Ngọc Phương, Dương Văn Đây. Nguyễn Tấn Tài, Cao Thị Quế Hương, Phùng Hữu Trân, Huỳnh Tấn Mẫm...

Sau giải phóng, những người không bị dính vụ đó, hoặc những người cả đời không biết ở tù là gì thường phát biểu linh tinh, bình phẩm này nọ. Tất cả đều trật lất. Chỉ có những người bạn tù với nhau là hiểu nhau, đánh giá đúng về nhau. Và không có gì có thể che giấu được, nhất là sau giải phóng, tất cả những hồ sơ, những bản cung của từng người đều còn nguyên trong Tổng nha Cảnh sát và Cảnh sát Đô thành.

Và họ cũng không hề biết những nguyên tắc cơ bản của người tù chính trị là:

"Nếu địch đã biết ta là cộng sản thì ta phải giữ kín, không khai báo cho người khác và nếu cần tìm cách đánh lạc hướng địch."

"Nếu địch chưa biết ta là cộng sản thì ta phải đóng vai một người dân thường bị bắt lầm."

Như vậy giữ kín trong tù không phải là không khai báo gì cả (vì ai cũng phải có khẩu cung) mà phải khai báo cách nào để đánh lạc hướng địch để bảo vệ tổ chức, bảo vệ đồng đội và bảo vệ chính mình.

Về sau này tôi có dịp làm việc với anh Nguyễn Vĩnh Nghiệp (nguyên chủ tịch TPHCM) Khi kể về giai đoạn ở tù của mình anh cũng đã nhấn mạnh ý đó.

Nhân đây, tôi còn muốn nói thêm là: ngay cả những bạn tù đôi khi cũng hiểu lầm nhau. Ví dụ như anh Huỳnh Tấn Mẫm. Khi mới bị ném vô Nha Cảnh sát Đô thành, tôi nằm ngay trước cửa xàlim của anh. Mỗi sáng khi chúng tôi ăn sáng bằng cháo gạo lức đựng trong cái đĩa bằng nhôm, thì anh Mẫm được cung cấp một ổ bánh mì thịt và một bịch cà phê sữa đá. Chuyện đó kéo dài chừng một tuần lễ. Trong số bạn tù có người xì xầm là anh Mẫm đã bị mua chuộc. Người lại nói là lẽ ra anh Mẫm không nên nhận những bữa ăn sáng đó.

Một buổi sáng kia, người ta làm vệ sinh nhà tù. Khi cánh cửa xà lim của anh Mẫn mở ra thì tôi là người đầu tiên nhìn thấy những ổ bánh mì thịt, những bịch cà phê sữa còn nguyên xi, nằm lăn lóc dưới đất và đã lên mốc, đã bốc mùi.

Tội nghiệp cho anh Mẫn. Anh là người hiền lành, học giỏi, nhiệt tình... nhưng sau giải phóng vì đổ kỵ, ganh ghét sự nổi tiếng của anh mà có người đã dìm anh khiến anh không ngóc đầu lên nổi. Tiếp theo là những rủi ro tiền bạc do bà vợ gây ra khiến anh tuột dốc. Hồi còn sinh viên tôi và anh ở chung phòng 4/6 Đại học xá Minh Mạng. Lúc ấy anh học phụ khoa (gynécologie) năm thứ tư, vào Đảng năm 1968. Năm 1970 anh nổi tiếng khắp thế giới nhờ vụ bắt bớ quy mô lớn mà tôi vừa thuật lại ở trên. Vai trò của anh lúc bấy giờ là vai trò công khai. Anh hoạt động cách mạng ở góc độ công khai có nghĩa là với bất cứ danh nghĩa nào: Phật giáo, Công giáo hay Lực lượng thứ Ba tùy theo sự chuyển biến của tình hình, tùy theo nhiệm vụ chính trị của từng lúc. Nhưng không hiểu sao có tin đồn là anh lừng khừng, không dứt khoát tư tưởng và người ta để anh ngồi chơi xơi nước. Cuối cùng anh bị đẩy đi Liên Xô học ba cái thứ vớ vẩn gì đó. Rồi anh về nước giữ chức Phó chủ tịch Hội Chữ thập Đỏ TPHCM.

Còn bây giờ anh là bác sĩ khoa thẩm mỹ hình như có phòng mạch ở đâu đó trên đường Cách Mạng Tháng Tám.

Có lẽ anh nghèo. Và trong sạch.

*

Vụ Huỳnh Tấn Mẫm kết thúc sau những cuộc xuống đường, tuyệt thực... của đồng bào các giới: học sinh, sinh viên, công nhân, đồng bào Phật tử... Chính quyền Thiệu biết rõ mười mười một số học sinh sinh viên (trong đó có Huỳnh Tấn Mẫm) là đảng viên cộng sản nhưng họ vẫn phải trả tự do cho những người bị bắt.

Vì bị tra điện nhiều lần nên tôi phải về quê vừa để chữa bệnh vừa thăm cha mẹ.

Khi tôi bị bắt, mẹ tôi không biết đã xảy ra chuyện gì và tôi cũng không thể giải thích cho bà hiểu được. Bà vẫn nghĩ tôi là một ông “cử nhơn” sắp đi làm quan, nhưng không hiểu sao lại phải ở tù. Tôi chỉ nói:

"Con bị người ta bắt lầm thôi mà."

"Con có thi cử nhơn được không?"

"Được chớ."

Nhưng lúc ấy tôi đã là một đảng viên cộng sản.

Về quê, tôi được bà con đùm bọc, chạy chữa. Đó là gia đình của thầy tôi - thân sinh của Tám Nhân, một bạn học, một tay cách mạng đầy cá tính đã cùng với Lữ Phương (một ông thứ trưởng Bộ Văn hóa) làm điền đầu những tay “Hong Vệ binh” trong suốt những năm ở R.

Chăm sóc cho tôi lúc đó còn có gia đình Trần Thiếu Bảo. Hấn cũng là đảng viên, công tác quân báo. Sau giải phóng hấn là một sĩ quan công an cấp tá, từng xách roi điện đi đến những nơi có người nào chống Đảng.

Chị Bốn là chị ruột của hấn đã chăm sóc tôi rất chu đáo. Và một “địa chỉ đỏ” nữa đó là nhà bà xã tôi. Ông anh vợ tôi hồi đó cũng là dân phong trào sinh viên. Sau giải phóng ông làm quan tới chức phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và là chồng của bà Võ Thị Thắng, sếp ngành du lịch Việt Nam.

Một buổi sáng, khi tôi đi từ Tây Sơn xuống Quy Nhơn thì gặp một toán quân cảnh xét giấy tờ quân dịch tại cầu Bà Gi. Lúc ấy giấy hoãn dịch của tôi đã hết hạn do thời gian nằm trong tù nên tôi bị giữ lại và đưa vào trại lính. Về nguyên tắc tôi vẫn còn được hoãn dịch một năm nữa vì tôi là sinh viên Đại học Sư phạm nhưng tụi quân cảnh không hiểu điều đó. Tôi đã giải thích nhưng chúng không thèm nghe. Mục đích của chúng là muốn đòi tiền nhưng tôi thì không có tiền.

Và thế là tôi bị đẩy vào một bi kịch mới, một chốn lao tù mới hoàn toàn khác với cái nơi mà tôi vừa bước chân ra.

Đào Hiếu

Lạc Đường

- 6 - 10 -

6. Từ nhà tù đến trại tập trung

Bọn thanh niên bất phục tùng là một đám ô hợp, hỗn tạp như đất đá, như đồng xà bần bần thỉu, vút bừa bãi trong xó xỉnh ẩm mốc, u ám.

Sau một đêm trần truồng, nằm ngời ngổn ngang, ngủ gà ngủ gật trong những phòng giam chật hẹp nhom nhớp mồ hôi, nồng nặc hơi người, phân người, nước tiểu... bầy tù được thả ra sân cho hít khí trời, cho ăn uống, cho tiếp tục làm các thủ tục, giấy tờ để xếp loại, hỏi cung, để bạt tai, đá dít, để mắng mỏ, chửi thề...

Bọn cán bộ tên nào cũng cầm một cuốn sổ, mỗi tên phụ trách một nhóm. Chúng đếm đi đếm lại, ghi chép, cộng trừ, la hét, đánh đập những kẻ ngồi không ngay hàng, rồi lại ghi chép, chỉ chỗ. Xong việc cho giải tán. Lúc đó cửa cổng chính mở ra một bên. Những người đàn bà bán hàng rong quảy gánh chạy vô trại.

"Cháo dô! Cháo dô!"

Tiếng kêu ấy dấy lên, truyền đi như tiếng vang giữa hang đá.

Loài người quây quần, cắm cúi, xương xẩu và trần trụi. Không còn lại gì ngoài những cái miệng lớn húp chùn chụt thứ nước xúp cay xè tiêu và ớt, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng.

Tôi bị nhốt ở đó mười hai ngày, làm quen với một ông thợ mộc man khai lý lịch, một tay du đảng nguyên là lính biệt kích Mỹ. Hấn và tôi đã vạch một kế hoạch trốn trại, theo đó thì vào lúc 5 giờ sáng, điện tắt, bọn tôi sẽ leo lên mái nhà nhảy qua hàng rào thứ nhất. Chúng tôi sẽ lấy bao cát ở đó chất lên các đầu cọc của hàng rào thứ hai rồi phóng ra đám mía phía ngoài.

Cuộc đào thoát ấy bị thất bại vì một biến cố bất ngờ. Ngay lúc chúng tôi chuẩn bị đặt bao cát lên những đầu cọc thì đồn quân cảnh kế bên nhà lao bị Việt cộng pháo kích. Tên lính gác lô cốt quay lại. Cả ba anh em chúng tôi đều bị bắt nhốt trong phòng tối một tuần lễ.

Mấy ngày sau đó phòng giam nhận thêm bảy người: năm dân chài, một giáo sư tư thực và một nhà sư.

Nhà sư đó chính là Dã Nhân.

Anh mặc chiếc áo nâu già bạc màu, đầu nhẵn bóng in nhiều vết cháy của trầm hương, chân đi guốc mộc. Chúng tôi đều ngỡ ngàng trước cuộc gặp mặt này.

Nhà sư thì khó có thể tượng tượng được rằng một “nhà cách mạng vĩ đại” như tôi bây giờ phải nằm trong trại lính. Còn tôi thì cứ ngỡ rằng bạn mình đã tu thành chánh quả.

Chúng tôi kéo nhau ra ngồi ở góc tường sau trại giam.

"Sao lại ra nông nổi này", Dã Nhân hỏi.

"Xuống đường chống Mỹ bị tù. Giấy hoãn dịch hết hạn. Bị tống vô đây."

"Còn tôi, mẹ tôi bán bốn con heo một trăm ngàn để mua một tờ giấy hoãn dịch tu sĩ. Không ngờ đó là giấy giả."

Khi ôn lại chuyện cũ, Dã Nhân hỏi:

"Thầy Long bây giờ ở đâu?"

"Chết rồi!"

"Sao nghe nói đi vô rừng?"

"Bị bom B52. Chết ở chiến trường miền Đông Nam bộ, tháng 10 năm 1968."

Chúng tôi sống lại những ngày biểu tình rầm rộ ở Quy Nhơn. Vụ đánh sập lầu Việt Cường và sau đó là trận xạ kích tàn khốc của máy bay Mỹ trên đầm Thị Nại, giết chết hàng trăm ngư dân, trong đó có ba của Dã Nhân.

Giờ đây, nhìn lại mình, chúng tôi chỉ là những tên phạm nhân ốm nhom, đen đui, rách rưới, thảm hại.

Cái nỗi buồn mênh mông ấy tràn đến khi tôi tình cờ đi ngang qua một chiếc xe du lịch đậu trong sân trại giam, soi mặt mình trong tấm kính chiếu hậu. Đó là một bộ mặt quắt lại, mắt trũng xuống, tóc húi cao gần như trọc. Đó là bộ mặt của một đứa trẻ mồ côi đi ăn xin ở đầu đường xó chợ. Dã Nhân cũng thế, trên gương mặt anh không còn nét ung dung tự tại của vị tì kheo ngồi thiền giữa hoàng hôn và thấy mình hóa thân thành con hạc bay qua rừng trúc.

Người nào cũng đờ đẫn, thất thần, mệt mỏi.

Rồi tất cả choàng dậy sau hồi còi dài, mắt đỏ ngầu, nhể nhại mồ hôi. Tất cả tập hợp điểm danh và lãnh phần ăn chiều.

Một tuần sau, anh em chúng tôi bị chất lên một chiếc xe GMC có lính vũ trang áp tải đưa đến Trung tâm Nhập ngũ. Trong chuyến đi ấy có một người chạy thoát nên số còn lại bị quật báng súng tới tấp vào đầu và bị buộc phải cúi rạp xuống sàn xe như bầy súc vật.

Xế chiều, chúng tôi đến Trung tâm Nhập ngũ.

Thực chất đó là một trại tập trung.

*

Đám thanh niên bất phục tùng cúi thủ đi như những tên ăn mày. Dường như không ai nói một lời nào cho đến khi ngửa tay lãnh chiếc chiếu nylon màu chàm và nối đuôi nhau trở về khu dành riêng cho bọn họ.

Lớp “đàn anh” đã được gửi đi các quân trường, số còn lại là những người tật nguyên đau ốm.

Những người mới đến, mệt mỏi đi tìm chỗ nằm rồi ngủ thiếp đi trong cơn choáng váng vì đoạn đường dài mà họ đã vượt qua.

Tên du đãng nằm ngoẻo cổ, cái đầu trọc lóc nhô ra khỏi cánh tay trần xăm đầy hình nham nhở. Tất cả đều bất động như khúc cây, như cục đá lăn lóc, vô giá trị và tàn nhẫn.

Dã Nhân thì lọt thõm trong bộ quân phục rộng thùng thình và nhàu nát. Trước đây tôi đã quen nhìn Dã Nhân trong chiếc áo tu sĩ màu nâu già, đầu cạo nhẵn bóng, bây giờ tự nhiên từ trong cái đóng vải màu xanh cút ngựa kia bỗng nhô ra một cái đầu, tóc lởm chởm không có đường ngôi, không có hàng lối. Mặt anh nghiêng qua một bên, trông như cụt lại và xám đen. Có lúc tôi cảm thấy Dã Nhân đã biến mất, thay vào đó là một thằng người nào xa lạ vô danh. Dường như Dã Nhân đã bị đem đi đâu rồi và người ta đã tráo vào đó một kẻ khác. Dường như mụ phù thủy đã đến từ chập tối và biến nhà tu thành một con vượn nhỏ giữa lúc anh đang ngủ.

Tôi mở mắt thao láo, nhìn đăm đăm vào những con người đang lăn lóc chung quanh mà không để ý đến người nằm cạnh mình. Nãy giờ ông ta trùm mền kín mít, bây giờ đột

nhiên run rẩy mạnh đến nỗi chiếc mền sắp tuột ra khỏi giường. Dường như ông ta không đủ sức kéo chiếc mền lại, nó đã rớt xuống đất một nửa. Tôi ngồi bật dậy, định giúp ông, nhưng bắt gặp một đôi mắt trợn trừng. Đầu của ông lắc lư liên hồi, hai môi khô cứng, mở hoác ra, méo xệch. Hàm răng dưới lởm chớm, đôi gò má nhô lên khỏi hai con mắt sâu hoắm, trắng dã, trợn trừng. Đôi tay chới với, run bần bật vươn tới trước trong một dáng điệu cố gắng khốc liệt và tuyệt vọng.

"Bác, sao vậy bác?"

Nhưng ông ta vẫn cứ chới với hai tay, thở hổn hển đứt đoạn, tưởng chừng như sắp chết ngạt. Một lúc, ngón tay ông duỗi ra được, chỉ về phía cái bidông nước.

Tôi mở nắp bidông, định cho ông uống, nhưng vừa mới đưa cái bidông ra trước mặt thì, bằng hết sức bình sinh, ông ta vồ lấy, trút xối xả xuống mặt mũi. Cái miệng há ra, đói khát. Nước xối tràn ra mặt mũi, ngập cả đôi mắt trắng dã trợn trừng. Mặc kệ, ông vẫn nuốt ừng ực, cống quýt, khốn khổ. Lát sau, chiếc bidông rời khỏi tay, rơi xuống đất, hai cánh tay cũng rớt xuống chiếu. Ông nằm ngoẻo cổ. Kiệt sức. Đôi mắt nhắm lại và hơi thở dường như đã biến mất.

Tôi đứng sững, lát sau mới cúi xuống nhặt chiếc mền lên, đắp lại cho người đàn ông khốn khổ.

*

Một tuần sau tôi bị điều đi làm việc ở nhà bếp. Xếp sòng ở đây là một anh hạ sĩ răng vàng. Thấy chúng tôi bước vô, hấn hỏi:

"Mấy đứa?"

"Tám đĩa."

Hắn ra lệnh:

"Thằng nào biết chữ thì ghi tên tất cả lại cho tao rồi ở luôn trong này mà nấu nướng dọn dẹp, hễ tao hứng lên là tao điếm danh, sót đĩa nào là tao cho bò."

Tôi làm theo lời gã. Xong việc, gã phát cho mỗi người một cái xẻng:

"Một đĩa lên bếp xúc cơm đổ vô cà mềng, một đĩa đem cà mềng cơm lại đằng kia chổng lên cà mềng canh rồi xếp lại ngay ngắn."

Bọn thanh niên tuân lệnh răm rắp. Hạ sĩ răng vàng day sang tôi và Dã Nhân:

"Hai thằng này đi nấu nước trà. Củi ở bên hàng rào, cây nào ở trên chụm trước, lấy lộn xộn cũng bò luôn."

Dã Nhân đứng tần ngần bên bể nước, giống hệt chàng Sạclô, nhìn mệt mỏi xuống những thúng gạo lớn. Bắp cải, dưa chuột lăn lóc dưới chân.

Tôi nhảy lên thành bể nước, kéo cái thùng sắt.

"Phụ một tay", tôi nói.

Dã Nhân đỡ thùng nước xuống để dưới chân nhưng không chuyển đi. Anh móc trong túi ra một cái chai nhỏ, đưa cho tôi. Chai đựng một thứ nước trắng đục như sữa. Tôi mở nắp gửi, thấy mùi hăng hăng

"Mủ xương rồng?" Tôi hỏi.

Dã Nhân đưa mắt ngó hạ sĩ răng vàng, gật đầu. Tôi lại hỏi:

"Ông định làm chuyện đó?"

"Coi như bỏ một con mắt"

"Tại sao không chặt ngón tay trở?"

Dã Nhân cười, cái môi thâm mở ra, buồn tênh.

"Tao nghĩ kỹ rồi. Bỏ con bên trái.

Cái giọng lạnh lùng ấy của Dã Nhân, tôi chưa nghe lần nào. Nó làm tôi sợ. Và tôi càng sợ hơn khi nhìn thấy cái bóng của bạn mình méo mó dưới đáy bể nước chao động, không còn ra hình dáng con người.

*

Mưa giông dữ dội. Đêm nào tôi cũng chui xuống hầm trốn pháo kích mà ngủ. Hầm được xây bằng những thùng phuy chứa đầy cát, phía trên nóc lợp vỉ sắt và đổ cát thật dày. Nước mưa đọng trong cát, rịn xuống, nhỏ giọt trên mặt đất. Bọn tôi trải chiếu nằm kế nhau. Tên du đãng thắp ngọn đèn cây cắm trên cục gạch.

Nó tựa lưng vô vách hầm, rụt cổ xuống, im lặng hút thuốc. Trong ánh sáng leo lét của ngọn đèn cây, nó trông giống một nhà sư khát thực.

Dã Nhân mơ ngủ nói ú ớ trong xó tối. Anh nằm lim dim, hai cái chân khằng khiu cong lại, co ro, xương bánh chè nhô lên khỏi đầu gối, thân thể lép xẹp như con cá khô, như một người châu Phi chết đói giữa sa mạc.

Một hồi còi chọt rúc lên. Dã Nhân mở mắt ra, hỏi:

"Cái gì vậy?"

Tên du đãng đáp:

"Còi thổi tập hợp."

Tôi giục:

"Nhanh lên! Nó phạt bây giờ!"

Nhưng hình như Dã Nhân vẫn chưa thoát khỏi cơn mơ. Mọi người đã chạy ra hết ngoài sân. Mưa vẫn rả rích. Tiếng tu

huýt rúc lên. Tiếng cán bộ la hét.

Dã Nhân bước ra ngoài mưa, như kẻ mộng du.

Tên trung sĩ chặn anh lại, hỏi gay gắt:

"Làm gì bây giờ mới ra?"

"Tôi ngủ quên,"

Một cái tát làm Dã Nhân lão đảo. Tên trung sĩ hét lên:

"Cởi quần dài ra! Quỳ xuống đi bằng hai đầu gối từ đây đến cầu tiêu cho tao."

Hàng trăm thanh niên bất phục tùng đứng im phăng phắc trong sân sáng choang ánh đèn.

Dã Nhân đứng thất thần như kẻ sắp bị đem đi hành quyết.

Anh cởi bỏ quần dài rồi quỳ xuống nền đất đầy cát sạn.

Tên trung sĩ ra lệnh:

"Đi!"

Dã Nhân lê tới. Những viên sạn bén nhọn cứa trên hai đầu gối. Anh cắn răng, cố chịu đựng. Tên trung sĩ nhảy tới, vung roi ngựa quất tới tấp lên đầu và lưng Dã Nhân. Anh trợn mắt tiến tới, máu đầm đìa hai đầu gối, nhuộm đỏ những hòn sạn đau buốt, buộc anh phải dừng lại. Nhưng cú đập của tên trung sĩ đã làm anh chúi mũi. Dấu chiếc giày trận trên lưng anh in rõ nét như vẽ bằng một thứ bùn đặc sệt.

Dã Nhân gượng dậy, nghiêng răng tiến tới trên hai đầu gối trong nỗi uất hận điên cuồng. Khi đến cuối sân, anh đứng dậy thì thịt ở hai đầu gối đã rữa nát, máu chảy ròng ròng xuống hai ống chân.

Anh quay về, chậm rãi, nghiêm nghị, mặt ngẩng lên như chàng giác đấu vừa hạ con sư tử.

Cái nhìn bốc lửa của anh khiến tên trung sĩ rúng động. Và để

trấn áp cơn sợ lạ lùng vừa ập đến, hấn hét lên:

"Cho mày nhớ đời!"

Nhưng hấn không thấy bàn tay Dã Nhân đã nắm chặt lại. Đến quở gác cửa địa ngục cũng không đỡ hơn anh lúc ấy. Cái đấm bay tới điên cuồng. Tên trung sĩ ngã ngựa. Hấn rú lên, đưa hai tay bụm mặt, máu rịn ra quanh kẽ ngón tay.

"Bắt nó! Bắt nó!"

Ba bốn thằng lính chạy lại. Chúng đánh anh bằng báng súng. Giày "xô" đập lên ngực, thúc vào ba sườn. Dã Nhân bị hất văng đi, nhủi xuống bùn, nhưng anh không kêu một tiếng.

Một cú đá nào đó đã làm vỡ môi anh, máu ứa ra đầy miệng. Anh lăn lóc giữa trận đòn thù như đoạn củi khô. Anh lờ mờ cảm thấy thân thể mình đang tan vỡ từng mảng đẫm máu.

Cuối cùng, người ta đem đến một chiếc còng sắt. Một cái lệnh ngắn và gọn được ban ra:

"Nhốt vô chuồng cọp. Một tháng!"

7. Con nhện và Sisyphé

Sau giải phóng Dã Nhân cởi áo tràng, bỏ chừa đi bụi đời. Dù vậy tôi vẫn coi ông như sư phụ của mình vì ông rất uyên bác về Phật học và nhiều vấn đề xã hội khác.

Ông thường hay la cà với đám thợ hồ, thợ mộc và phu xích lô, chiều chiều lai rai ở mấy cái quán cóc trong xóm lao động. Nhiều khi say quá mà không chịu về, ông thường ngồi một mình, mắt mờ đi, nhìn hoàng hôn tím sẫm sau những mái tôn nám khói. Khi tiên sinh trở về thì đã chạng vạng tối, có lần sẩy chân lọt xuống sình. Chòm xóm đến kéo lên, đội

nước cho sạch bùn rồi cống về nhà. Lại có khi đi ăn giỗ về, quá chén, vừa bước qua cổng nhà đã ngã vô bụi ốt nằm bất động mê man đến nỗi kiến lửa cắn nát cánh tay vẫn không hay. Khi đưa vô bệnh viện thì da tay rộp lên những bong bóng nước chi chít, còn đầu thì rỉ máu.

Mấy hôm nay tâm trí Dĩ Nhân thường bất ổn

Tôi chơi nhạc Trịnh cho ông nghe.

Có một dạo bị mất ngủ, tôi phải nằm điều trị ở Bệnh viện Y học Dân tộc. Sếp ở đây là bác sĩ Trương Thìn, anh có một phòng riêng ở đó. Mỗi sáng anh thường đến bệnh viện vào lúc 9 giờ và tôi mò đến chơi với anh. Anh có cây ghita rất tốt và tôi đã chơi nhạc Trịnh theo lối cổ điển cho anh nghe. Anh nói:

"Mình lấy làm lạ tại sao ông bị stress. Một người có ngón đàn như thế không thể bị stress được."

Tôi tin đó không phải là một lời khen suông để lấy lòng vì thế tôi vẫn đàn cho Dĩ Nhân nghe mỗi khi ông bất an. Tôi muốn đem lại sự thanh thản cho ông bằng những lời thủ thỉ: Suối đã từng bàn chân em qua...

Và tiên sinh đã thiếp ngủ.

Tôi đặt cây đàn xuống. Đêm tràn qua cửa sổ. Tôi vẫn ngồi cho đến khi không còn nhìn thấy hai bàn tay mình đang đặt trên đầu gối. Dĩ Nhân cũng chìm khuất, hoà lẫn trong biển im lặng.

*

Nửa đêm tiên sinh gọi tôi dậy:

"Người có biết triết học bắt nguồn từ sự sợ hãi không?"

"Biết. Tư tưởng Phật giáo bắt nguồn từ sinh, lão, bệnh, tử."

Đó là sự sợ hãi."

"Không phải chỉ Phật giáo. Mọi hệ thống triết học đều bị ám ảnh bởi cái chết và cố gắng vượt qua nó."

Tâm hồn Dã Nhân giờ đã lắng xuống như ly nước để qua đêm. Trên mặt thì trong sạch tinh khiết nhưng dưới đáy ly vẫn còn bụi bặm của cả một đời người. Cái cặn ấy không đổ đi được, không lọc sạch được và sẵn sàng bị khuấy động.

Tiên sinh không thể ngồi thiền. Tâm của ông không ở với thân. Nó như con khỉ nhẩy nhót không ngừng, nó như con ngựa chạy. Phật giáo gọi trạng thái này là "tâm viên ý mã." Vì thế mà ông thay thiền bằng rượu.

Tôi hỏi tiên sinh:

"Thầy nghĩ gì về Eckhart Tolle?"

"Đời ta có hai lần hạnh phúc. Lần thứ nhất là năm ta mười tám tuổi, đọc Nam Hoa kinh của Trang Tử và lần thứ hai năm ta sáu mươi tuổi đọc The Power of Now của Eckhart Tolle tiên sinh. Đó là những cuốn sách làm ta sửng sờ kinh ngạc."

Tôi nói:

"Thực ra Eckhart Tolle cũng chỉ diễn đạt tư tưởng của Phật Thích Ca."

"Không sai. Nội dung của cuốn The Power of Now là sự hiện đại hóa pháp môn Chánh Niệm, một nội dung rất quan trọng của Bát Chánh Đạo. Ông đã dùng ánh sáng luận lý của triết học phương Tây để quảng diễn một cách sâu sắc và cụ thể pháp môn này. Phật giáo rất coi trọng pháp hành hơn lý thuyết suông. Và Chánh Niệm là phần quan trọng nhất trong pháp hành. Thậm chí ta có thể nói đắc đạo hay không đắc đạo, thành Phật hay không thành Phật, Niết bàn hay không

Niết bàn... cũng đều nằm trong Chánh Niệm. Và Chánh Niệm chính là cái 'hiện tiền phi thời gian' của Eckhart Tolle. Đối với ta, Eckhart Tolle thực sự là một vị A La Hán."

Cuốn The Power of Now đã được dịch ra tiếng Việt dưới nhan đề Sức mạnh của hiện tiền phi thời gian. Đọc cuốn sách này tôi nhớ mấy câu kệ trong Trung bộ Kinh của Phật giáo Nguyên thủy. Câu kệ ấy như vậy:

*Thường sống trong rừng núi
Bậc thánh sống phạm hạnh
Một ngày ăn một bữa
Sao sắc họ thù diệu?
Không than việc đã qua
Không mong việc sắp tới
Sống ngay với hiện tại
Nên sắc họ thù diệu.*

Cái mà Eckhart Tolle nhắc đi nhắc lại trong tác phẩm của ông là "sống ngay với hiện tại". Nhưng chính Eckhart Tolle cũng nói rằng trên thế giới số người đạt tới cảnh giới ấy không nhiều. Vậy thì tính khả thi của Chánh Niệm, của cái "hiện tiền phi thời gian" là rất thấp và cái chết vẫn còn đó, vẫn treo lơ lửng trên phận người như một nỗi sợ hãi thường trực.

Dã Nhân kể một câu chuyện trong Nam Hoa kinh:

"Khi Trang Tử sắp chết, các học trò ông bàn nhau tổ chức đám tang. Ông nói: 'Ta chết đã có bầu trời, mặt đất làm quan quách. Những vì sao và chim chóc đưa tiễn ta. Thế thì các người tổ chức đám tang làm gì?' Học trò thưa: 'Chúng con sợ điều, quạ rửa xác thầy.' Trang Tử nói: 'Các người

muốn cướp cái ăn của diều và quạ sao?"

Có phải Trang Tử muốn hiểu cái chết như là một sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác, từ sinh vật này sang sinh vật khác không?

Tôi nói:

"Nhưng để ngộ được như Trang Tử phải tu nhiều kiếp. Vậy mà có một loài vật không cần tu luyện nhưng vẫn ngộ."

Dã Nhân với lấy chai rượu nhưng không còn một giọt nào. Ông đưa nó lên ánh đèn lù mù rồi thả nó lăn tròn dưới sàn nhà. Ông hỏi:

"Loài vật nào?"

"Tôi không nhớ nổi cái tên khoa học dài dòng của nó. Chỉ biết là tôi đã xem một chương trình truyền hình. Một con nhện cái màu đen. Nó có cái vòi dài và tự đẻ trứng trên khắp thân thể nó. Hàng trăm cái trứng màu trắng, chi chít, lổm đổm trên lưng, trên cổ, trên bụng nó. Đẻ xong thì nó chết. Ít lâu sau những chú nhện con ra đời và xác của mẹ chúng trở thành kho thực phẩm nuôi chúng lớn lên. Thầy nghĩ thế nào về con nhện đó?"

Dã Nhân nói:

"Nó biết chuẩn bị cho mình một cái chết. Đó là cái chết không sợ hãi, nhẹ nhõm, tự nguyện và tự do."

"Triết học Hiện sinh cũng biện hộ cho một cái chết tự do."

"Triết học Hiện sinh là triết học của sự phi lý (la philosophie de l'absurdité). Tại sao phi lý? Vì mọi người đều là một anh chàng Sisyphé. Cố lăn tảng đá lên đỉnh núi dù biết rằng khi tới đỉnh thì nó lại rơi xuống vực. Và anh ta lại phải tiếp tục lăn tảng đá ấy lên đỉnh núi, để rồi nó lại rơi xuống. Đó là sự

phi lý. Giống hệt con người sống để rồi chết thế mà vẫn phải sống, vẫn phải lặp đi lặp lại hàng ngàn năm như anh chàng Sisyphé nọ.

Muốn thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn ấy chỉ còn một con đường là tự sát. Bởi vì khi tôi tự sát có nghĩa là tôi đã tự quyết định. Có nghĩa là tôi tự do! Và tôi chứng minh được rằng tôi hiện hữu.

Con nhện không cần triết lý. Nhưng nó đã tự quyết định cái chết của mình, nhẹ nhàng, thanh thản và rất hồn nhiên.

Tại sao con người lại không thể chuẩn bị cho mình một cái chết hồn nhiên như vậy?

Cái chết của con nhện chẳng phải là nhập Niết bàn sao? Chẳng phải là đi vào Cõi Trời sao?

Giải mã được cái chết của con nhện thì không cần triết học, không cần tôn giáo nữa.

Và đó chính là sự Giải thoát."

Tôi im lặng. Tôi chưa hiểu nổi điều mâu nhiệm trong cái chết của con nhện. Và tôi đưa một câu hỏi rụt rè:

"Hay con nhện đã hành động theo bản năng?"

Dã Nhân cả cười:

"Bản năng? Thường thì sinh vật (kể cả loài người) chỉ có bản năng sinh tồn (gồm ăn, uống, tình dục, săn mồi...) chứ không có bản năng hy sinh, không có bản năng quên mình. Vì đó là những phạm trù thiêng liêng chứ không phải bản năng. Và ta cho rằng hiểu được điều mâu nhiệm trong cái chết của con nhện tức là đã trả lời được câu hỏi lớn của nhân loại mà không cần phải tự sát theo kiểu của Camus:

Il n y a qu un problème philosophique vraiment sérieux: c

est le suicide. Juger que la vie vaut ou ne vaut pas la peine d'être vécue, c'est répondre à la question fondamentale de la philosophie. (Chỉ có một vấn đề triết học thực sự quan trọng: đó là tự sát. Hãy xét xem cuộc đời đáng sống hay không đáng sống, đó chính là trả lời cho vấn đề căn bản của triết học. Trích Le mythe de Sisyphe,)"

Tôi hỏi:

"Tiên sinh à! Ông nghĩ gì về cái chết của Albert Camus?"

"C'est le suicide."

"Tự sát sao? Báo chí đưa tin rằng đó là một tai nạn giao thông mà?"

Dã Nhân uể oải đứng dậy, mở cánh cửa tủ ọp ẹp của ông, lục lọi trong mớ báo cũ.

"Cậu đọc đi," ông nói nhưng không đưa tờ báo cho tôi mà lại đeo kính lão vào mắt rồi tự đọc lấy:

"La voiture quitte la route et percute un arbre qui la borde. Les journaux de l'époque évoquent une vitesse excessive (130 km/h), un malaise du conducteur ou l'éclatement d'un pneu, mais René Étiemble affirme: "J'ai longtemps enquêté et j'avais les preuves que cette Facel Vega était un cercueil. J'ai cherché en vain un journal qui veuille publier mon article..." (Chiếc xe đã lạc tay lái và đâm vào một thân cây bên lề đường. Báo chí thời ấy cho rằng xe đã chạy quá tốc độ - 130 km/giờ-. Tai nạn xảy ra là do lái xe vụng về hoặc do nổ lốp xe, nhưng nhà báo René Étiemble thì khẳng định: "Trong một thời gian dài, tôi đã điều tra vụ việc và tôi đã có bằng chứng rằng chiếc xe Facel Vega đã là một cỗ quan tài. Tôi đã cố tìm một tờ báo nào dám đăng bài viết của tôi

nhưng vô ích..."

Tôi lắng nghe và ngẫm nghĩ. Rồi tôi hỏi:

"Câu nói úp úp mở mở của Étiemble thực ra là gì?"

"Là gì không quan trọng. Cái quan trọng chính là câu mà Camus đã nói: 'Il n y a qu un problème philosophique vraiment sérieux: c est le suicide.' Và chính ông đã giành lại cho mình quyền tự do ấy."

8. Đại đội 22 trinh sát

Điểm đến của tôi sau "ba tháng quân trường" là đại đội 22 trinh sát thuộc sư đoàn 22 bộ binh đóng ở Cầu Bà Gi. Một ngọn núi nhỏ, trơ trọi. Một ngọn tháp đơn độc của người Chăm-pa mà người ta quen gọi là tháp Bánh Ít.

Những ngày cuối cùng ở quân trường tôi bị bệnh mắt hột. Mắt cộm, sưng lên, không mở ra được.

Tôi xuống xe, xách chiếc ba lô con cóc, quờ quạng đi như một gã hành khất mù loà.

Bốn mươi lăm ký, đầu húi cao, quần áo lính thùng thình, giày botte de saut mới tinh, nặng trĩu. Đứng xếp hàng trước cái trại lính lụp xụp lợp bằng tôn rỉ sét. Sau đó là ôm mặt nằm cong queo trên chiếc giường gỗ rộng tám tấc. Hai mắt đau rát.

Xế chiều có ai đó tới thăm tôi. Một thằng bạn? Không thấy mặt nó, chỉ cảm nhận một cú chạm nhẹ ở cuối giường và một tràng cười ngật nghẻo. Cười chảy nước mắt, cười hô hố. Nhưng chỉ có nó cười. Tụi lính mới về không ai dám cười kiểu đó.

"Hiếu ơi! Tao nghe nói mày làm cách mạng mà! Sao bây giờ

mày về đây làm lính của tao?"

Đó là cái giọng Huế của thằng Văn Eng. Khi tôi và Trần Quang Long “quậy” ở Qui Nhơn nó đứng ngoài cuộc vì ba nó là sĩ quan chế độ cũ. Tuy vậy chúng tôi cũng rất thân nhau. Cùng với Nguyễn Quang Hoà, chúng tôi là bộ ba giống như ba người lính ngự lâm. Trong ba thằng thì tôi và Văn Eng là những đứa lêu lổng nhất. Tới mùa thi, khi ai cũng vui đầu nơi bàn học thì giữa đêm khuya Văn Eng bảo tôi tới nhà người yêu của nó.

Cô gái có một cái tên dài dòng, sang trọng, kiêu kỳ. Mai Lâm Tuyết Hườn. Tuyết Hườn là một viên tuyết nhỏ. Mai Lâm Tuyết Hườn là một viên tuyết nhỏ trong rừng mai.

Nhưng nhà của Tuyết Hườn không phải là một rừng mai mà là một cửa hàng bán vật liệu xây dựng với một cái sân khá rộng và điều đáng ngạc nhiên là bên trong đang có... ba con bò khổng lồ.

Tại sao một nhà giàu quý tộc ở giữa lòng thành phố Qui Nhơn như thế lại nuôi ba con bò?

Văn Eng và tôi đứng tần ngần trước cái cổng gỗ to lớn. Không có người đẹp. Không có ánh đèn trong cửa sổ. Chỉ có 3 con bò đang im lìm nhìn chúng tôi, đen thui như ba tên Chà Và gác cổng.

Văn Eng thò tay vô phía trong cánh cửa cổng, mở cái chốt.

Rất thông thả, ba con bò bước ra ngoài đường phố. Còn chúng tôi thì bỏ chạy.

Cũng may, sáng hôm sau gia đình Tuyết Hườn tìm lại được ba con bò!

*

Thiếu úy Văn Eng ôm lấy tôi.
Cuộc gặp ấy làm tôi bất ngờ quá.
Nó là thiếu úy đại đội phó của tôi. Đại đội trưởng là một tay đại úy xuất thân Trường Võ bị Đà Lạt. Về sau tôi biết hai người không ưa nhau và thủ thế với nhau khá căng thẳng.
Eng tâm sự với tôi:

"Mỗi lần thấy tao đi ngang qua văn phòng của nó, nó đều đặt tay lên khẩu colt 45 để sẵn trước mặt."

"Vì sao vậy?"

"Vì đã có lần tao suýt bắn nó."

Văn Eng là một sĩ quan nho nhã, có học thức.

Và sau này, tôi tình cờ đọc được một truyện ngắn của nó đăng trên tạp chí Trình Bày. Đó là một truyện ngắn độc đáo. Tôi ngạc nhiên về tài năng của nó.

Ít lâu sau tôi nghe nó tử trận.

Nó không thích Việt cộng và cũng không thích Mỹ. Nó ghét chiến tranh và vẫn mãi mãi yêu Mai Lâm Tuyết Hườn. Tôi không biết bây giờ Hườn đang ở đâu. Mỹ hay Canada, hay Pháp? Tôi chỉ biết rằng Văn Eng đã chết. Đại đội của nó rơi vào một ổ phục kích và vì không muốn bị bắt nên nó đã rút súng tự sát.

Tội nghiệp cho Văn Eng. Anh bị động viên vào Thủ Đức và trở thành một sĩ quan bất đắc dĩ. Anh đã không mưu cầu một điều gì từ cuộc chiến ấy. Văn Eng, bạn tôi, là một nhà văn có tài dù anh chỉ mới viết có dăm ba cái truyện ngắn.

Eng ơi! Viết đến đây tao khóc. Vì tao thương mà quá. Sao mà lại tự sát? Sao mà không cố nhịn nhục ở tù ít lâu rồi anh em mình lại gặp nhau?

9. Mẹ tôi

Trước Tết Tân Hợi 1971 chừng một tháng, tôi xin được một cái phép ba ngày về thăm mẹ.

Căn nhà của tôi bây giờ chỉ là một nơi hoang tàn, lạnh lẽo. Tôi đi từ nhà trước ra nhà sau, không một bóng người.

Khi tôi đẩy cửa bước vô căn buồng nhỏ nơi mẹ tôi thường nằm thì nghe có mùi gì rất lạ. Căn buồng tối quá, tôi phải mở cánh cửa nhỏ mới nhìn thấy được mọi thứ trong đó. Chiếc giường nhỏ kê sát vách không có ai nằm. Một chiếc gối nhỏ và chiếc mền cũ màu xám tro. Tôi đến bên giường, vừa đặt tay lên gối thì một đám bụi bốc lên. Trên chiếu lò mờ hiện lên những vật gì màu nâu. Tôi cúi xuống. Các bạn có biết đó là cái gì không? Đó là phân người. Chúng đã khô quắt lại.

Từ ngày tôi bị bắt lính, mẹ tôi đã sống thui thủi một mình trong cái buồng nhỏ này với ngọn đèn dầu hiu hắt từng đêm.

Những người hàng xóm kể lại rằng khi bà đi xuống bếp lục cơm nguội ra ăn, với tay lấy chai nước mắm chan vô chén cơm, hóa ra đó là chai dầu lửa. Bà nhai miếng cơm trộn trạo trong miệng một lúc mới nghe được mùi hôi và ói ra đầy giường.

Xế chiều buồn quá bà ngồi dậy quơ lấy cây gậy tre, từng bước chống đi, dò dẫm đến những nhà quen ở đầu chợ.

Tôi liền chạy ra đầu chợ, thấy mẹ ngồi đó, nhưng bà cũng không nhận ra tôi nữa. Lúc tôi chạy đến ôm bà, bà mới nhận ra hơi hướng của tôi. Bà sờ lên đầu lên mặt tôi và hỏi:

"Con đây hả?"

Thế là bà khóc. Tôi cũng khóc. Buổi chiều đó tôi cõng mẹ từ ngoài chợ về nhà. Những người trong làng đổ xô ra xem, xem anh lính binh nhì cắp cây gậy tre trong nách cõng mẹ đi qua thị trấn.

Hàng xóm chạy đến giúp tôi dọn dẹp nhà cửa.

Lúc đó cha tôi đang ở một nơi khác. Với một gia đình khác. Có lẽ ông không hề biết mẹ tôi đã suy sụp đến như thế. Còn tôi, bây giờ tôi phải làm gì trong tình cảnh này? Ở lại với mẹ cũng không được vì đơn vị sẽ báo cáo đào ngũ. Trở về làm lính cũng không xong vì mẹ tôi sẽ chết. Cõng mẹ vô rừng theo kháng chiến thì đúng là chuyện không tưởng.

Tôi cần một ít thời gian để suy nghĩ.

Buổi chiều hai mẹ con ngồi bên thềm giếng ăn cơm với nhau. Mẹ tôi hỏi:

"Con về ở luôn với mẹ chứ?"

"Không mẹ à, ngày mốt con đã phải đi rồi."

"Sao con đi sớm vậy? Con đi đâu?"

"Con vào trại lính."

"Người ta nói con đi lính khổ đở phải không? Tại sao con là ông cử nhen mà phải đi lính khổ đở?"

"Tại vì nước mình đang chiến tranh, ai cũng phải đi lính cả, mẹ ạ. Người ta bắt buộc như thế."

"Gần Tết rồi, con có về nữa không?"

"Về. Con sẽ về ăn Tết với mẹ."

*

Nhưng Tết đó tôi không về được. Chiều ngày hai mươi chín

Tết, bọn lính trong đại đội trốn hết chỉ còn lại mình tôi với ông trung sĩ già. Ông ta chửi thề tùm lum rồi cùng với tôi chia nhau trực gác đêm giao thừa.

Một mình tôi gác năm vọng. Đứng ở vọng này một lúc lại chuyển sang vọng khác. Súng đạn đầy mình.

Ông trung sĩ già thì gác cổng chính, văn phòng và kho đạn.

Gần giao thừa ông thả cho tôi ít đồ hộp và mấy trái sáng để bắn “mừng xuân mới.”

Nhưng lúc ấy tôi biết mẹ tôi đang thức một mình với ngọn đèn dầu leo lét đợi tôi.

Tôi thấy những lon đồ hộp và trái sáng xuống bờ cỏ ướt, ngóng nhìn lên bầu trời đen sâu thẳm.

Giao thừa đến với hàng ngàn thứ tiếng động ồn ào. Tôi gác khẩu M16 trên lô cốt và ngồi xuống bờ cỏ.

Khi mọi tiếng động đã tắt, khi trời đất yên tĩnh trở lại, tôi nằm ngửa trên cỏ ướt. Những băng đạn dày cộm đè trên ngực tôi. Tôi thấy mình đang mục nát.

Sáng hôm sau, một người bạn cưỡi một chiếc Honda, vượt qua cái dốc đất đỏ, đến chỗ đóng quân của tôi, dừng lại bên rào kẽm gai. Anh ngoắc tôi ra và bảo:

"Bà già mất rồi!"

Tôi được cấp cho bảy ngày phép. Bảy ngày đó đủ để tôi về quê chôn cất mẹ tôi, giao nhà lại cho mấy người bà con rồi đi Qui Nhơn. Tôi nhờ người thân phía bên vợ dùng giấy tờ giả để mua vé máy bay vào Sài Gòn.

10. Trí thức nằm vùng

Vào thời điểm đó các căn cứ của Thành Đoàn ở vùng ven Sài

Gòn và chiến khu D bị càn quét ráo riết nên đa số phải dời sang tận bên đất Campuchia. Các cơ sở ở nội thành Sài Gòn cũng bị lộ, anh em phải chạy vô cứ và cũng trôi dạt sang bên kia biên giới.

Thời gian tôi bị kẹt trong quân đội Sài Gòn tuy chỉ hơn 6 tháng nhưng cũng giúp tôi tránh được những cuộc hành quân càn quét, lùng sục ở nội thành.

Tôi bắt liên lạc với tổ chức khá dễ dàng. Bây giờ tôi trực tiếp làm việc với Lê Công Giàu, một trong những lãnh đạo Thành Đoàn lúc đó. Về sau này, vào năm 1994, khi tôi bị “đánh phủ đầu” vì cuốn tiểu thuyết Nổi loạn thì anh là ông quan cách mạng duy nhất đã thăm hỏi và chia sẻ cùng tôi trong những ngày bị hỏi cung căng thẳng nhất. Những người khác đều quay lưng, thậm chí có người còn muốn dây máu ăn phần!

Tôi thuê một căn gác nhỏ ở Thị Nghè và anh Giàu thường lui tới với tôi tại đó. Anh nói:

"Cơ sở của mình bị lộ nhiều lắm. Cán bộ nòng cốt không còn bao nhiêu vì thế những người còn trụ lại được nội thành như ông là quý lắm đấy nhé."

"Thôi, tôi không ở đây nữa đâu. Anh cho tôi vô rừng. Mẹ tôi đã mất rồi."

"Vô rừng làm gì? Anh đã từng ở rừng, anh biết rồi đó. Bạch diện thư sinh như mình có đánh đấm gì được đâu. Ngồi chơi xơi nước là chính."

"Nhưng mà ở nội thành, làm việc theo phong trào, lúc có lúc không, lúc lên lúc xuống. Nhất là thời điểm này đang án binh bất động. Chán chết được."

"Thì ông cứ học để lấy cho xong cái cử nhân đi. Và nhất là

phải tìm một việc làm nào đó.

*

Làm gì? Một chiếc mobilét xanh, phía sau có hai túi vải đựng báo. Sáng sớm giành giựt báo ở vỉa hè đường Trương Định, lạch bạch chạy lên khu vực chợ Cầu Muối, Nguyễn Cảnh Chân, lòng vòng trong xóm lao động. Chín giờ sáng xong việc, chạy đến trường đại học. Mười hai giờ ra khỏi trường, tắt vô quán cơm xã hội.

Làm gì? Xế chiều chạy xuống Thị Nghè gặp một người đồng hương làm thợ sửa morasse cho báo Điện Tín.

"Hôm qua tôi viết tới đâu rồi?"

"Tới chỗ hai đứa gặp nhau trên đèo Bảo Lộc."

"OK. Cho tôi một ly nước lạnh."

Ba mươi giây biến thành nhà văn. Viết feuilleton mỗi ngày bốn trang đánh máy. Viết xong, nằm lăn dưới sàn nhà đọc Tiểu ngạo giang hồ của Kim Dung. Ông ta cũng viết feuilleton như tôi nhưng ông ta giàu vì có hàng triệu độc giả, còn tôi chỉ có vài trăm ngàn người, lên xuống theo số lượng bản in của báo Điện Tín.

Tôi viết tùm lum, bốn năm cái tiểu thuyết. Bây giờ nghĩ lại tôi cũng không nhớ nổi cốt truyện, chỉ nhớ một cái tên rất "kêu" là Sương xuống mênh mông.

Chiều hôm đó tôi viết chương cuối cùng. Ngày hôm sau lại bắt đầu một cuốn khác lấy tên là Thành phố bạo lực. Sau giải phóng tôi đã cho in lại truyện này dưới tên Một chuyến đi xa, được tái bản bốn lần và sau đó được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam.

*

Từ năm 1972 đến năm 1974 phong trào sinh viên ở Sài Gòn quá yên tĩnh. Tôi không có việc gì để làm bèn tấp qua nhánh văn nghệ.

Mấy năm trước, hồi còn ở Huế tôi có cộng tác với báo Tin Văn do anh Nguyễn Ngọc Lương làm chủ bút vì vậy chúng tôi quen nhau. Khi tôi vào Sài Gòn thì tờ Tin Văn đã đóng cửa vì chính quyền đánh hơi được “mùi Việt cộng” ở đó. Anh Nguyễn Ngọc Lương cũng bị họ bắt giam mấy lần nhưng vì không có bằng chứng nên phải thả ra.

Vợ anh là con gái một gia đình tư sản chuyên kinh doanh về xăng dầu. Anh là “Bắc kỳ di cư”, vốn là một công chức của Đài Phát thanh Sài Gòn. Tôi không biết với lý lịch như vậy sao anh có thể trở thành cộng sản được.

Thỉnh thoảng tôi đến ăn trưa với anh. Chị Lương cũng là người trí thức. Chị nói tiếng Anh rất lưu loát và có kiến thức về y học khá rộng.

Một lần anh hỏi tôi:

"Cậu đang làm gì để sống?"

"Em đi bán báo. Nhưng... bây giờ nghỉ rồi. Vì chỉ bán giúp cho người ta một thời gian thôi. Anh có thể giới thiệu cho em một chỗ nào đó được không?"

Điều thú vị là anh có một chỗ.

Chỗ ấy là trạm xăng ở đường Hai Bà Trưng, ngay sau lưng nhà bưu điện trung tâm Sài Gòn.

*

Đó là một trạm xăng lớn của gia đình bên vợ anh Nguyễn Ngọc Lương. Tôi làm một nhân viên bơm xăng bình thường,

mặc đồng phục kaki màu xanh biển. Không nhớ lương bao nhiêu nhưng cũng đủ sống.

Anh Lê Công Giàu và tôi thường lấy trạm xăng làm chỗ liên lạc. Có khi thì anh đến, có lúc thì giao liên của anh đến.

Phong trào sinh viên vẫn án binh bất động. Anh Nguyễn Ngọc Lương giới thiệu tôi với nữ nghệ sĩ Hột Xoàn và nhà văn Vô Hạnh (tôi không muốn nêu tên thật của ông vì ông đã gần đất xa trời, vì thế tôi mượn tạm cái tên mà nhà văn Ngụy Ngữ đã đặt cho ông.)

Ông là nhà văn nổi tiếng và đã từng bị vài tờ báo của chính quyền Sài Gòn nêu đích danh là “cộng sản nằm vùng”.

Tuy nhiên chúng tôi không thường gặp nhau vì tờ Tin Văn đã bị đóng cửa, không có môi trường để sinh hoạt.

Có một nhà văn thường xuyên quan hệ với ông Vô Hạnh, đó là Lữ Phương. Hồi đó anh là giáo viên cấp 3 dạy văn. Anh nổi tiếng qua những bài chính luận sắc bén đăng trên tờ Tin Văn. Càng nổi tiếng anh càng bị chính quyền Sài Gòn để ý và tôi cũng không hiểu tình hình đùn đẩy thế nào mà anh lại vào chiến khu, tham gia vào chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam với chức vụ Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Đến thời điểm đó tôi vẫn chưa được gặp mặt anh dù đã đọc anh khá nhiều.

Những ngày đầu giải phóng tôi có dịp làm việc chung với Lữ Phương trong Hội đồng Đánh giá Văn học miền Nam tại Thư viện Quốc gia.

Anh khá nổi bật trong số các thành viên của Hội đồng vì cách ăn mặc.

Trong khi các cán bộ miền Bắc và cán bộ ở rừng ăn mặc

luộm thuộm, đi dép râu, còn những người tại chỗ như Vô Hạnh và tôi cũng xuyềnh xoàng, thì Lữ Phương ăn mặc chỉnh tề, đẹp. Có lẽ đó là những bộ quần áo của thời anh đi dạy học trước giải phóng. Quần Gabardine màu xám nhạt, sơ mi màu sậm, cài măng sét, giày da màu nâu bóng loáng.

Anh ăn nói lưu loát nhưng hoà nhã, lịch thiệp. Cái nhìn của anh về văn học ở các đô thị miền Nam trước giải phóng cũng khá thoáng.

Nhưng điều làm tôi bất ngờ nhất là anh luôn luôn bị ông Vô Hạnh ngắt lời. Ông lớn tiếng, khoa tay múa chân khi nói, và thường dùng những lời lẽ đao to búa lớn để phủ nhận những ý kiến của Lữ Phương. Thái độ đó làm mọi người khó chịu. Lữ Phương thì im lặng theo cái cách của một người cha nhìn cơn bốc đồng của đứa con mình và chờ cho nó hạ xuống. Sau đó anh lại tiếp tục nói.

Trong giờ nghỉ giải lao, Vô Hạnh nói oang oang ngoài hành lang của thư viện:

"Đầu óc tiểu tư sản của anh ta vẫn còn. Anh ta là Thứ trưởng hả? Chỉ đáng là học trò của tôi."

Lúc ấy nhiều người cho rằng ông muốn tranh cái chức Thứ trưởng Bộ Văn hóa của Lữ Phương, riêng Lữ Phương có lẽ anh đang cười thầm vì từ lâu anh đã hiểu cái chức ấy chẳng qua cũng chỉ là một vai diễn trên sân khấu chính trị mà thôi. Tôi thì ngỡ ngàng. Lúc đó tôi nghĩ chắc trước đây ông và Lữ Phương có lục đục với nhau, nhưng về sau khi ông Vô Hạnh về làm việc ở Hội Văn nghệ TPHCM thì tôi mới biết ông là một tên chỉ điểm văn nghệ.

Thực ra, nhận xét về ông Vô Hạnh như thế chỉ đúng có một

phân.

Phải định nghĩa về nhà văn Vô Hạnh như thế này: Một cá thể phức tạp bị dồn nén và đầy mặc cảm.

Ông hoạt động cách mạng trong nội thành nhưng khi ở tù, ông cộng tác với địch lộ liễu đến nỗi bạn tù đặt cho ông cái tên là “Vô Hạnh chui lỗ chó”, vì thế giải phóng xong ông không được tin dùng nên ông “hận” những anh em văn nghệ sĩ ở rừng về, nỗi căm hận biến thành cao ngạo, chửi bới vung vít.

Mặt khác, đối với anh em văn nghệ tại chỗ (nhất là những người không biết lý lịch của ông) thì ông lại tỏ ra mình là một ngự sử văn đàn, một nhà văn cách mạng chánh hiệu con nai vàng, vì thế ông phê phán người này, lên lớp người kia, lúc nào cũng đưa quan điểm lập trường chuyên chính vô sản, giai cấp công nhân... ra làm thước đo, hù dọa mấy anh em nhà văn trẻ, nhà văn chế độ cũ đang được “lưu dung”. Còn đối với các nhà văn nổi tiếng tài năng khác như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Lê Tất Điều, Dương Nghiễm Mậu... thì ông mạt sát họ bằng ngôn ngữ dao phay, mã tấu...

Sau này, khi đã ngoài bảy mươi tuổi, ông vẫn chứng nào tật nấy, vẫn giở giọng chuyên chính ra truy đuổi những nhà văn tài năng đã được đưa vào Từ điển Văn học như Dương Nghiễm Mậu.

Ông làm như vậy để làm gì?

Trước đây thì có thể động cơ của ông là tăng công với Đảng. Nhưng nịnh bợ mấy mươi năm có được gì đâu. Thế thì ở cái năm 2007 này ông còn lên giọng làm gì?

Ôi thôi, đó là chuyện có liên quan tới cái mà khoa tâm phân

học gọi là refoulement, gọi là transfer du complex, gọi là loi de compensation...

Cho đến khi nằm ngáp ngáp chờ chết, có lẽ ông cũng còn bị những quy luật tâm lý phức tạp ấy dẫn dắt như một thằng khùng.

Ngược hẳn với Vô Hạnh 180 độ là anh Nguyễn Ngọc Lương. Hiền lành, nhẫn nhục mà sống, mà làm việc. Trước giải phóng thành uỷ giao cho anh làm chủ bút một tờ báo công khai của Đảng tại thành phố Sài Gòn, nói nôm na là làm ông tổng biên tập một tờ báo “Việt cộng năm vùng” ngay trong lòng địch. Chuyện đó đâu có dễ. Nếu là bạn, chưa chắc bạn đã dám nhận, phải không? Nhất là làm việc mà không có lãnh lương!

Sau giải phóng người ta cho anh làm một nhân viên sửa morasse tại toà soạn báo Văn Nghệ TPHCM. Vậy mà anh cũng làm.

Cứ cho là trong thời gian công tác anh có mắc phải một vài sai lầm nho nhỏ nào đó đi (tôi biết chắc chắn là không có gì lớn). Cái thứ sai lầm vặt ấy, truy lý lịch ra ai mà chẳng có. Vậy thì nỡ lòng nào đày đoạ đồng chí mình như vậy!

Anh Nguyễn Ngọc Lương đã qua đời trong một tâm trạng buồn như thế.

Ngày 23 tháng 3 năm 2007, mười lăm thuỷ thủ Anh bị Iran bắt làm tù binh vì “xâm phạm lãnh hải của Iran”. Một người lính Ănglê này (có cả một cô nàng béo tốt tên là Faye Turney) đều lên đài truyền hình Iran cầm cây thước chỉ vào bản đồ xác nhận là mình đã xâm phạm lãnh hải của Iran. Sau đó xin lỗi rồi rít và cảm ơn chính phủ Iran đã đối xử rộng

lượng... Thế mà đến khi họ được thả về nước thì mọi người vẫn ra đón. Thủ tướng Anh còn bật đèn xanh cho họ thuật lại những chuyện đã xảy ra để... kiếm tiền. Rõ ràng là người ta nhìn vấn đề đó nhẹ nhàng như chơi một ván cờ.

Một người bạn khác của tôi là nhà báo Nguyễn Xuân Phổ cũng bị phân biệt đối xử và trở thành “dở khùng dở điên”, anh ăn mặc lôi thôi như gã ăn mày, đi lang thang đây đó suốt mấy năm trời và cuối cùng gục chết trên đường phố.

Anh ruột của Phổ là Nguyễn Xuân Hàm. Hai anh em có một người cha làm bộ trưởng trong chính phủ Ngô Đình Diệm. Nhưng họ đã đi kháng chiến. Sau giải phóng họ bị cho ra rìa. Tôi thương Phổ nhưng tôi không đồng tình với anh cũng như tôi không đồng tình với Khuất Nguyên vì bị thất sủng mà phải trầm mình dưới sông Mịch La. Cả hai người ấy đều chưa học thuộc hai câu thơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ trong bài “Phóng cuồng ca”:

*Thâm tắc lệ hê, thiển tắc kê,
Dụng tắc hành hê, xả tắc tàng*

(Sâu thì cởi áo, cạn thì vén áo. Biết dùng thì ta làm, không dùng thì ta về.)

Có một người đã may mắn đọc được hai câu này. Đó là Nguyễn Xuân Hàm, anh ruột của Phổ. Anh vượt biên sang Mỹ và mười năm sau anh trở về với chức Tổng Giám đốc công ty Carrier của Hoa Kỳ, có trụ sở “hoành tráng” trên đường Trần Quốc Thảo.

*

Một hôm nào đó của năm 1974 tôi được tin ông anh vợ là Trần Quốc Thuận vượt ngục trở về rừng. Tôi quyết định vào

căn cứ Thành Đoàn ở Long Khánh để thăm anh.

Căn cứ địa ở miền Đông Nam bộ không có sông nước, chỉ có vườn cây ăn trái bạt ngàn. Chúng tôi đi dưới bóng cây sầu riêng, chôm chôm, nhãn, mít. Về rừng mà giống như về làng quê.

Tôi ở ngay một căn nhà nhỏ lợp lá trung quân, sát mé rừng. Thủ trưởng của cái “chốt” này là Nguyễn Đình Mai, anh là người cùng quê với tôi, học đại học khoa học. Sau giải phóng anh làm sĩ quan công an rồi chuyển qua làm sếp một cơ quan gì đó tôi chẳng nhớ tên, nhưng nó lo về kế hoạch đầu tư với nước ngoài. Từ hồi sinh viên anh ta đã ít nói, khắc khổ. Khi làm công an lại càng nghiêm nghị hơn. Tính cách ấy phần nào không hợp với tôi vì tôi càng sống càng thấy đời nhảm nhí, thấy đầy dẫy những trò hề nên hay bông đùa, hay nói tào lao, thấy ai nghiêm túc quá thì mặc cười.

Mai nói:

"Chiều thằng Thuận nó ra."

Chuyện vượt ngục của Thuận tôi có viết thành một loạt phóng sự đăng nhiều kỳ trên báo Tuổi Trẻ hồi năm 77 hay 78 gì đó.

Buổi chiều chúng tôi gặp nhau bên một con suối nhỏ trong rừng. Anh hơi xanh xao, ốm, choàng chiếc khăn rằn quanh cổ. Tôi thông báo với anh những tin tức về gia đình. Anh nói: "Tự nhiên bây giờ mình muốn có một đứa con lạ lùng."

"Thì anh lập gia đình đi."

Cười. Rồi không nói gì. Trời tối mịt. Chúng tôi trở lại căn nhà nhỏ. Mỗi người một cái võng. Thuận kể lại cuộc vượt ngục của anh. Lợi dụng lúc kẻ địch đưa đi Bệnh viện Biên Hoà,

anh thay quần áo, leo rào, đi ra phố, nhập vào một toán học sinh mẫu giáo, giả làm phụ huynh đón con, rồi đi thẳng ra cánh đồng, ngược về phía núi Thị Vải, lạc trên núi mấy ngày mấy đêm đói khát, ăn lá cây để sống. Cuối cùng cũng gặp cách mạng.

Thuận hỏi tôi về em gái của anh. Tôi nói:

"Bà xã đang dạy học ở một xóm chài cách Phan Thiết hai mươi lăm cây số."

Xóm chài ấy có một cái tên rất quê mùa là Mũi Né. Ngày nay đó là một khu du lịch nổi tiếng và rất sang trọng, nhưng thời đó Mũi Né là một xứ lưu đày. Một làng chài xơ xác. Trong làng không có đường mà đi. Chỉ là những lối mòn đầy cát sạn, đi vòng vòng một lúc lại dẫn ra biển.

Bãi cát bắn thủ, tanh mùi cá ươn và nước mắt.

Những cơn gió mặn, ẩm, thổi từ ngoài khơi, phàn phật trên những mảnh lưới rách, cào xói những mái tranh đen nhẻm, mục nát trước khi lướt qua cồn cát mù mịt biến thành đám sương vàng khè bay phiêu hốt giữa mênh mông cát chập chùng.

Tôi từ chiến khu Long Khánh trở về giữa trưa nắng. Chiếc xe đồ lộc cọc từ thị xã Phan Thiết băng qua những gò đồng và giốc cao ven biển để xuống ngôi làng chài nhỏ bé.

Tôi theo con đường cát tìm lối vào một căn nhà lụp xụp. Căn nhà trống trơn. Bếp nguội lạnh. Chiếc võng gai rách mắc giữa nhà và trên cái bàn gỗ ở góc tường vẫn còn một ít sách vở và cái đèn dầu nám khói. Giờ này chưa đến giờ học nhưng vợ tôi đi đâu? Và đứa con gái nhỏ của tôi?

Mấy đứa bé thập thò bên cửa sổ:

"Này em. Em có biết cô Khánh không?"

"Cô đi nằm nhà thương ở Phan Thiết rồi."

Một ca cấp cứu vì đau ruột thừa trước đó hai ngày. Thế con tôi đâu? Không ai biết. Một ai đó đã đem về nuôi giúp hay nó đã đi lạc?

Lũ trẻ không có câu trả lời.

Tôi chạy đi tìm con giữa những mê lộ đầy cát nóng. Biển chói chang mặt trời mùa Hạ. Trong thứ ánh sáng xốn xang ấy, một đứa bé gái trần truồng, đen đũi, từ gió cát hiện ra. Nó đi lảo đảo, xiêu đổ, nhạt nhoà trong nắng lóa. Nó ngo ngác, hốt hoảng, tìm kiếm vô vọng.

Đó là con tôi.

Tôi chạy ra sân ôm nó vào lòng. Nó bầu lấy tôi. Không khóc, không kêu một tiếng. Nhưng tôi thì khóc, vì tôi vẫn còn nước mắt. Còn con tôi, trong mấy ngày qua, có lẽ đã khóc hết nước mắt rồi. Nó cứ bầu lấy tôi. Im lặng.

Khi tôi đặt nó xuống giường, nó giương mắt nhìn tôi. Một đứa bé 20 tháng tuổi, ngo ngác không biết tại sao mẹ mình biến mất. Nó trần truồng như một con chó con đơn độc đi tìm mẹ, lẩn quẩn ngoài vòng rào của ngôi trường nhỏ. Rồi lại trở về nhà. Rồi lại lảo đảo đi...

"Để ba đi mua bánh cho con."

Tôi chạy ra khỏi nhà, quệt nước mắt bằng ống tay áo. Khi tôi đem ổ bánh mì về thì đứa bé đã ngủ. Nó ngủ ngời, gục mặt lên cái giỏ xách.

Kỷ niệm đó sẽ theo tôi suốt cuộc đời.

*

Sau giải phóng, bước đường công danh của Trần Quốc

Thuận cũng không suôn sẻ lắm. Hình như người ta đã hỏi anh: “Tại sao đồng chí vượt ngục trong khi chờ trao trả tù binh?” Tôi nghĩ rằng người hỏi câu đó chưa từng ở tù nên không biết tâm trạng khát khao tự do của một người bị nhốt giữa bốn bức tường. Còn tôi, tôi hiểu anh, vì tôi đã từng ở tù chế độ cũ đến 3 lần! Ba lần khao khát tự do và cũng là ba lần khẳng định phẩm chất của một trí thức trẻ dám dẫn thân vào con đường mình đã chọn, cho dù con đường ấy cuối cùng đã bị xói mòn, lở loét bởi những cơn lũ của lòng tham không đáy.

Có dạo Thuận làm bí thư phường, rồi làm một ông xếp nào đó của Tòa án Nhân dân TP HCM. Và chức vụ cao nhất của anh là Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội. Lúc ấy vợ anh làm Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch.

Vào những năm cuối cùng trước khi về hưu, anh đã có những phát biểu khá táo bạo về mối quan hệ giữa Đảng và Quốc hội. Theo anh, vì đảng viên chiếm đa số tuyệt đối trong Quốc hội nên kết quả những cuộc bỏ phiếu đều theo ý muốn của Đảng. Hơn nữa, lại có Ban thường vụ Quốc hội là nơi có quyền quyết định mọi thứ, mà cái Ban này lại gồm toàn những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, vì thế có thể nói Quốc hội và Đảng là một. Anh chủ trương giải tán Ban thường vụ Quốc hội, tách rời Đảng ra khỏi Quốc hội, có như thế thì Quốc hội mới có thực quyền.

Anh được nhiều người biết đến và được khen ngợi nhờ những phát biểu đó đã được đăng báo và phát tán rộng rãi trên mạng Internet. Tôi có đọc một số bài của anh. Tôi thấy quan điểm của anh vừa đúng vừa phiến diện.

Đúng, là vì anh dám nói Quốc hội chỉ là bù nhìn.

Phiến diện, là vì anh chủ trương tách rời Đảng ra khỏi Quốc hội.

Thực ra, trên khắp thế giới người ta lập đảng chính là để vào quốc hội. Ví dụ như ở Mỹ có Đảng Dân chủ, Đảng Cộng hoà, ở Anh có Đảng Bảo thủ, Đảng Xã hội v.v... Các đảng này từ hàng trăm năm nay tranh nhau để vào quốc hội, để chiếm được đa số trong quốc hội. Vậy thì việc Đảng Cộng sản Việt Nam vào Quốc hội là chuyện đương nhiên, chuyện bình thường.

Nhưng điều không bình thường là QUỐC HỘI VIỆT NAM CHỈ CÓ MỘT ĐẢNG DUY NHẤT. Vì thế Quốc hội biến thành “tài sản” của Đảng, Quốc hội biến thành một cơ quan của Đảng cũng giống như tỉnh uỷ, thành uỷ. Và như thế Quốc hội không còn là Quốc hội nữa.

Và chúng ta có thể nói rằng nước Việt Nam không có Quốc hội, không có ngành lập pháp và trên thực tế cũng không có ngành tư pháp.

Một quốc gia không có ngành lập pháp và tư pháp mà nói đến nhân quyền thì chỉ là lừa bịp. Cũng giống như Mỹ, một quốc gia luôn đi gây chiến tranh để bán vũ khí giết người, để cướp tài nguyên của nước khác, mà nói đến nhân quyền thì chẳng khác nào coi nhân loại là một lũ ngu dốt.

Xem ra từ một nước cộng sản nghèo nàn lạc hậu đến một nước tư bản cực kỳ văn minh giàu có đều xỏ lá như nhau!

Năm 1980 tôi có dịp ra Hà Nội, nhìn thấy trong khách sạn một cái ly thuỷ tinh quái đản. Bởi nó đầy bọt khí. Cũng trong những năm ấy, ngành xuất bản của tôi chỉ cho ra đời những

cuốn sách giấy đen như cút chó, nham nhở như giẻ rách. Tuy nhiên những cái ly ấy, những cuốn sách ấy vẫn có người mua vì không còn loại ly nào khác, loại sách nào khác.

Sau thời kỳ Đổi mới, đi theo kinh tế cạnh tranh thị trường, cái ly trong khách sạn Hà Nội không còn bọt khí, cuốn sách của các nhà xuất bản được in trên giấy trắng, bìa couchée bốn màu.

Thành quả ấy là nhờ có cạnh tranh thị trường. Muốn tồn tại anh phải có sản phẩm tốt, bằng không, khách hàng sẽ mua sản phẩm của người khác. Tôi nghĩ rằng trong chính trị cũng vậy. Phải có cạnh tranh chính trị thì mới có những sản phẩm chính trị tốt, nếu không, chúng ta chỉ tạo ra được những thứ tương tự như cái ly thuỷ tinh đầy bọt và những trang sách đen như cút chó mà thôi!

Đã lâu lắm rồi, tôi có đọc một bài trả lời phỏng vấn của Giáo sư Tiến sĩ Phan Đình Diệu (nghe đâu là cháu nội cụ Phan Đình Phùng) đăng trên tờ Diễn Đàn Paris số 28 năm 1994. Trong bài báo ấy có lẽ Giáo sư sợ bị chụp mũ là “đa đảng, đa nguyên” nên ông đã nói đại khái: nếu ở Việt Nam có 2 đảng cộng sản thì ông sẽ vô đảng thứ hai. Điều đó chứng tỏ ông cũng căm ghét sự độc tài. Bởi vì độc tài còn là cha đẻ của tham nhũng.

Tổ chức Minh bạch Quốc tế và các tổ chức kinh tế thế giới đánh giá Việt Nam là một trong những quốc gia có nạn tham nhũng trầm trọng nhất trên thế giới..

Các lãnh đạo Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam cũng thừa nhận rằng tham nhũng đang là một "quốc nạn".

Giáo sư Yoshiharu Tsuboi, Đại học Waseda, cho rằng tham

những ở Việt Nam không đơn thuần là vấn đề đạo đức, mà là vấn đề cơ cấu trong tổ chức, và để loại bỏ tham nhũng, phải cần sự cải thiện lớn trong cơ cấu tổ chức và tài chính.

Trong một nghiên cứu độc lập khác, giáo sư Carlyle Thayer, Học viện Quốc phòng Úc, nhận định chống tham nhũng đòi hỏi nhiều cải cách, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ khó lòng thực hiện, vì những cải tổ này lại dính tới vấn đề giảm bớt độc quyền chính trị của Đảng.

Tiến sĩ Lê Đăng Doanh, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và cũng là một viên chức cấp cao cố vấn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, cho rằng chỉ có 5% của tầng băng tham nhũng lộ ra mà thôi; còn đến 95% vẫn còn chìm khuất.

Đầu năm 2007 Trần Quốc Thuận nói với tôi rằng anh sẽ ứng cử đại biểu quốc hội nhiệm kỳ tới. Anh nghĩ rằng với những ấn tượng tốt mà anh đã ghi được trong lòng quần chúng qua những bài phát biểu trên báo, anh sẽ có thể đắc cử. Tuy nhiên người ta đã gạt đơn ứng cử của anh ngay từ trong trứng nước.

*

Trong những ngày đầu giải phóng, người ta chia cách mạng ra thành nhiều loại: Cán bộ A là người ở miền Bắc vô, cán bộ B là người ở rừng về và cán bộ tại chỗ là những người hoạt động nội thành.

Còn tôi, Đào Hiếu, binh nhì quân dịch, số quân: 67/409.806, nhóm máu B, thuộc đại đội 22 Trinh sát, sư đoàn 22 Bộ binh, Quân lực Việt Nam Cộng hoà... thì là cán bộ gì? Làm sao

người ta có thể công nhận tư cách đảng viên của tôi?

Tôi sẽ lướt qua giai đoạn này bởi vì đó là một thời kỳ mà tôi bị mắc kẹt trong cái mớ công việc lĩnh kinh, vụn vặt như phong trào kế hoạch nhỏ, phong trào “một cây, một con” phong trào làm sạch đường phố.

Đến gần cuối năm 1976 tôi mới thoát ra khỏi cái mớ bong bong ấy và cùng với một số anh chị em khác như anh Võ Ngọc An, Hữu Đạo, Nguyễn Minh Lộc, Hoàng Thoại Châu, Trần Thị Xuyên... đứng ra thành lập báo Tuổi Trẻ. Anh Võ Ngọc An làm Tổng biên tập đầu tiên.

Ngay trong những ngày đầu giải phóng tôi đã hiểu ra một sự thật mà trước đây tôi không bao giờ nghĩ tới. Đó là: làm cách mạng cũng là một cái nghề, muốn thành công trong nghề (có nghĩa là sau này làm quan lớn) thì phải có tham vọng chính trị. Muốn thực hiện tham vọng ấy thì phải nổi tiếng. Muốn nổi tiếng thì phải có “thương hiệu”. Trong các phong trào quần chúng đô thị miền Nam thời đó thì thương hiệu chính là các chức danh “chủ tịch” “tổng thư ký” “nhạc sĩ”... và phải làm cho nổi đình nổi đám được lãnh đạo biết tới thì sau này mới chắc ăn.

Còn những anh bộ đội, những chị du kích, giao liên, những bà mẹ Việt Nam anh hùng, những kẻ mơ mộng, lãng mạn, triết lý... dở hơi như tôi, như Tám Nhân, như Lữ Phương... thì cũng chỉ là những chiến sĩ vô danh mà thôi.

Khi đã ngộ ra điều đó tôi thấy lòng thanh thản.

Là một nhà báo tôi đi rất nhiều. Những ngày đầu giải phóng tôi lặn lội vào các bưng biền, vào đồng hoang cỏ cháy, vào rừng sâu nước độc... cùng với anh em thanh niên xung

phong và đã viết cả trăm bài báo. Cũng có lúc tôi đi “vô sản hóa” tại nhà máy Sinco, làm thợ máy (khà! khà! Giống hệ thống chí Nguyễn Văn Cừ đi vô sản hóa ở mỏ than Quảng Ninh!) Anh em công nhân ở đó dạy cho tôi đứng máy tiện. Năm 1979 tôi theo đoàn quân giải phóng sang Campuchia.

Đào Hiếu

Lạc Đường

- 11 - 15 -

11. Cô “Múa Đẹp” của Kôngpông Thom

Lúc ấy tàn quân Pôl Pốt đã bắt đầu rút vào rừng. Mặt trận biên giới Tây Nam khá yên tĩnh.

Tiếng súng chỉ còn rải rác trên đường đi và trong các phom. Chúng tôi đến bến phà Kôngpông Chàm thì bị tắc đường. Xe nhà binh nối thành hàng dài trên con đường đất vàng cháy. Dòng sông ở tận dưới sâu và đang rất thản nhiên trước cảnh ồn ào trên bờ. Chiếc phà nhỏ cũng thản nhiên đậu dưới bến, không quan tâm gì đến lượng xe cơ giới trên bờ.

Rồi đột nhiên nó tà tà, xình xịch rời bến.

Một chiếc Jeep từ đằng sau chọt vọt tới, nối theo là chiếc xe du lịch màu trắng. Những người lính Campuchia đứng trên chiếc Jeep la lối gọi phà dừng lại nhưng chiếc phà vẫn tà tà xa bờ.

Một chàng lính K nóng máu phóng luôn một quả M79 xuống sông, cột nước bùng lên chỉ cách chiếc phà có vài mét. Nó sợ quá. Dừng lại. Rồi quay vào bờ.

Đó là một cách “gọi đò” của quân đội bạn.

Chiếc Jeep hộ tống chiếc xe du lịch màu trắng xuống phà. Còn chúng tôi, mãi đến xế chiều mới qua được phía bên kia bờ. Nhưng mới đi được chừng vài cây số thì lại gặp một chiếc xe con chở một ông lớn Campuchia nào đó từ một ngã rẽ phóng ra. Nó vượt qua mặt những xe bộ đội Việt Nam,

tung bụi mù mịt. Nhưng chỉ chạy được có một đoạn thì gặp một trạm gác do bộ đội Việt Nam kiểm soát. Cái cổng làm bằng một cây tre thô sơ chưa kịp giơ lên thì đã bị chiếc xe con lao thẳng vào, phá tan nát.

Mấy anh bộ đội gác cổng giận quá lên cò súng, chặn đầu xe lại. Bộ đội trên xe của tôi cũng nhào xuống đất, chạy đến tiếp ứng. Rất may là có một sĩ quan cấp tá của Việt Nam đến kịp. Mọi người rút về vị trí nhưng chiếc xe con vẫn chưa chịu đi. Nó nấn ná một lúc rồi mới từ từ lăn bánh.

Nhiều người nói:

"Mình tới đánh Pôl Pốt giúp cho nó mà nó cứ tìm cách gây sự."

Người sĩ quan khoát tay cho đoàn xe lên đường.

Điểm đến của chúng tôi là Mặt trận 479 ở Siem Reap nhưng chiều đó chúng tôi dừng lại ở Kôngpông Thom, một tỉnh vừa được giải phóng. Sáng hôm sau xe vẫn chưa đi, tôi tranh thủ làm việc với các cán bộ thanh niên của bạn. Tuy tôi không biết tiếng Campuchia nhưng những cán bộ trẻ của chính quyền bạn ai cũng biết tiếng Pháp nên chúng tôi giao tiếp với nhau không khó khăn mấy.

Sau buổi gặp ngắn ngủi ấy, có một cô gái đến gặp tôi và nói: "Chào anh nhà báo. Anh có sẵn lòng gặp sếp của tôi không?"

Ngoại hình đẹp, cao, thon thả, thanh lịch. Tôi không thể nào từ chối một người như vậy.

"Sếp của cô là ai?"

"Trưởng Ty Thông tin tỉnh Kôngpông Thom."

"Còn cô là hoa hậu ở đây phải không?"

"Không. Tôi là phó Ty, tên tôi là Cheng Huor nhưng mọi người thường gọi tôi là "cô Múa Đẹp"

"Múa Apsara?"

Cheng Huor đưa hai tay ra phía trước, những ngón tay uốn cong. Và cười.

Ty Thông tin là một căn nhà mặt tiền gồm một trệt một lầu và một cái sân thượng. Trưởng Ty là ông Cheng Phon, tiếp tôi trên cái sân thượng đầy nắng, có che một mái hiên bằng tre. Có lẽ lúc ấy ông khoảng 50 tuổi, đầu hói, ăn mặc như một người nông dân Nam Bộ, cổ quấn khăn rằn. Trước thời Pôl Pốt ông là giáo sư của Viện Kịch nghệ Hoàng gia Campuchia. Bọn Pôl Pốt đã giết vợ con ông và ném ông về nông thôn cày ruộng. Gặp tôi ông rất mừng và rất thân tình. Ông nói:

"Nếu không có bộ đội Việt Nam thì tôi đã chết rồi. Cho nên bây giờ đây (ông bóp bóp cánh tay sạm đen của mình) cả máu và thịt này đây cũng là Việt Nam."

Chừng hơn một năm sau, cô Cheng Huor có sang Việt Nam học tiếng Việt ở Đại học Tổng hợp và có ghé nhà tôi chơi. Cô khoe với tôi là ông Cheng Phon đã lên làm Bộ trưởng Thông tin, còn cô lên trưởng Ty.

Tôi không hiểu việc quân như thế nào mà chúng tôi phải ở lại Kôngpông Thom thêm mấy ngày nữa. Xế chiều Cheng Huor rủ tôi về nhà chơi. Từ chỗ đóng quân của tôi phải đi bộ hơn bốn cây số mới đến nhà cô Múa Đẹp. Một căn nhà nhỏ, khá xinh xắn. Có vẻ trước đây là một gia đình khá giả.

"Chồng tôi là một kiến trúc sư tốt nghiệp bên Pháp. Anh bị Pôl Pốt giết khi chúng tôi mới lấy nhau hơn một năm."

Phòng khách đơn sơ, nhưng cái bếp thì thật rộng. Bộ bàn ăn

đẹp, bày muông nĩa như kiểu Tây. Nhưng Cheng Huor lại đãi tôi món cá xông khói kiểu Khmer.

Cheng Huor có nước da ngăm ngăm nhưng khuôn mặt tươi tắn và duyên dáng, quý phái. Nhất là khi cô múa quanh cái bàn ăn. Rất tiếc là không có nhạc. Vì cơn bão man rợ của Pôl Pốt đã cuốn đi tất cả những gì là văn minh của con người. Không một nhạc cụ, không một máy nghe nhạc, không một cuốn sách. Chỉ còn lại những ngón tay. Đôi chân thon thả và một thân hình uyển chuyển như con báo đen. Vũ điệu chợt làm dấy lên tiếng nhạc từ trong vô thức. Tôi tràn ngập hạnh phúc khi được thưởng thức một trong những vũ điệu đẹp nhất của nhân loại, một di sản văn hóa phi vật thể mà mãi đến năm 2006 mới được UNESCO công nhận và xếp loại.

Đó là Cheng Huor, nói tiếng Pháp như nước chảy mây trôi, múa đẹp như trong thần thoại.

Buổi tối Cheng Huor đòi tiễn tôi về nơi đóng quân. Tôi nói:

"Xa lắm. Không được đâu."

"Được mà. Vì trước đây sống trong trại tập trung của Pôl Pốt ở trong rừng, tôi rất thường đi trong đêm tối."

"Nhưng tôi không muốn lát nữa cô phải quay về một mình."

*

Cheng Huor và Đền Angkor, đền Ta Prohm là biểu tượng cho một nước Campuchia tài hoa, trầm mặc và vĩ đại.

Nhưng chiến tranh đã để lại trên xứ sở huyền thoại này những em bé bụng ỏng, trần truồng, đen đũi, ngụp lặn trong ruộng nước để tìm những con cá nhỏ, con nhái bén, con còng còm cõi.

Tôi đã đi dọc những cánh đồng mênh mông ngự trị bởi

những hoang tàn, nắng cháy và hiu quạnh. Những đứa trẻ lạc lõng kia như từ đất chui lên, cặm cụi tìm kiếm, rồi mất hút trong bùn lầy.

Những khu chợ xổm rách nát, xiêu đổ, may mắn sống sót cạnh một ngôi làng lạnh lẽo. Buổi sáng tôi và mấy anh bộ đội đi tìm một cái gì đó để ăn.

Chỉ gặp ruồi nhặng. Và ruồi nhặng.

Ruồi bu quanh những cái miệng nhỏ. Ruồi xếp hàng dày đặc trên những ống tre đen đũi đựng nước thốt nốt, bày trên sạp tre.

Tôi bước vào cái chợ xổm rách rưới ấy. Ruồi bay quanh, tiếng đập cánh vù vù, tiếng kêu ong óng. Và những con người đen đũi gầy gò vẫn ngồi bình thản giữa ruồi nhặng. Đó là những cô gái trẻ mười tám, hai mươi tuổi, không buồn không vui. Họ bán những cái gì đó lụn vụn, cong queo, khô đét trên những cái mẹt tre, trên những lá thốt nốt to bản.

Và phở bò. Những cái tô lớn bị che khuất bởi ruồi. Và khi cô gái xua tay thì đám sinh linh đói khát ấy bùng nổ. Lộ ra hình hài một tô phở.

Tôi không thể ăn được một tô phở như vậy nên tôi chọn một ống tre đựng nước thốt nốt. Nhưng đột nhiên cô bán hàng nhỏ bé kéo từ dưới bàn chân đen đũi của mình ra một cuốn sách nhàu nát, bìa rách mất một góc nhưng tôi cũng nhận ra đó là cuốn Spartacus của nhà văn Howard Fast đã được dịch sang tiếng Pháp. Tôi hỏi:

"Em đọc được cuốn này sao?"

"Em không có gì khác để đọc."

*

Và tôi đã gặp một Campuchia khác ở Siem Reap. Đó là Đền Angkor.

Sáu trăm năm bị bỏ quên trong rừng sâu. Hoàng cung trở thành những hang hốc dành cho voi, hổ báo, khỉ và rắn. Tại sao người ta lại có thể bỏ quên một kỳ quan vĩ đại như thế trong suốt hơn sáu thế kỷ? Dân tộc Campuchia không hề biết rằng mình đã từng có một quần thể tác phẩm kiến trúc và điêu khắc hùng vĩ, lộng lẫy và uy nghi như thế cho đến khi một chủ đồn điền cao su người Anh lái chiếc máy bay thể thao ngang qua khu rừng đó và...

Đền đài hiện ra, như một tác phẩm của trời, không phải của người. Vì nó sừng sững, cao ngạo, thách thức trong âm lặng. Trong nắng hoàng hôn, những tảng đá đang còn mơ giấc mơ cung đình trong giấc ngủ dài từ thế kỷ thứ 12.

Nụ cười thiên của đá cứ phảng phất trên bốn mặt Bayon cao ngất. Đá xếp như rừng, ngút ngàn, sâu thẳm, ẩn giấu. Đá len lỏi theo những lối đi hẹp, những hành lang thên thưng chạm khắc vũ nữ. Nàng Cheng Huor của tôi đang múa trên một nền matiere thô ráp của cổ thạch. Linga cao ngất ngưỡng, phô trương sức mạnh truyền giống của mình, thách thức thời gian.

Nhưng Angkor lúc ấy vừa qua một cuộc chiến thảm khốc nên hoang vắng, lạnh lẽo, cô tịch. Chỉ có tôi, ba anh bộ đội của Mặt trận 479 và một anh thanh niên Campuchia dẫn đường tên là Ruck Komnik (có thể tôi viết sai chính tả). Không có du khách. Nhưng những cặp vú của các vũ nữ Apsara dọc theo hành lang thì tự lúc nào đã lóng lánh do bàn tay người.

Có một lúc tôi định bước vào bên trong một tượng Bayon thì chạm mặt một xác chết. Người dẫn đường nói:

"Hôm trước ở Ta Prohm chúng tôi cũng mới chôn một cái xác."

Lần đó tôi không vào được Ta Prohm vì nghe nói vẫn còn tàn quân Pôl Pốt lẫn trốn ở đó. Phải đợi đến 24 năm sau, trở lại Siem Reap lần thứ hai tôi mới biết đến cái nơi mà nữ diễn viên Angelina Jolie đã đóng phim Tomb Raider (Bọn cướp lăng mộ).

Ta Prohm thâm u mà rực rỡ trong thứ ánh sáng kỳ ảo của rừng già, hốc đá. Ngay cả những phế tích cũng bừng lên vẻ đẹp huy hoàng của nó. Sức sống vĩnh cửu của các đường nét kiến trúc vẫn rạn rở trong những đổ nát. Và sự u ám, bí nhiệm của các mặt thất cũng mang đầy nét hiện đại.

Tại sao một dân tộc có thể sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật lớn như vậy mà phải sống trong nghèo nàn lạc hậu? Tại sao con cháu của các nghệ sĩ vĩ đại như thế lại sinh ra những con quái vật như Pôl Pốt, lêng Sary giết hàng triệu người bằng cách đập đầu bằng cán cuốc?

Tại sao có Đền Angkor mà lại còn có nhà tù Tung-Sleng?

Những câu hỏi này cũng có thể đặt ra cho nước Đức, nước Trung Hoa. Tại sao có Beethoven, Einstein, Goethe... mà còn có Hitler? Tại sao một dân tộc lãng mạn tài hoa như dân tộc Đức lại đẻ ra một tên Hitler đẩy hàng triệu người vào những lò thiêu xác? Tại sao một dân tộc vĩ đại như Trung Hoa đã sinh ra Lão Tử, Trang Tử, Khổng Khâu, La Quán Trung, Tào Tuyết Cần, Tư Mã Thiên... lại còn sinh ra Bạch Khởi, Mao Trạch Đông, Tần Thuỷ Hoàng?

Vậy thì dân tộc Trung Hoa, dân tộc Khmer, dân tộc Đức... văn minh hay man rợ?

Hóa ra thiện hay ác, văn minh hay man rợ không phải do dân tộc. Mà do chính quyền. Chính quyền man rợ sẽ đẩy dân tộc mình vào sự man rợ.

Các nhà khoa học, những nghệ sĩ thiên tài như Beethoven, Goethe, Einstein, Trang Tử... luôn là những người sáng tạo ra trí tuệ và vẻ đẹp cho dân tộc mình và cho cả loài người. Cho nên nếu có giết tôi, tôi vẫn nói rằng những nhà khoa học, những nghệ sĩ bao giờ cũng cao quý hơn những nhà chính trị.

Những nhà chính trị họ giành chính quyền, họ giành độc lập nhưng rồi họ coi những thứ đó như chiến lợi phẩm. Và họ chia nhau. Dù núp dưới những chiêu bài tốt đẹp nào thì bản chất của sự việc, tự ngàn xưa, vẫn như vậy. Và lịch sử Đông, Tây, Kim, Cổ đã chứng minh điều đó. Ai không tin hãy đọc lại lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, kể cả Hoa Kỳ!

*

Sau chuyến đi Campuchia tôi trở về và phụ trách trang Văn - Xã của báo Tuổi Trẻ. Có thể nói đây là mảnh đất đã ươm mầm và nuôi dưỡng phần lớn những cây bút trẻ thời ấy. Còn tôi, mặc dù có viết lai rai trước giải phóng nhưng chỉ thực sự bước vào nghề văn từ khi nhận giải thưởng văn học dành cho tiểu thuyết Giữa cơn lốc năm 1976.

Năm 1993, khi cuốn Nổi loạn của tôi ra đời, ba bốn tờ báo xúm lại "đánh" cả tháng chưa mỗi tay, chửi mấy tuần liền chưa mỗi miệng. Nào là đòi truy, nào là phản động.

Thực tình tôi không muốn nhắc đến cuốn sách đó vì nó đã

gây đau buồn cho nhiều người, nhưng vì người ta đã xúm nhau đánh nó nên tôi buộc lòng phải chống đỡ để tự vệ.

Tôi chỉ xuất có một chiêu, nhưng vì chiêu đó do Lệnh Hồ Xung dạy tôi, nên đã hóa giải được tất cả.

Người tạo điều kiện cho tôi xuất chiêu là Đoàn Giao Thủy. Anh đã bay từ Paris sang gặp tôi để thực hiện một bài phỏng vấn dài 2500 chữ đăng trên báo Diễn Đàn Paris số 28 phát hành tháng 3/1994 tại Pháp.

Bài báo đó đã cứu tôi thoát khỏi cảnh tù tội bởi vì nó đã đánh động dư luận nước ngoài.

Sau đây là nguyên văn bài trả lời phỏng vấn ấy:

Chung quanh tác phẩm Nổi loạn

Trong sáu tháng cuối năm 1993, cuốn tiểu thuyết NỔI LOẠN của Đào Hiếu đã nổi lên như một sự kiện văn học ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong chừng mực nào đó: có thể gọi “vụ án NỔI LOẠN”, bởi vì đã có lời buộc tội đăng trên báo chí, cuốn sách đã bị tịch thu và tác giả đã bị bắt giam và truy tố. So với các vụ án văn nghệ trước kia, đây chỉ là một vụ án nhỏ, song nhìn chung không có gì thay đổi về phương pháp của nhà cầm quyền dùng để triệt hạ một tác phẩm: tác phẩm bị kết án, tác giả bị đi tù, song tác giả không được quyền giải thích công khai về tác phẩm của mình. Chỉ có một điều là ở cuối thế kỷ thứ hai mươi này việc bỏ tù một nhà văn vì tác phẩm của họ không còn dễ dàng như xưa nữa!

Trong lần về thăm Việt Nam vừa qua tôi có dịp nói chuyện với nhà văn Đào Hiếu cũng như nhiều người có thẩm quyền

trong giới văn nghệ sĩ ở Sài Gòn về cuốn sách và các sự kiện chung quanh nó. Khi đó khả năng anh bị bắt giam đã được nêu ra. Trở lại Âu châu được tin anh bị bắt thật, tôi tự thấy có trách nhiệm giới thiệu những lời trao đổi với anh mà tôi ghi được. Như một chứng từ! Như quyền trả lời của một người bị buộc tội. Phải nói ngay rằng đây không phải là một phân tích về nội dung cuốn sách: xin dành phần đó cho bạn đọc hay các nhà chuyên phê bình văn học. Trước khi đi vào phần trao đổi, có lẽ cần nói đôi điều về tác giả cũng như bối cảnh của vụ án.

I. Tác giả:

Đào Hiếu sinh năm 1946 tại Tây Sơn, tỉnh Bình Định, tốt nghiệp Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1972. Trước 1975 tham gia phong trào đấu tranh của sinh viên, viết văn với bút hiệu Biên Hồ, cộng tác với Bách Khoa, Điện Tín, Tin Văn. Hiện nay là biên tập viên Nhà xuất bản Trẻ, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. **NỔ LOẠN** là cuốn sách thứ 14 của anh từ sau 1975. Tiểu sử Đào Hiếu được ghi trong tuyển tập **TIẾNG HÁT NHỮNG NGƯỜI ĐI TỚI**.

II. Trao đổi với nhà văn:

Đoàn Giao Thủy (ĐGT): Trong hoàn cảnh nào anh đã thai nghén cuốn **NỔ LOẠN**?

Đào Hiếu (ĐH): Trước nay tôi thuộc loại tác giả có sách bán ế nhất nước, có lẽ do tôi đã chọn những đề tài khô khan (Giữa cơn lốc, Người tình cũ, viết về phong trào sinh viên), hoặc vì tôi thích xây dựng nhân vật khác thường (Vua Mèo, Hoa đại lang thang, Kẻ tử đạo cuối cùng), hoặc xây dựng những truyện tình khác đời (Vượt biển, Trong vòng tay người khác,

Nổi loạn), do đó truyện của tôi không gần gũi với độc giả bình thường nên sách bán chậm. Bây giờ thì người ta đổ xô nhau đi tìm...

NỔI LOẠN viết về một bi kịch của tình yêu và hôn nhân, một đề tài cũ. Cái mới nằm trong sự phát triển tính cách nhân vật trong bối cảnh lịch sử nơi xảy ra bi kịch này. Không có cuộc hôn nhân nào quái đản như cuộc hôn nhân mà nhân vật Ngọc trải qua. Ngọc đã bị bùng bít, cấm đoán và đàn áp. Thế là Ngọc nổi loạn: trong tình yêu, hôn nhân, trong gia đình và tình dục. Tại sao không? Hai mươi năm bị bùng bít thì nổi loạn trong tình dục là một phát triển tất yếu khi Ngọc có được một mối tình. Vài ba đoạn ngắn rải rác tả về quan hệ nam nữ là những đoạn tôi viết mượt mà và thơ mộng nhất. Tôi rất thích những đoạn này bởi vì chúng đầy ngẫu hứng, trong đó phải tinh tế mới thấy được tính nhân đạo của một sự hiến dâng trọn vẹn trong tình yêu.

ĐGT: Bởi thế anh đã bị kết án là bôi lọ miền Bắc, xuyên tạc sự thật...

ĐH: Sự nghèo nàn lạc hậu và sự bùng bít của xã hội miền Bắc trong những năm 60-70 là một thực tế. Nhiều bạn bè miền Bắc đều cho rằng tôi đã viết rất thật. Xin nhấn mạnh: những người biên tập và duyệt in NỔI LOẠN là những nhà văn có tiếng ở miền Bắc.

ĐGT: Nhiều người cho rằng NỔI LOẠN là một “tác phẩm dịch vụ” chủ yếu để kiếm thêm chút tiền cho nhà xuất bản. Hình như tác giả không những bỏ tiền in mà còn phải trả tiền cho nhà xuất bản?

ĐH: Ai am hiểu về thị trường sách văn học ở Việt Nam đều

biết rằng in tiểu thuyết trong lúc này là vì yêu thích văn học chứ không phải để kiếm lời. Rất nhiều nhà văn in sách để tặng bạn bè. Tôi vẫn coi văn học là một sản phẩm cao cấp. Sách của tôi đều bán rất chậm vì tôi không viết theo thị hiếu và phần lớn đều in ở những nhà xuất bản lớn có uy tín như Nhà xuất bản Hội Nhà văn, nhà xuất bản Văn học, nhà xuất bản Văn nghệ...

ĐGT: Trong NỔI LOẠN các nhân vật đều bế tắc ở đường đời, song nhân vật “thiện” là một sĩ quan cải tạo còn các nhân vật “ác” là các cán bộ đảng viên. Anh có ý thức đó là một sự khiêu khích với nhà cầm quyền?

ĐH: Thông thường nhà văn lấy một mẫu nào đó trong đời để tạo ra nhân vật. Nhân vật này hay nhân vật kia chẳng qua cũng bắt nguồn từ những cái mẫu ngoài đời mà thôi. Tôi không có ý khiêu khích ai cả.

ĐGT: Dường như Hội Nhà văn, bạn bè anh và giới văn nghệ không có phản ứng nào trước chiến dịch phê bình NỔI LOẠN?

ĐH: Bạn bè tôi thì nhiều; người yếu bóng vía thì hỏi tôi có ăn ngủ được không, bao giờ thì đi tù; họ xúi tôi trốn. Có người cho rằng tôi sẽ bị treo bút, bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Một số bạn bè miền Bắc thì không hiểu báo chí TPHCM làm dữ như vậy với mục đích gì, có ai đứng đằng sau muốn triệt hạ nhà xuất bản Hội Nhà văn chẳng? Còn tôi, tôi đóng vai khán giả. Tôi ngồi hàng ghế dưới, hút thuốc lá và thỉnh thoảng vỗ tay!

ĐGT: Cách đây mấy năm ông Nguyễn Văn Linh kêu gọi văn nghệ sĩ hãy “tự cứu mình...”. Song có lẽ ai cũng vẫn còn sợ,

thấy cô đơn và chỉ biết chờ đợi. Liệu anh có thể tiếp tục viết lách khi bị kỷ luật hay đi tù?

ĐH: Khi ông Linh kêu gọi văn nghệ sĩ “hãy tự cứu mình” hay “đừng uốn cong ngòi bút” thì đó là cách nói hoa mỹ để bảo văn nghệ sĩ hãy tuyên truyền tốt hơn cho chính sách đổi mới của Đảng... Trường hợp các báo Văn Nghệ, Sông Hương, Cửa Việt... thì chẳng qua các anh em ấy tưởng lầm là ông Linh nói thật, thế thôi. Tôi chưa hề viết một bài chống tiêu cực nào vì đó là trò trẻ con. Thật ngây ngô khi nghĩ rằng mình không uốn cong ngòi bút khi viết loại văn chương chống tiêu cực, văn chương đổi mới. Thời đó tôi đã cho ra đời những nhân vật mang nhiều tính cách viễn mơ, chế giễu và quay mặt với cuộc sống quanh mình (Vua Mèo) hoặc cuồng tín một cách dễ thương, chết ngu ngốc và thánh thiện (Kẻ tử đạo cuối cùng), hay số phận đui mù của một trí thức đi theo cách mạng (Người tình cũ, Hoa dại lang thang). Tiếc thay, dẫu đó người ta đổ xô tìm đọc văn chương chống tiêu cực, văn chương đổi mới. Đó là sự giải tỏa ẩn ức. Quần chúng luôn là đám đông tội nghiệp; họ nhẹ dạ và bị lừa liên tục. Nhà văn phải nói cho đám đông biết điều đó. Đương nhiên là dù trong hoàn cảnh nào tôi cũng phải viết. Tôi ghét chính trị và nghi ngờ cuộc sống nên các nhân vật của tôi cũng vậy.

ĐGT: Gần đây nhiều tác giả đã gửi các tác phẩm của mình ra nước ngoài để in vì không có nhà xuất bản trong nước nào nhận in. Anh có nghĩ rằng đây là điều cần làm?

ĐH: Đó là một lối thoát cho những tác phẩm có giá trị. Luật xuất bản vừa được ban hành có quá nhiều điều cấm kỵ cho người cầm bút.

ĐGT: Có người cho rằng xã hội Việt Nam như một trại khổng lồ của những người bị bệnh tâm thần, luôn phải sống với sự nhân đôi nhân cách. Có cơ sở gì để hy vọng rằng xã hội Việt Nam sẽ tiến đến chỗ bình thường hơn, sống thật hơn với suy nghĩ và tình cảm của con người?

ĐH: Sống giả là hậu quả tất nhiên của một xã hội không có tự do tư tưởng. Con người sẽ sống thật hơn khi được tự do tư tưởng và khi nhiều mặc cảm tự ti được xóa bỏ. Nghĩ cho cùng, những người lên án NỔI LOẠN, ngoài động cơ chính trị và cơ hội, còn bị sự chi phối âm thầm của một mặc cảm nào đó về tình dục. Một người yếu về tình dục cũng như một nhà nước yếu về dân chủ và nhân quyền, thường chột dạ khi người khác nói về các điều này. Cần phải bồi dưỡng cho họ, dạy cho họ tập thể dục để họ mạnh mẽ, bớt mặc cảm, bớt chột dạ. Xã hội sẽ tự do hơn, dễ chịu hơn, thật hơn.

ĐGT: Anh đã tham gia nhiều năm trong phong trào sinh viên Sài Gòn. Hơn hai mươi năm sau, bạn bè anh đang sống như thế nào?

ĐH: Năm 1988 tôi viết cuốn Người tình cũ. Nhân vật chính là một trí thức tham gia các phong trào cách mạng tại đô thị miền Nam trước đây. Đó là một cuộc dẫn thân lãng mạn, thi vị và đầy huyền thoại. Cuối cùng anh trở thành một người dân chài. Suốt đời anh đi tìm một lý tưởng và anh đã gặp sự cô độc ở chặng cuối cùng. Dĩ nhiên là có nhiều người trong phong trào sinh viên trước đây, hiện nay làm quan lớn. Đa số đều ăn cắp của công và đã tự đánh mất mình.

ĐGT: Nhiều người cho rằng Việt Nam đang thay đổi. Anh cảm nhận sự thay đổi này như thế nào?

ĐH: Sự đổi mới hiện nay ở Việt Nam là một sự đổi mới về kinh tế chứ không phải chính trị, tư tưởng. Nếu có “thoáng” hơn trong xuất bản và báo chí (so với thời kỳ bao cấp) thì cũng chỉ thoáng về cách kinh doanh (báo chí có quảng cáo, có chống tiêu cực, xuất bản có cho tư nhân bỏ vốn...) chứ hoàn toàn không thoáng trong tư tưởng. Tóm lại vẫn phải viết một chiều và trong phạm vi Đảng cho phép.

ĐGT: Thường trong những biến động lịch sử của một dân tộc hay trong giai đoạn xây dựng hoà bình, tầng lớp trí thức đóng một vai trò quan trọng. Gần đây, anh Phan Đình Diệu có viết rằng “ở Việt Nam hiện nay chưa có một giai cấp trí thức”. Là một nhà văn, anh nghĩ sao?

ĐH: Tôi nghĩ nhận định này hoàn toàn đúng. Tôi muốn thêm rằng, văn nghệ sĩ - trí thức Việt Nam đa số là hèn. Song song với sự “trung dũng kiên cường trong chiến đấu” thì sự hèn hạ và khiếm nhược cũng được rèn luyện trong quá trình tham gia cách mạng. Phần lớn trí thức được thuần hóa. Miếng cơm manh áo và sự an phận đã thắng tất cả. Nó vô hiệu hóa trí thức và biến trí thức thành những người tầm thường. Đó là điều tệ hại hơn cả.

ĐGT: Chúc anh được nhiều sức khoẻ và nghị lực để chống chọi với bão táp đang tới.

Sài Gòn 9.1993 - Belgique 12.1993

Đoàn Giao Thuỷ

Cũng xin trích thêm một bài khác của tác giả Nguyễn Tư đăng trên Tuần San TV:

Đào Hiếu và một ngôi trường

(trích)

... Khi đọc báo thấy loan tin về một cuốn sách như thế với một cái tên rất quen thuộc: “Đào Hiếu”, hốt nhiên tôi đã nghĩ đến hai điều:

1. Cuốn sách phải do một tác giả ở miền Nam viết, bởi vì chỉ có người miền Nam đã từng sống tại đó mới có khả năng xây dựng nổi nhân vật “sĩ quan cải tạo ĐÁNG YÊU” (chữ của Vũ Hạnh) đó! Người miền Bắc không thể làm được việc này, nếu làm thì sẽ sai, dù có ít nhiều thiện chí đi nữa!

2. Cái tên “Đào Hiếu”, làm tôi nhớ đến một người bạn vừa cùng học ĐHSP Sài Gòn, vừa cùng ở chung tại Đại học xá Minh Mạng, và đồng sở thích, vì cả hai đều có viết lách lai" rai, yêu văn nghệ!

Tôi nghi ngờ Đào Hiếu tác giả Nổi loạn, chính là hắn, bởi vì biết chắc tác giả phải thuộc người bên này vĩ tuyến như đã nói ở trên, tiếp đến: cái tên không khác mấy, chỉ thiếu chữ lót! Thứ ba: hắn đã từng làm nghề viết lách trước đây, ký bút hiệu Biên Hồ nơi truyện dài đăng nhiều kỳ Đốt lửa trong đêm đăng trên tờ Bách Khoa của ông Võ Phiến ngày xưa.

Cuối cùng hắn là một thành viên trong nhóm sinh viên khuynh tả tại ngôi trường khét tiếng nhờ hai đặc tính: thi vào rất khó, và theo bên kia khá nhiều - ĐHSP Sài Gòn! Nên trong thâm tâm tôi vẫn muốn nhờ bạn bè còn bên Việt Nam “check” lại những điều tôi cần biết. Thế nhưng, bất ngờ ngày hôm qua nhìn thấy tấm hình ông "bạn vàng" ngày xưa, trích in từ bìa sau của cuốn sách đăng trên tờ TVTS do đó tôi nảy ý viết bài này, ghi vài kỷ niệm cũ về tác giả để bạn đọc dễ hiểu tác phẩm hơn. Tấm hình có hơi khác ngày cách đây hơn 25 năm, nhưng những nét chính vẫn là Hiếu

của thuở nào.

Mặc dù học chung trường nhưng lúc đó Hiếu mới đậu vào năm thứ nhất ban Pháp văn, như vậy Hiếu phải là dân trường Tây mới đậu nổi vào option này.

Hồi đó tại hai trường Đại học Văn khoa và Đại học Sư phạm Sài Gòn đám sinh viên trẻ khuynh tả rất nhiều, đại khái như các năm trên tôi có Huỳnh Hữu Nhật (sau này là Thứ trưởng Giáo dục của MTGPMN) hẳn ta học ban vật lý có lần nắm chức Đại diện sinh viên Đại học Sư phạm. Rồi Trần Triệu Luật (ban Việt Hán) vào bung bị B-52 chết. Rồi Cao Lợi (ban Sử Địa)...

Hiếu hồi đó ốm nhách, người Bình Định, hay mặc áo quân sự học đường như mọi sinh viên khác vì thiếu đồ ngủ! Hiếu trông hiền lành, xanh gầy kiểu như Hàn Mặc Tử, hẳn gặp tôi là xuýt xoa gọi tôi là thi sĩ với vẻ chân thành đến độ làm tôi phì cười: "Thôi bỏ đi cha! Ra ngã sáu kiếm cà phê tán dóc".

Hiếu và Khiêm gặp tôi thường chỉ nói chuyện văn chương (cả ba đều là dân Trung kỳ và có máu văn nghệ, cũng dễ có máu cộng sản lắm, nếu chưa biết nó) chứ không bao giờ nói chuyện chính trị. Chẳng khi nào họ dụ tôi hoạt động bên kia có lẽ vì biết tôi không thích, tôi xuất thân là con địa chủ và từ quân đội trở về học lại chẳng? Tôi chẳng đả động gì về việc họ làm khi mình không có bằng chứng. Văn nghệ: đó là lý do chúng tôi thân nhau.

Sau đó tôi không gặp Hiếu nữa và dường như Hiếu bỏ học giữa chừng, có lẽ anh chàng đi hoạt động cho phía bên kia như Trần Minh Đức. Khiêm thì tốt nghiệp và đi dạy đảng hoàng dù sau đó bị đui!

Giờ thì Hiếu sắp gặp cơn đại nạn rồi, trước sau gì cũng bị đi tù. Một người như Hiếu (hay Khiêm, kể cả Trịnh Công Sơn nữa, những kẻ chỉ biết yêu con người và yêu văn nghệ thì chỉ bị cộng sản lợi dụng khả năng của mình mà thôi chứ khó hội nhập vào cộng sản lắm).

Bởi đó tôi không lạ gì khi nghe Hiếu viết cuốn Nổi loạn. Dù sao như vậy bạn cũng đã làm được một việc đúng lương tâm của người cầm bút, một người làm văn nghệ chân chính, nghĩa là người: "không chịu nói yêu thành ghét và nói ghét thành yêu."

Hy vọng một ngày nào đó tôi, bạn và Khiêm sẽ gặp nhau trong câu chuyện đời chẳng ai ngờ được, khi mỗi người đã chọn cho mình một hướng đi, mà hướng đi nào rồi cũng sẽ trở về La Mã. La Mã ở đây chính là CON NGƯỜI.

Còn rất nhiều bài báo khác ở hải ngoại, chủ yếu là ở Mỹ. Tôi không kể ra đây vì họ đã lợi dụng tác phẩm của tôi để tuyên truyền chống cộng một cách rẻ tiền. Một số khác thì "vô tư" in lại tác phẩm của tôi để kiếm lời mà không hề hỏi đến tôi lấy một tiếng.

Và thế là những tác phẩm mà tôi tâm đắc nhất như Vua Mèo, Vượt biển, Hoa đại lang thang, Kẻ tử đạo cuối cùng... đã bị sự ồn ào của cuốn Nổi loạn át đi mất.

Tôi bị cụt hứng một thời gian dài.

Tuy nhiên cũng nhờ cuốn Nổi loạn mà Đoàn Giao Thủy, với tư cách là giáo sư Đại học Louvain, đã mời tôi sang Bỉ chơi. Tôi xin visa và lên đường đi Bruxelles cuối năm 1997.

12. Tiếng leng keng của tàu điện

Đoàn Giao Thuỷ tên thật là Nguyễn Minh Thọ, người Quảng Nam. Anh đi du học bên Bỉ từ cái đời nào tôi không rõ nhưng anh có bằng tiến sĩ hóa học lượng tử, giáo sư Đại học Louvain. Anh cũng được thỉnh giảng ở nhiều nước trên thế giới.

Đó là một gã cận thị nặng. Và khá chân tình.

Anh ra đón tôi ở phi trường Bruxelles lúc xế chiều và chở thẳng về nhà.

Buổi tối trời rất lạnh. Thọ đốt lò sưởi bằng củi và kể cho tôi nghe vụ anh bị bắt giữ tại Hà Nội vì đã lui tới với một số trí thức lớn như Văn Cao, Phan Đình Diệu... anh nói có một sĩ quan công an hỏi anh có biết “tội phản quốc có thể bị tử hình không?”

Thọ cười. Tôi đọc cho anh nghe bài thơ mà Bùi Minh Quốc đã viết về Vũ Hạnh nhưng lại gởi tặng tôi nhân vụ Nổi loạn như là một sự chia lửa với bạn bè.

“Bút Máu” đen máu mình rồi

Bút quay ngọn thọc máu người kiếm ăn

Văn chương đao búa vện vắn

Vẽ mặt cao quý để sẵn đồng bào

Bùi Minh Quốc xuất thân là một anh bộ đội cụ Hồ. Cuộc đời của anh đã từng gắn liền với huyền thoại về sự hy sinh của văn nghệ sĩ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thời ấy, anh đã cùng vợ là nhà văn Dương Thị Xuân Quý vào Nam chiến đấu và vợ anh đã hy sinh tại chiến trường miền Nam.

Còn bây giờ thì anh bị quản thúc tại Đà Lạt vì bất đồng chính kiến với chế độ.

Thọ ném thêm củi vào lò sưởi. Có tiếng khua động nào đó

bên ngoài cửa sổ. Tôi nhìn ra ngoài đêm, ngóng chờ một bông tuyết đầu mùa.

Nhưng sáng ra, trời vẫn tạnh ráo. Chiếc xe điện mảnh khảnh ốm yếu. Nó đón khách bằng những tiếng chuông leng keng như chuông của người bán kem. Đó là tiếng reo vui của buổi sáng tĩnh lặng, lạnh buốt và đầy nắng.

Tôi đứng một mình trong nhà đợi xe, hút thuốc lá. Tôi không mong chiếc xe đến sớm vì tôi cần hút hết điếu thuốc và thực tình tôi không muốn từ giã cái vỉa hè đầy cỏ mọc hoang sơ này.

Rồi tiếng leng keng lại đến. Rồi chiếc xe dừng lại. Tôi ném điếu thuốc và bước lên, bỏ đồng xu vào cái khe nhỏ cạnh tài xế.

Vương quốc Bỉ chỉ rộng bằng một tỉnh của Việt Nam nên cái gì của nó cũng xinh xắn. Những ngọn gió đông buốt lạnh đã thổi sạch lá trên cành cây, nhưng trời không buồn vì hôm nay nắng rất đẹp. Đường phố lộng lẫy. Những cô gái tuổi teen mặc toàn đen, tóc bông bênh, đẹp như trong cổ tích. Họ tản bộ trên đường phố, họ trượt băng trên một sân trượt rộng trong quảng trường, họ ngồi uống cà phê trên một vỉa hè sang trọng. Tất cả đều tươm tất, giàu có, từ một cửa hiệu, một khuôn mặt đến một viên đá lát đường.

Bruxelles có tượng đài tạc hình một người thợ làm bánh mì. Nếu tôi làm đô trưởng của Bruxelles chắc tôi sẽ cho tạc thêm tượng một người quét rác. Với tôi, người quét rác cũng cao quý ngang với nhà khoa học và nghệ sĩ. Trước đây có một người bạn đi Pháp về kể rằng anh ta đã nhìn thấy trong một nhà vệ sinh công cộng ở Paris một câu viết nguệch

ngoạc trên tường như vậy: “Người xây dựng nhà vệ sinh này còn vĩ đại hơn De Gaulle.”

Mười năm đã qua rồi nhưng tiếng leng keng của chiếc xe điện cổ kính vẫn thủ thủ trong tôi, thân ái như tâm tình của một người bạn. Tiếng chuông ấy ngộ nghĩnh và hồn nhiên, lan toả trong buổi sáng lạnh lẽo. Chiếc xe điện chạy qua, rải những tiếng leng keng ấy dọc theo lối cỏ ướt, rải tiếng reo mừng của bình minh trong nắng mới tinh khiết và xao động. Và rải tâm hồn tôi trên lưng những ngọn gió mềm mại mà giá lạnh.

Buổi sáng ấy tôi đã muốn đứng hoài nơi trạm xe điện chỉ để nghe tiếng chuông cổ tích, tiếng chuông hoài niệm của người bán kem, của cỗ xe ngựa lọc cọc quanh hồ Xuân Hương Đà Lạt...

13. Chút quà tặng của mùa Đông

Ngày hôm sau tôi đi Paris và đến nơi lúc giữa trưa. Trời mưa tầm tã. Tôi chờ đợi trong ẩm ướt và giá lạnh. Đứa bé gái trạc mười hai tuổi mỏng manh như một chiếc lá, đứng kéo vĩ cầm trong sân ga Paris Nord. Chiếc mũ để ngựa chỉ có mấy đồng xu nhỏ.

Cảnh sát cơ động mặc toàn đen, cao to, lạnh lùng với khẩu M16 trên tay, đi đi lại lại.

Đứa cháu từ Mante La Jolie phải mất hơn một tiếng đồng hồ mới tới được nhà ga đón tôi.

Vòng đai périphérique tung bụi nước trắng như sương mù. Xe nối nhau như trong một cuộc thi trượt nước. Ra khỏi Paris tôi gặp tuyết, nhưng nó không ở trước mặt, không ở sau

lung, không ở chung quanh. Tuyết phủ trắng xóa khu rừng bên kia con đường siêu tốc. Tôi mừng vì tuyết đã đến nước Pháp. Tôi nghĩ, mình về tới nhà thì đã chiều tối, sáng hôm sau sẽ đi coi tuyết.

Ăn cơm tối xong trời vẫn còn mưa lớn và tối mịt. Tôi trò chuyện với mấy đứa cháu một lúc thì Pauline về. Nó mặc manteau đen, cao lớn, trẻ trung. Nó chào tôi. Cái nhìn tò mò. Cái nhìn như một dấu hỏi.

Quả nhiên, khi tôi định đi ngủ thì nó bước vào phòng.

"Hãy cho con biết về cha của con."

Tôi nói tôi chưa sẵn sàng và hẹn nó sáng mai. Thực ra đó là một chuyện tế nhị và tôi cần hỏi ý kiến mẹ nó. Nó là sản phẩm của cuộc chiến hai mươi năm do người Mỹ gây ra ở Việt Nam. Có lẽ ngày mai tôi sẽ nói với nó rằng hãy quên quá khứ đi vì điều quan trọng là mẹ đã đưa được con sang Pháp, con đã được đi học và đã có việc làm tử tế.

Nhưng sáng hôm sau khi tôi thức dậy thì Pauline đã đi làm. Chợt nhớ đến tuyết, tôi chạy đến mở tung cánh cửa sổ.

Tuyết hoàn toàn biến mất khỏi mặt đất!

Chỉ còn lại những con đường làng, mặt hồ và những thảm cỏ xanh nơi công viên. Trận mưa lớn đêm qua đã xóa sạch mọi dấu vết của tuyết. Hoàn toàn thất vọng, tôi cúi nhìn xuống mặt đất. Một chút tuyết còn đọng lại nơi khung cửa sổ, trắng muốt như chùm hoa nguyệt quế. Tôi đặt nó giữa lòng bàn tay, nó mát lạnh, long lanh như có ngàn đôi mắt.

*

Có lẽ xe lửa là phương tiện tuyệt vời nhất để đi lại giữa các nước châu Âu. Mười giờ đêm lên tàu ở Paris, ngủ một

giấc sáng ra tới ga Berlin Zoo của nước Đức. Toa xe rộng, couchette dài hai mét nằm thoải mái như ở nhà. Phục vụ tàu là một người đàn ông trung niên. Ông đem đến cho tôi một chiếc ra trắng và một cái mền len dày còn hơi nóng của máy sấy. Tôi gọi một ly cà phê sữa nóng và “bo” cho ông 6 đô la Mỹ, ông nói cảm ơn và mỉm cười.

Sự tiện nghi của toa tàu làm tôi dễ ngủ và vì thế cuộc hành trình qua rất nhanh. Khoảng ba giờ sáng tôi thức dậy trong tiếng máy xình xịch đều đặn, vẫn cố lắng nghe xem có tiếng tuyết rơi bên ngoài nhưng dường như khắp nơi đều tạnh ráo. Buổi sáng đầu tiên ở Berlin thật ẩm đạm. Trời không mưa nhưng âm u. Thuý và chồng ra đón tôi ở sân ga. Trước đây ga này thuộc lãnh thổ của Đông Bá Linh nên mọi thứ dường như hãy còn trầm lặng. Chúng tôi ăn sáng ở một quán nhỏ cạnh sân ga. Trong lúc hai vợ chồng đang xếp hành lý của tôi vào góc thì một gã say rượu ngồi bàn kế bên đứng lên, tiến lại phía tôi lè nhè nói bằng tiếng Đức. Tôi không hiểu gã muốn xin tiền hay muốn gây sự. Tôi hỏi hấn:

"Biết tiếng Anh không?"

Nhưng hấn cứ lè nhè bằng thứ ngôn ngữ quái gỡ của hấn. Lúc ấy Thuý vừa đến, Christian, chồng Thuý là một người Đức, anh ta nói gì đó với gã say rượu và gã bỏ đi.

"Hấn muốn gì vậy?" Tôi hỏi.

"Thuốc lá."

*

Nước Đức là một điểm đến tình cờ nhưng với tôi lại nhiều kỷ niệm. Có lẽ vì lúc ấy tôi không vội vàng. Lặng lẽ đến, thong thả nhìn ngắm, chậm rãi với phố xá, và một mình với

đàn chim sẻ trong công viên vắng tanh.

Thành phố Dresden trầm lặng. Trời âm u suốt ngày. Không có ý niệm về thời gian, cho đến khi chợt nhận ra một mình trên phố vắng người, coi đồng hồ thì đã bốn giờ chiều.

Những cơn gió từ dưới sông Elbe thốc ngược lên lạnh buốt.

Tôi ngồi bên một gốc cây khô nhìn ông già và con chó nhỏ.

Nắng khô héo. Hàng quán đóng cửa gần hết. Đường phố không còn ai. Người ta đã bỏ quên ông già, con chó và tôi.

Hình như trong buổi chiều cuối năm này chỉ có ba chúng tôi là những người không có mái ấm để trở về. Ông già đang nằm ngửa trên bãi cỏ. Dường như ông đã ngủ quên.

Tôi leo lên dốc để ra phía bờ sông Elbe. Nhà hàng nổi ở đó vẫn còn mở cửa.

Dòng sông nhỏ bé in bóng những lâu đài vàng đục nắng xé.

Mặt sông gợn một chút sóng nhưng vẫn phẳng lặng. Những

con hải âu thả mình cho dòng nước cuốn đi, và khi trôi gần đến cây cầu thì chúng lại vỗ cánh bay ngược lên chỗ nhà hàng nổi, và đáp xuống nước, xuôi dòng. Đó là trò chơi của chúng, như trẻ con chơi cầu tuột.

Người bồi bàn đem đến cho tôi một chai Glühwein.

Đó là rượu vang lửa. Trước khi uống người ta hâm nóng lên.

Hớp một ngụm, hơi nóng lan toả trong cổ họng, chậm rãi, thấm đậm, ấm áp.

Tôi ngồi ngắm hoàng hôn phai dần trên những lâu đài cổ kính bên kia bờ sông. Dòng nước trong xanh từ hướng Tiệp Khắc chảy về, lạnh lẽo, phi thời gian. Dường như dòng sông không biết đến con người, không biết đến phố xá. Nó đang nô đùa với đàn chim hải âu trắng. Nó làm thuyền chở những

con chim tinh nghịch trên lưng, bông bênh, lắc lư, sóng sánh một chút nắng tàn héo.

Sông không đến từ nguồn mà dường như nó đang đến từ cổ tích, bởi nó rất thâm lặng dù nó vẫn chảy, vẫn cuốn những con chim trôi đi rất nhanh. Sự im lặng lan toả khắp mặt sông, thấm đẫm trong không khí lạnh tê tái, làm cho nắng cũng lạnh và làm cho màu vàng đục của chiều tà trở thành hoang đường, trở thành cổ tích, trở thành một cái rùng mình sợ hãi.

Tự ta danh lợi khách

Diểu diểu tại nhân gian

Hà sự trường Hoài thủy

Đông du diệc bất nhàn?

Ngày xưa Bạch Cư Dị cũng tự than mình trót làm người khách lạ trong vòng danh lợi, bị đời cuốn đi như dòng sông kia, không biết có chuyện gì mà cứ chảy mãi chảy hoài không bao giờ được ngưng nghỉ.

Tôi uống cạn chai Glühwein mà vẫn lạnh buốt, Hoàng hôn như dừng lại và những cánh chim vừa bốc lên khỏi mặt sông cũng dừng lại. Dresden bí ẩn và ma quái. Và tôi, người khách duy nhất còn lại trong nhà hàng nổi này thì dường như sắp hóa đá.

Tôi bỏ đi. Lên một cái dốc để trở về nhà một người bạn. Phố xá vắng tanh. Chỉ còn lại những cơn gió. Tôi băng qua một trạm xe buýt và chợt nghe tiếng vĩ cầm bùng sáng trên một nền saxophone và accordeon mờ đục.

Đó là bản Carmen của Georges Bizet đang được trình tấu trên vỉa hè bởi những người Digan.

Những nghệ sĩ du mục này đang chơi nhạc cho những cơn gió, cho những đám mây. Và cho tôi. Vì trạm xe buýt đã không còn một bóng người. Dòng sông bên dưới kia cũng đã đầy bóng tối. Những lâu đài cũng chìm khuất.

Tôi mang những âm thanh của đoàn hát rong trở về căn hộ của mình. Những người bạn bày biện thức ăn trên sàn nhà. Đốt nến và mở bia. Tôi vẫn ngồi cạnh lò sưởi. Bia chất cao như bức tường. Mọi người lấy bia như gỡ những viên gạch từ bức tường thuỷ tinh ấy. Người bạn xé giấy thùng bia ném vào lò sưởi thay cho củi.

Trời vẫn lạnh nhưng tạnh ráo. Đường phố sâu hút bên dưới và lốm đốm ánh đèn vàng.

Giao thừa đến trong im lặng. Rồi pháo nổ lác đác. Xe chữa lửa chạy vòng vòng. Bên kia đường là restaurant của người Hy Lạp, họ bắt chước ai mà đốt dây pháo dài bốn năm thước. Thanh niên đốt pháo xòe, pháo hú, pháo thăng thiên. Pháo thăng thiên của người Đức sản xuất, thấy bán ở siêu thị, còn pháo đùng nghe nói nhập lậu từ Trung Quốc, từ Bình Đà. Máy cô đầm nhon nhon bịt tai và cười, họ hôn nhau ngoài đường phố, pháo xẹt và găm rú như ma quỷ. Xe cứu hoả lại đến. Bà cụ già mở cửa sổ, thò đầu ra ngoài chửi một tràng tiếng Đức.

Tất cả chỉ kéo dài chừng một tiếng đồng hồ. Rồi thôi. Im lặng và lạnh. Chúng tôi lên nhà xem chương trình tivi đêm giao thừa. Máy người bạn uống rượu mạnh. Đa số họ là người miền Bắc vượt biên sang đây sau một hành trình cực kỳ gian nan từ Hà Nội đi Kiev sang Rumany, Hungary, Tiệp Khắc trước khi xé rào qua Đông Đức. Tôi nằm lắng nghe,

nhâm nhi chai Glühwein không có môi.

Ngày mồng một Tết đến một cách e dè. Trời xám. Những chuyến xe điện vẫn chạy qua phố, kiosque phở của một người đàn bà Việt Nam vẫn mở cửa. Một chút nắng vàng hanh trên đầu ngọn cây. Ông già người Đức ngồi ăn phở bên cái bàn nhỏ kê trên bãi cỏ. Ông ta nói được chút ít tiếng Anh và hỏi tôi có còn bán thuốc lá không. Tôi không đính chính, chỉ cười. Ông già mời một điếu Marlboro. Ông ta khoe mình là đại tá phi công. Tôi hỏi:

"Bác là đại tá của ông Helmut Kohl hay ông Honecker?"

"Ông Honecker."

"Thế khi nước Đức thống nhất bác có phải đi học tập cải tạo không?"

"Tại sao? Thống nhất thì mọi người phải vui vẻ chứ. Ông Helmut Kohl vẫn cho tôi lãnh lương hưu."

*

Nhưng người dân Đông Bá Linh và những miền phụ cận như Potsdam vẫn bỏ đi.

"Tại sao vậy, Christian? Nước Đức thống nhất, sao lại bỏ đi?" Anh bạn trẻ người Đức nói:

"Chính mẹ tôi cũng bỏ sang Mỹ. Nhiều người khác sang Tây Đức."

"Nhưng Đông Đức bây giờ cũng là tư bản, có khác gì Mỹ và Tây Đức?"

"Khác chứ. Vì cũng còn lâu lắm mới đuổi kịp mức sống của Tây Đức mà cuộc đời thì ngắn ngủi, người ta cần hưởng thụ. Anh cứ nhìn hai bên phố mà xem."

Đây là con đường rất đẹp của Potsdam. Hai bên toàn biệt

thụ nhưng bị bỏ hoang nhiều quá. Những ngôi biệt thự như thế ở Sài Gòn giá có thể lên tới vài ba ngàn lượng vàng nhưng ở đây người ta bỏ hoang, cửa kính vỡ nát, bên trong tối om, lạnh lẽo.

Potsdam, thành phố chỉ cách thủ đô Bá Linh có một cây cầu, thành phố với nhiều lâu đài, thành quách và viện bảo tàng nổi tiếng, thành phố đã từng chứng kiến cuộc hội đàm lịch sử giữa Stalin, Truman và Churchill tháng 7 năm 1945 bàn về sự đầu hàng của Đức Quốc xã. Tại sao người ta lại bỏ một thành phố xinh đẹp và nổi tiếng như thế để ra đi?

Christian bảo tôi khoác thêm một chiếc áo khoác bằng da. Hắn nói:

"Thôi, đừng bận tâm đến những chuyện ấy nữa. Sắp đến nơi rồi, gió lạnh lắm đấy."

Ra khỏi rừng là hồ. Liên tiếp nhau. Xe ngừng lại. Mặt hồ rộng mênh mông, phẳng lặng, bát ngát.

"Cá nhiều lắm." Christian nói.

Tôi đã thấy những con cá chép tại khu "Cộng" (khu người Việt) ở Bá Linh. Những con cá chép giống hệt cá chép trắng của xứ mình nhưng không có vảy.

Christian mở cốp xe và đưa cho tôi chiếc cần câu.

*

Rồi có một ngày, ngọn đồi thấp dẫn dụ tôi đi theo con giốc hẹp quanh co giữa cỏ dại và những cây lá vô danh chập chùng. Những quả đồi xinh xắn, xanh xám lẫn lộn nhiều tầng. Và mây thì thấp, nhẹ tênh.

Đó là buổi sáng tĩnh vật. Táo chín rụng hồn nhiên trong hư

vô. Thời gian dừng lại nên gió cũng không thổi. Trái táo lửng lơ giữa lưng chừng đồi.

Chỉ có tôi bước đi trong không gian tĩnh vật ấy. Hình như thiên nhiên đang sững sờ bất động trước người khách lạ từ trần gian vừa đến. Tôi nghe bước chân mình khua động giữa im lặng. Khe nước nhỏ không lời. Trời không cao và dường như có thể với tới những đám mây.

Trang trại nhỏ ở dưới thung lũng, xinh xắn như một món đồ chơi. Tôi đi giữa những gốc táo già và nhặt những trái táo rụng nằm lẫn trong cỏ. Những trái táo như chiếc lông ngỗng của My Châu dẫn tôi đến cổng trang trại.

Con ngỗng kêu ngậy ngô. Người đàn bà mở cánh cổng gỗ, chào anh bạn tôi. Họ đã quen nhau từ lâu rồi. Con chó Berger cao lớn nhảy lên mừng, những con ngựa đứng im trong chuồng. Bò cái vú lớn như trái bí. Trời lạnh quá. Tôi không biết nói tiếng Đức, chỉ cười. Và ngồi ăn hạt dẻ trong cái đĩa lớn.

Tôi sung sướng vì đã quên hết mọi thứ. Quên cả tiếng người, quên cả mình đang ở đâu, đang làm gì, sẽ làm gì. Hốt nhiên mà nhập vào cảnh giới ngộ thiền. Tâm đang về trú với thân. Tâm đang nằm trong lòng bàn tay, trong vỏ hạt dẻ. Và thấy mình là đám mây thấp trên đồi nương.

Tiếng trò chuyện chung quanh chỉ như những xao động, tiếng ngỗng kêu trong suốt, rơi vào tâm hồn đang rỗng không của tôi.

Và bỗng nhiên trong tay tôi có một con ngỗng. Tôi ôm nó trước ngực. Lông ngỗng ấm áp như người tình. Người đàn bà cười. Tôi ôm con ngỗng đi vòng vòng quanh trang trại. Rồi

tôi ôm nó trở lại lối mòn quanh co giữa hai hàng táo già. Con ngỗng ngủ. Sẽ ru nó bằng ngôn ngữ im lặng. Sẽ ru nó bằng những vuốt ve.

Rồi cứ đi.

Lạc trong cây cỏ và chập chùng đồi.

14. Chú mọi nhỏ của Dã Nhân

Không biết ở đâu mà Dã Nhân xin được một chú mọi nhỏ đen thui về làm đệ tử. Theo lẽ nó phải gọi tôi bằng sư huynh nhưng vì nó không biết tiếng Việt nên suốt ngày chỉ cười. Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tay và mắt.

Hôm trước hai thầy trò còn ở Sài Gòn, sáng ra đã biến mất, để lại một tờ thư, đại khái ông nói muốn lên ở trên núi Thị Vải một thời gian để giảng kinh và bảo khi nào tôi lên thì đem cho ông một can mười lít rượu Bàu Đá.

Đường dốc hiểm trở, len lỏi qua nhiều hang đá mới tới được cái am của tiên sinh. Chú mọi nhỏ dẫn tôi ra sau am và đưa cho tôi mấy trái chuối bảo đặt dưới các gốc cây rừng cho sóc ăn. Lũ sóc ở trên cây bò xuống, leo cả trên vai của chú bé.

Giây lát tiên sinh bước ra, tóc búi củ tỏi sau gáy, râu dài, phong thái đỉnh đạc, trầm mặc.

Ông đến ngồi cạnh tôi:

"Chú mọi nhỏ này là người Congo, cha mẹ đều chết vì bệnh AIDS, những anh chị của nó thì chết đói trong rừng. Một thầy thủ da đen nhận nó làm con nuôi. Và cuối cùng trao cho ta, làm đệ tử của ta. Nhưng lai lịch của nó, số phận của nó không chỉ đơn giản như vậy. Nó không chỉ là một đứa bé. Nó là lịch sử. Nó là một nhân loại đang sống sót. Nó là một

nhân loại kỳ diệu vì đã tồn tại sau khi bị giày xéo, chà đạp dưới gót giày, bị đốt trong lửa, bị nổ tung trong bom mìn và bị mục nát trong bệnh AIDS. Nó là đức Thế Tôn, là Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Người có thấy nó đang chơi với những con sóc không?

Nhiều thế hệ tổ tiên của nó đã chết trong ngục tù, nhiều thế hệ cha ông của nó đã tàn héo trong nô dịch, nhiều thế hệ anh chị của nó đã tan xác trong bom đạn. Vậy thì tại sao những David Beckham, những Brad Pitt, những Céline Dion, những Tony Blair, những George Bush, những Marilyn Monroe... không đến đây mà quỳ trước mặt nó để xin được tha thứ và cứu rỗi?"

"Ý thầy muốn nói sự thịnh vượng của châu Âu là do bóc lột tài nguyên, mồ hôi nước mắt và máu của lục địa đen?"

"Đó là một sự thật."

"Nhưng xã hội da trắng thịnh vượng là nhờ họ thông minh và có những thiên tài. Liệu họ có được thịnh vượng nếu họ không chế tạo ra máy hơi nước, điện khí hóa, nếu không có cuộc hiện đại hóa của cách mạng tư sản?"

"Đó cũng là một sự thật."

"Như vậy có nhiều sự thật sao?"

"Không sai. Chúng ta có rất nhiều sự thật. Cũng như chúng ta có rất nhiều sự giả. Sự thật có thể có nhiều mảnh. Một nửa cái bánh mì là bánh mì. Và một nửa sự thật cũng là sự thật. Thậm chí một phần mười sự thật cũng là sự thật. Người ta có thể lấy một tế bào để nhân giống vô tính thành một con cừu, thế thì một phần tỷ của con cừu cũng là một con cừu. Sao một phần tỷ sự thật lại không là sự thật?"

Dã Nhân bật cười ha hả, sáng khoái, đắc ý và hài hước.

"Nhưng đó là ta đùa giỡn với lý luận. Thực ra chẳng hề có sự thật mà cũng chẳng hề có sự giả. Giả hay thật, phải hay trái, đúng hay sai, thiện hay ác... đều tùy thuộc vào góc nhìn, tùy thuộc vào đồng tiền dán trên cái nhìn ấy. Trời ơi, ta lại nói những điều rất khó hiểu. Liệu cái đầu 'thông minh trung bình' của người có hiểu không?"

"Thưa thầy, tôi hiểu."

"Nhưng ta biết có tỷ người không hiểu. Ôi, ta muốn phát khùng lên vì những thứ mà ai cũng ca ngợi. Nào là anh hùng dân tộc, thiên tài, hoa hậu hoàn vũ, siêu sao bóng đá. Nào là độc lập dân tộc, nhân quyền, tự do, dân chủ. Nào là lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nào là tín ngưỡng, tôn giáo, nào là nhân nghĩa lễ trí tín. Trời ơi! Tại sao chúng nó không biết ngược khi nói những thứ giẻ rách ấy nhỉ? Tại sao làm người mà lại có thể muối mặt nói ra những thứ nhảm nhí ấy nhỉ? Sao không sủa lên như chó, sao không rống lên như bò. Sao không gào lên như lũ mèo động đực? Như thế có phải chân thành hơn không?"

Rõ ràng là trong hơi thở của ông có mùi rượu Bàu Đá. Chắc chắn trong lúc tôi chơi với chú mọi nhỏ thì Dã Nhân đã nhìn thấy can rượu trên bàn.

Bây giờ thì ông như ngọn cờ gặp gió. Sống động. Linh hoạt. Sôi nổi.

"Chúng nó bài tiết ra những lời hoa mỹ ấy để trững giỡn với nhau, tung hứng cùng nhau, ca ngợi lẫn nhau và chửi rửa lẫn nhau bằng cả văn chương nghệ thuật, bằng triết học, bằng các học thuyết chính trị. Chúng nó bảo nhau rằng Tần

Thuỷ Hoàng có công thống nhất đất nước, thống nhất chữ viết, thống nhất đo lường... nhưng chúng quên rằng triều đại của hắn chỉ kéo dài có mười năm và khi hắn chết thì xã hội Trung Quốc lại loạn lạc, lại chia năm xẻ bảy như cũ. Chúng nó bảo nhau rằng Napoléon Bonaparte là thiên tài, rằng Césaire, Thành Cát Tư Hãn, Mao Trạch Đông... là những anh hùng kiệt xuất nhưng những tên khốn nạn ấy đã giết bao nhiêu triệu người? Đã ly tán bao nhiêu triệu gia đình, đã phơi xác đồng loại mình cao như núi và máu thì chảy thành sông... Người có biết những tên bồi bút đê tiện nhất là ai không? Đó chính là những nhà sử học. Chúng luôn luôn đứng về phía những kẻ cầm quyền, luôn luôn ca ngợi các triều đại thịnh trị."

Nhưng ai thịnh trị?

Chỉ có bọn cầm quyền là thịnh trị.

Vì chúng ngồi mát ăn bát vàng, chúng có một ngàn bà vợ, có hàng tỷ đô la, hàng trăm biệt thự, hàng ngàn gia nhân... Vì chúng chiếm hữu và chia nhau tài sản quốc gia như bọn thợ săn chia chác con mồi.

Còn nhân dân muôn đời vẫn là những viên gạch lót đường cho chúng. Nhân dân luôn luôn là những kẻ tội tởm, là người ở đợ. Cho nên đừng bao giờ nói với ta về "dân chủ" về "nhân quyền" về "công bằng xã hội"... Làm gì có trên cõi đời này. Chỉ có những thằng ngu và những thằng "thông minh trung bình" mới tin vào những thứ ba xạo ấy.

"Nhưng các nước có trình độ dân trí cao như Âu, Mỹ thì sao?"

"Dân trí càng cao thì sự ba xạo của chính quyền càng tinh

vi. Người chưa đủ trình độ để hiểu chuyện đó đâu. Ta sẽ có một bài giảng riêng về đề tài này."

"Thế còn châu Phi?" Tôi hỏi.

Dã Nhân chỉ tay về phía chú mọi nhỏ.

"Châu Phi đang ngồi đó. Cách đây 200 năm, bọn thực dân da trắng đến châu Phi để vơ vét tài nguyên, bắt người da đen làm nô lệ, buôn bán họ như súc vật... để xây dựng một châu Âu hùng cường. Còn bây giờ thì châu Phi trở thành một nơi chứa các chất thải công nghiệp.

Không chỉ tại Côte d'Ivoire, một số quốc gia khác như Somalie cũng đang đứng trước thảm họa từ rác thải công nghiệp. Từ nhiều năm qua, tàu chở chất thải đến từ Italia thường xuyên đổ các chất thải độc hại xuống Somalie và việc vận chuyển trái phép này hầu như nằm ngoài mọi sự kiểm soát của chính quyền."

"Nhưng tôi nghĩ người châu Phi cũng phải chịu trách nhiệm về sự nghèo đói và những tai họa của họ."

"Người châu Phi thích đánh nhau vì sắc tộc hơn là đánh nhau với những kẻ bóc lột họ. Đó là nguyên nhân thứ nhất. Người châu Phi chú trọng về tình dục hơn là công bằng xã hội nên sinh sản nhiều mà chết đói cũng nhiều. Người có nhớ một công ty Australia từng gửi thức ăn của chó để cứu đói cho châu Phi không?

Nhưng bọn cầm quyền ở châu Phi thì cực kỳ giàu có.

Chủ tịch của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Peter Eigen, nhận xét: "Tham nhũng là nguyên nhân chính của đói nghèo, khóa chặt người dân trong thảm họa. Đứng hàng đầu trong danh sách tham nhũng là những 'tên tuổi lớn' như: Tổng

thống Mobutu Sese Seko của Cộng hoà Dân chủ Congo, biển thủ 80 tỷ đô la; cựu Tổng thống Suharto của Indonesia, tài sản gần bằng một nửa tổng sản phẩm quốc nội của Indonesia; cựu Tổng thống Ferdinand Marcos của Philippines biển thủ 100 tỷ đô la, và cựu Tổng thống Alberto Fujimori của Peru, biển thủ hàng trăm triệu đô. Hãy nghĩ mà xem, những tên đầu trộm đuôi cướp như vậy mà vẫn được ghi tên vào lịch sử như những nhà lãnh đạo quốc gia thì rõ ràng bọn sử gia là bọn bồi bút hạng bét. Nhưng người có biết 'những nhà lãnh đạo' ấy đã lấy tiền bằng cách nào không?"

"Trên khắp thế giới, bọn cầm quyền đều có chung một ngón nghề làm giàu như nhau. Đó là ăn chặn tiền đầu tư của nước ngoài, tiền 'lại quả' từ việc mua bán tài nguyên quốc gia, như dầu mỏ, hải sản, lâm sản... tiền rút ruột các công trình như kiểu mà phe nhóm của Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến trong vụ PMU18, hoặc Vũ Đình Thuần, Lương Cao Sơn trong vụ Đề án 112 và các đồng bọn của chúng đang làm ở Việt Nam. Sau đó, để trả nợ cho nước ngoài, chúng thường lấy tài nguyên quốc gia, lấy tiền thuế của nhân dân ra mà trả. Trả không hết thì các thế hệ con cháu của chúng ta phải trả!"

Dã Nhân vỗ đầu tôi như đứa con nít:

"Cái tay Thaksin của Thái Lan trở thành tỷ phú đô la cũng nhờ cách ấy. Những vị 'anh hùng dân tộc' như Marcos, như Shuharto cũng áp dụng ngón nghề ấy thôi. Đó là tai hoạ của các nước nghèo và các nước đang phát triển. Còn những nước giàu như Anh, Mỹ... thì có ngón nghề khác. Nhất là Mỹ, nó vừa là thiên đường vừa là địa ngục, vừa là thánh nhân vừa là ác quỷ. Bây giờ ta nói thì người không tin. Rồi ta sẽ

cho người xem một bộ phim tài liệu do một đạo diễn thiên tài người Mỹ là Michael Moore làm. Nhưng sẽ vào một dịp khác. Xem kìa! Chú mọi nhỏ của ta đang làm gì dưới gốc cây bồ đề vậy?"

Chú mọi nhỏ đang vạch con cu nhỏ xíu của nó ra đái. Dã Nhân nhẹ bước đến, ngồi xuống một bên và ngửa bàn tay ra hứng dưới vòi nước tiểu.

15. Thế giới đang bốc mùi

Hồi còn trẻ tôi thường nghĩ: làm người thì phải có lý tưởng, phải tin vào một cái gì đó và phải biết ước mơ....

Hàng triệu thanh niên cũng nghĩ như tôi vậy.

Nhưng thật tội nghiệp cho thế hệ thanh niên ngày nay khi những điều tốt đẹp đã tàn héo, khi lịch sử tự chứng minh rằng lý tưởng chỉ là cái mớ giẻ rách. Lịch sử tự vạch mặt chỉ tên mình là bọn đầu trộm đuôi cướp, tự vạch áo cho người xem cái lưng ghẻ lở bốc mùi của mình. Và hiện nay cái mùi ấy là mùi đặc trưng của thế giới. Từ Hoa Kỳ đến Iraq, Palestine, Israel, từ Anh đến Pakistan, Myanma, Thái Lan, Philippines... Chưa bao giờ nhân loại hỗn loạn, phức tạp, điên đảo và nhảm nhí như thời đại này.

Nhưng có lẽ chỉ có chừng một phần ba nhân loại nghĩ thấy cái mùi khăm khăm ấy, chính vì thế mà những người hành nghề chính trị trên khắp thế giới mới phát tài phát lộc. Mặt hàng kinh doanh của họ là sự dối trá, lừa bịp. Và khách hàng của họ là hàng tỷ người hiền lành, tốt bụng nhưng nhẹ dạ cả tin trên khắp mặt đất, từ Somalie cho tới Hiệp Chúng quốc Hoa Kỳ.

Tôi muốn gào khóc, quỳ lạy van xin cái khối nhân loại đồ sộ và tội nghiệp này rằng hãy dừng lại. Dừng tin ai, đừng trung thành với ai, đừng hy sinh vì cái gì cả. Rằng cả lũ chúng ta đang bị lừa.

Mọi người phải ý thức rằng mình chỉ là một cá nhân rất nhỏ bé, vô cùng yếu đuối vô cùng mong manh trước các thế lực khủng khiếp đang ngự trị trên hành tinh này. Rằng mình không làm gì được chúng đâu. Rằng mình phải cam chịu. Phải sống chung với chúng. Phải làm tô tở cho chúng cũng giống như hàng ngàn năm qua, tổ tiên chúng ta cũng đã làm tô tở cho chúng.

Đó là số phận đã được an bài. Không có cuộc cách mạng nào thay đổi được số phận đó. Và hơn thế nữa, đó không chỉ là số phận mà còn là QUY LUẬT TẤT YẾU, VĨNH CỬU VÀ BẤT BIẾN của xã hội loài người.

Khi nghe tôi trình bày những tư tưởng này Dã Nhân nheo mắt nhìn tôi một cách chế giễu. Ông ta nói:

"Người đã biết rằng đó là quy luật, là tình thế không thể đảo ngược được sao còn than thở? Như thế có khác nào người than thở tại sao hết mùa Xuân lại tới mùa Hạ, hết mùa Thu lại tới mùa Đông? Người hãy nhìn ngoài phố kia. Người ta vẫn đi lại, vẫn nói cười. Người ta vẫn sống, vẫn yêu nhau, vẫn ghét nhau, vẫn nhớ nhung nhau... Và trên khắp thế giới mọi người đều như thế. Dù họ biết hay không biết rằng mình đang bị móc túi đang bị lừa đảo thì họ vẫn sống, thậm chí có người vẫn rất hạnh phúc."

Tôi rất ghét cái kiểu nheo mắt chế giễu của Dã Nhân nên cãi lại quyết liệt:

"Nhưng ở những nước chậm tiến, số người bất hạnh nhiều hơn bội phần. Hàng tỷ người sống dưới mức nghèo khổ. Hàng tỷ người sống như súc vật. Đó là vì họ không biết mình đang bị móc túi, đang bị lừa đảo. Và không một ai giúp họ biết được điều đó cả. Những người chết đói ở Congo không hề biết rằng ông Tổng thống Mobutu đã ăn cướp của họ 80 tỷ đô la. Những đám dân đen cùng khổ trong những khu ổ chuột ở Jakarta, những người nông phu chân lấm tay bùn ở Philippines không hề biết rằng những vĩ nhân của họ là Suharto, Ferdinand Marcos đã phỗng tay trên của họ hàng trăm tỷ đô la. Đó là chưa kể Campuchia, Myanmar, Việt Nam... Những đám dân cùng khổ ấy họ vẫn sống, vẫn ăn, vẫn thở, thậm chí vẫn yêu nhau, vẫn sinh con đẻ cái... nhưng thầy có thể đứng dưng trước những bất công như vậy không?"

"Đứng dưng hay không đứng dưng thì cũng chẳng làm được gì. Giả dụ như người là một siêu nhân có thể trong một đêm lật đổ được chính quyền và đứng ra cầm quyền, lập một chính phủ mới, một nhà nước mới. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra? Lại vẫn lừa đảo, tham nhũng, ăn cắp, nói dối... Vì sao? Vì đó là bản chất của mọi nhà nước. Kể cả nước Mỹ. Người không tin sao? Vậy thì hãy cùng ta xem bộ phim này.

Tên phim: FAHRENHEIT 9/11

Thể loại: Phim tài liệu.

Đạo diễn: Michael Moore.

Giải thưởng: Cành Cọ Vàng tại Liên hoan Phim Cannes (Pháp) năm 2004

Diễn tiến các trường đoạn chính của phim như sau:

"Đài truyền hình Mỹ tuyên bố Gore đã vượt qua Bush về số phiếu bầu. Chỉ còn lại bang Florida là chưa kiểm phiếu nhưng chính Florida là bang ủng hộ Gore nên chắc chắn là Gore sẽ đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ."

"Nhưng sau đó thì người ta tuyên bố Bush thắng cử. Điều này chứng tỏ rằng bầu cử ở Mỹ chỉ là chuyện hình thức, thực ra các Tổng thống đều đã được các tập đoàn tư bản quyết định sẵn từ trước rồi."

Dã Nhân bình luận thêm trong lúc xem phim: "Trên thực tế, những tập đoàn tư bản Mỹ không chỉ quyết định ai sẽ là Tổng thống mà còn có quyền giết bất cứ Tổng thống nào không vâng lời họ. Đó là trường hợp Tổng thống Kennedy bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963 tại Dalas, sau đó, vào ngày 6/6/1968 em trai ông là Robert Kennedy khi đang vận động tranh cử Tổng thống cũng bị bắn chết tại Los Angeles vì 'người ta' thấy rõ rằng ông này rất có khả năng đắc cử."

xem phim tiếp:

"Trước khi làm Tổng thống, Bush từng là sĩ quan cận vệ. Lúc ấy ông ta có một người bạn thân là James Bath là sĩ quan cùng đơn vị. Về sau này, gia đình Bin Laden thuê James Bath làm quản lý tài chánh cho các công ty của họ tại Hoa Kỳ. James Bath đã bí mật giúp đỡ tài chính cho Bush trong suốt quá trình hoạt động chính trị và tranh cử. Chính vì thế mà sau khi đắc cử Tổng thống, Bush cho người dùng bút đen xóa những chứng cứ về mối quan hệ giữa ông với James Bath. (Những chỗ tẩy xóa này được chiếu trên màn ảnh)."

"Khi Bin Laden cho máy bay đâm vào hai tòa nhà WTC tại New York thì Tổng thống Bush đang viếng thăm một trường

mẫu giáo và đang ngồi nghe một học sinh kể chuyện cổ tích. Lát sau cận vệ vào báo chiếc máy bay thứ hai đâm vào toà nhà thứ hai. Bush chỉ nhú mày và lại tiếp tục nghe, như thể là ông ta đã biết trước những việc đó.

Ngày 13/9 tức là hai ngày sau vụ tấn công, Tổng thống Bush đến toà đại sứ Ảrập Saudi (quê hương của Bin Laden) ăn cơm trưa với ông đại sứ. Lời bình luận trong phim nói rằng: "Bush đến để trấn an ông đại sứ rằng chúng tôi đã thu xếp mọi thứ, ông đại sứ cứ yên tâm" "

"Ngay hôm sau vụ tấn công, tất cả các phi trường tại Mỹ đều bị đóng cửa và các máy bay đều bị cấm cất cánh. Nhưng vẫn có 12 chiếc máy bay chở toàn bộ gia đình Bin Laden rời khỏi nước Mỹ. Lời bình luận trong phim: "Cuộc di tản này nhằm tránh cho gia đình Bin Laden khỏi bị FBI thẩm vấn. Cùng lúc, tại Ảrập Saudi, gia đình những kẻ khủng bố trong vụ 11 tháng 9 cũng được chính quyền bảo vệ, không cho tiếp xúc với báo chí.""

"Gia đình Bin Laden đã đầu tư 860 tỷ USD vào công nghệ chế tạo vũ khí tại Mỹ, bằng 7% nền kinh tế Mỹ."

"Bush ngăn cản quốc hội điều tra về vụ 11/9 và lập một uỷ ban điều tra riêng."

"Gia đình Bush ngoài dầu hoả còn đầu tư vào công nghệ chế tạo vũ khí hiện đại với công ty mang tên Carlyde."

"Một bà mẹ có con trai chết tại Iraq nói: Hàng ngày chúng ta phải đối mặt với sự ngu dốt."

"Một đoạn phim dài chừng một phút chiếu cảnh ca sĩ Britney Spears ủng hộ Tổng thống Bush. Việc này chứng tỏ vẫn còn rất nhiều người không biết rằng thế giới đang bốc mùi."

"Phần lớn những lính Mỹ bị đưa sang chiến trường Iraq và Afghanistan đều là con em nhà lao động nghèo, thất nghiệp, nhất là người da màu. Một đoạn phim ghi lại hình ảnh và lời nói của các thanh niên Mỹ khi tiếp xúc với những người đi tuyển mộ lính. Họ là những người thất nghiệp và không còn sự chọn lựa nào khác ngoài chiến trường Iraq và Afghanistan."

"Đạo diễn Michael Moore đích thân đến trước cửa Thượng viện Hoa Kỳ để phỏng vấn các thượng nghị sĩ. Tất cả các vị này không ai có con em đi chiến đấu tại Iraq. Một số thượng nghị sĩ chạy trốn khỏi cuộc phỏng vấn."

Dã Nhân bình luận trong lúc xem phim:

"Sản xuất vũ khí và dầu mỏ là hai nền công nghiệp hàng đầu của Mỹ. Giới tài phiệt Mỹ trở nên giàu có nhờ vào hai nền công nghiệp khổng lồ này. Vì thế họ phải mở các cuộc chiến tranh để chiếm lấy các mỏ dầu và bán vũ khí".

"Vũ khí được bán cho chính phủ Mỹ."

"Chính phủ Mỹ dùng tiền của ngân sách, tức là tiền thuế của nhân dân để mua vũ khí."

"Vậy thì ai hưởng lợi? Trả lời: Các công ty chế tạo vũ khí hưởng lợi, các quan chức chính phủ hưởng lợi từ 'huê hồng' khi ký các hợp đồng mua bán vũ khí hàng trăm tỷ đô la."

"Ai bị thiệt hại? Trả lời: Nhân dân Mỹ bị thiệt hại vì tiền đóng thuế của họ bị chảy vào túi một nhóm người. Vì con em của họ phải chết cho các hợp đồng mua bán vũ khí ấy."

"Có ai bị thiệt hại nữa không? Trả lời: Có. Đó là nhân dân Việt Nam, nhân dân Iraq, nhân dân Afghanistan. Họ đã phải chịu cảnh tan thương chết chóc vì chiến tranh."

Và còn một sự thật hết sức quan trọng nữa là: Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào mà chính phủ Mỹ tiến hành, nước Mỹ có thể thắng hoặc thua nhưng các công ty chế tạo vũ khí của Mỹ và các quan chức chính phủ có liên quan thì LUÔN LUÔN THẮNG vì mục tiêu của họ là BÁN ĐƯỢC HÀNG còn chiến cuộc kết thúc thế nào không quan trọng. Đôi khi họ còn muốn kéo dài chiến tranh để tiêu thụ được nhiều vũ khí hơn."

Tôi thấy Dã Nhân đang trở tài hùng biện nên muốn chọc tức ông ta một chút. Tôi nói:

"Một bộ phim vạch trần những sự thật ghê gớm như vậy mà chính phủ Mỹ vẫn cho ra đời chứng tỏ nước Mỹ cũng rất tôn trọng dân chủ chứ?"

Dã Nhân quay nhìn tôi như nhìn một con quái vật:

"Ái chà chà! Người làm ta ngạc nhiên đấy. Thế mà lâu nay ta vẫn tưởng người là một thằng thông minh. Người không thấy là toàn bộ nội dung phim nhằm chứng minh rằng nhân dân Mỹ đã bị lừa à? Bầu cử cũng lừa mà chiến tranh cũng lừa.

Vậy thì tại sao nó cho công bố phim này? Vì nó quá mạnh. Nó đéch sợ dư luận. Nó ngồi xồm trên dư luận mà ỉa. Tổng thống của nó mà nó còn giết cả ba bốn ông đủ thấy nó mạnh cỡ nào, nó coi thường dư luận cỡ nào. Và sau khi phim này được công bố và nhận giải thưởng Cannes thì Tổng thống Bush vẫn tái đắc cử nhiệm kỳ 2. Vì sao? Vì kết quả bầu cử đã được quyết định sẵn rồi. Bây giờ thì người đã hiểu chưa?"

"Bạch thầy, con hiểu."

Đào Hiếu

Lạc Đường

- 16 - 21 -

16. Những cộng tác viên của tôi

Có một đạo tôi làm trưởng ban Văn-Xã của báo Tuổi Trẻ. Đó là nơi tôi đã đăng những sáng tác đầu tiên của hầu hết những nhà văn, nhà thơ quen thuộc ngày nay như Đỗ Trung Quân, Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Đông Thức, Đoàn Thạch Biền, Lê Thị Kim, Bùi Chí Vinh... và cả những tác phẩm của các cây bút miền Bắc như Trúc Chi, Bùi Việt Phong, Lê Bình, Hoàng Đình Quan...

Có người cho đến giờ vẫn là bạn thân của tôi, có những mối quan hệ mờ nhạt dần sau “vụ Nổi loạn.”

Có kẻ sợ liên lụy. Có người quay mặt đi. Tôi thương hại họ, vì họ cứ tưởng xử sự như vậy là họ được lợi, thực sự họ đang sống và viết như những thằng bồi bút hạng bét với mớ chữ nghĩa vụn vặt, mớ kiến thức lem nhem và với tầm nhìn của một con ếch ngồi đáy giếng.

Dẫu sao tôi cũng cảm ơn báo Tuổi Trẻ trong những ngày đầu giải phóng đã “tạo điều kiện” cho tôi lặn lội vào các nông trường, xông pha vào những nơi rừng sâu nước độc cùng với các bạn thanh niên xung phong TPHCM và đi cùng với Mặt trận 479 sang tận Campuchia trong chiến dịch truy quét bọn Pol Pot.

Tôi đã trải qua những đêm đốt lửa bên dòng kinh, đã thao thức với bầu sọc bay tuyệt đẹp những đêm trăng huyền

thoại trong rừng Đắc Nông, đã hát trên lưng đàn voi băng qua các buôn làng heo hút... đó là những vốn sống quý báu mà tôi vẫn thường dùng trong các tác phẩm của mình.

Tôi đã sống nhiều chế độ, nhiều cảnh đời, đã sống hết những gì mình có thể sống được, đã làm Việt cộng, làm “lính nguy”, đã lặn lội nơi rừng sâu nước độc, bung biển, đồng khô cỏ cháy, đã lang thang trên mọi nẻo hành tinh... tôi cần gì những bon chen vụn vặt bản tiện của cái xứ xở mà bồi bút nhiều như sâu bọ.

Nhìn lại quá khứ, thấm thía câu nói của Phạm Lãi khi từ bỏ Câu Tiễn đi ở ẩn:

"Khi người ta chung một mối lo thì người ta thương nhau. Khi người ta chung một mối lợi thì người ta hại nhau."

Sau giải phóng, những “mối lợi” ấy nhiều quá nên người ta hại nhau là chuyện thường. Người hại tôi nhiều nhất là ông nhà văn Vô Hạnh mà tôi đã nói trong chương “Trí thức nằm vùng” ở phần đầu sách này. Về sau ông làm lành với tôi, một lần gặp tôi ở Nhà xuất bản Văn Nghệ, ông chạy đến tay bắt mặt mừng. Tôi tha thứ cho ông. Nhưng tôi nản quá. Cảm giác sau cái bắt tay là sự chán chường, nó giống như mình vừa gặp một điều nhảm nhí, vớ vẩn. Nó giống như tro tàn. Mối quan hệ giữa người và người mà đến như thế thì tội nghiệp cho phẩm giá con người quá.

*

Cũng may tôi đã gặp Kim Lê. Cô sớm nổi tiếng với những bài thơ tình xuất thần, nhất là những bài cô viết về cỏ, về chim sẻ...

Tôi mang ơn cô rất nhiều về những gì mà cô đã dành cho tôi

trong những ngày đầu giải phóng. Lúc ấy cả nước không có gạo ăn. Mọi người đều phải ăn bo bo hoặc bột mì. Những chiều cuối tuần Kim Lê thường rủ tôi đi thăm nội. Bà sống một mình trong cái nhà nhỏ ngoại ô thành phố. Bà thường dọn sẵn bữa chiều đợi chúng tôi bên ngọn đèn dầu. Ba người quây quần quanh mâm cơm. Tôi mở nắp vung và ngạc nhiên khi nhìn thấy cơm trắng trong nồi. Đã hơn một năm rồi tôi không nhìn thấy cơm. Và gần như trong đầu tôi đã mất ý niệm về hạt cơm. Nhưng bây giờ, nó chợt hiện ra như trong cổ tích. Nó đẹp như một vòng nguyệt quế trắng tinh và thơm ngát. Tôi cầm chén cơm mà những ngón tay run lên vì tôi đang phải kìm chế sự thèm khát.

"Em không phải ăn bột mì?"

"Gia đình em buôn bán nên vẫn thường có gạo."

Một con thần lằn nhỏ từ trong kẹt cửa bò ra, mon men đến gần bàn chân nhẵn nheo của nội. Bà cụ nói:

"Những lúc các con không về, nội chơi với con thần lằn này. Tôi nghiệp, nó chỉ xin một hạt cơm thôi."

Buổi tối Kim Lê ngủ lại với bà. Tôi đạp xe lóc cóc trở về. Hôm sau Kim Lê hẹn tôi ở Viện Khoa học nơi cô làm việc. Lê từ trong thang máy bước ra, ôm chiếc cặp da trước ngực."

"Nhắm mắt! Đưa tay ra!"

Tôi làm theo. Và Lê đặt trên tay tôi hai gói giấy khá nặng.

"Gì vậy?" Tôi hỏi.

Lê cười khúc khích và bỏ chạy. Mất hút trong thang máy. Đó là hai gói quà quý giá nhất thời đó. Gói lớn là gạo, gói nhỏ là đường. Đường! Bạn biết không? Thiếu nó bạn sẽ hóa điên. Vì tôi đã một lần hóa điên như thế. Cơm thèm mọc ra trăm cái

mỏ. Mổ trong não. Rửa lá gan. Tay chân rã rời. Choáng váng. Trong nhà này, cái gì có thể có đường? Không kẹo, không sữa, không trái cây. Thử tìm một chút mật trong hoa?

Tôi chạy ra ban công, ở đó có mấy cái hoa dâm bụt. Mổ tung cái hoa ra. Mút cái nhụy. Đắng nghét. Lũ ong đã nhanh chân hơn mình rồi. Suy nghĩ xem còn cái gì nữa? Đúng rồi. Thuốc tây! Có thể mình vẫn còn những viên thuốc bọc đường. Lục tung ngăn tủ. May quá, còn được 5 viên thuốc gì màu đỏ. Bỏ vô miệng. Ngậm. Đắng nghét. Nhổ ra không kịp.

Có những buổi chiều sau giờ làm việc, chúng tôi ngồi bên bờ sông Sài Gòn. Lê đọc những bài thơ mới làm cho tôi nghe. Đó là những tác phẩm xuất thần, tác phẩm để đời của Lê, là những bông hoa đẹp trong văn học Việt Nam.

Chim sẻ như lá cây

Rụng mà không rớt

Bầu trời trước nhà tôi bé đủ nhìn

Cớ gì mà chim kêu rối rít

Cho lòng tôi cũng rối như chim

(trích "Hoà âm chim sẻ")

Khi mái tóc tôi lần đầu biết bay

Mọi loài cỏ đều biến thành con gái

Trong mối tình tôi lần đầu vụng dại

Có hương vị cỏ gừng

Lần đầu xoe đôi mắt

Gặp cỏ gà rưng rưng

(trích "Tôi và cỏ")

Tiếc cho Lê đã bỏ con đường hồn nhiên của mình để dẫn thơ vào một lối khác. Những tập thơ sau này của cô không làm

tôi rung động.

Lúc chia tay, tôi ôm Lê dưới một vòm hoa giấy đỏ rực. Lê rúc vào người tôi. Và kêu lên. Em sẽ nhớ anh lắm.

Bây giờ thì những chuyện ấy đã xa vời.

Chúng mình đều đã già rồi phải không Lê?

17. Những chiếc lá rơi vào bụi hồng

Những chiếc lá đâm chồi không ai hay

Già rồi giữa thình không

Và chết trong những ngọn gió

Tác phẩm của tôi như những chiếc lá rụng

Rơi vào bụi hồng

Những chiếc lá rụng không ai nhặt

Tự gom lại giữa vòng xoáy

Có người bật lên que diêm

Nhóm thành ngọn lửa

Ngọn lửa nhỏ không dùng để làm gì

Vẫn có thể đốt lên điếu thuốc

Giữa cuộc đời mênh mông

Ngọn lửa nhỏ ấy đang cháy trong ngôi nhà xinh xắn yên tĩnh tại thành phố Lake Forest bang California Hoa Kỳ.

Một vùng thiên nhiên trầm mặc. Sáng sớm thường se lạnh.

Tôi đi bộ dọc theo bờ suối. Một bên là rừng, một bên là con đường nhỏ dành cho tôi và những con thỏ nhỏ xíu. Những con thỏ còn ngái ngủ, bước ra khỏi bụi gai. Đàn sáo đen đi tìm những bông cỏ dại. Một chai huyết-ki uống đang dở bỏ lại bên chiếc cầu gỗ.

Các phương tiện truyền thông của Mỹ nói đây là mùa Hè

mát nhất tại Mỹ trong vòng mười năm qua. Dường như thiên nhiên đang ủng hộ tôi, ban tặng tôi những buổi sáng tuyệt đẹp. Mới tuần trước, mưa tầm tã ở Wichita. Ngày 5 tháng 7 tôi đến phi trường Dallas mưa vẫn đổ theo. Và sương mù dày đặc. Nhưng khi đến Cali thì gặp nắng. Mà trời vẫn lạnh. Buổi sáng xanh. Bình yên. Ngọn gió vẫn thanh thản. Và con thỏ rừng vẫn đứng lặng thính bên những bụi gai.

Có lẽ khi người Mỹ chưa đến vùng đất này thì loài thỏ rừng đã xây tổ ấm trong những bụi gai, và chúng vẫn ra đứng bên bờ suối mỗi buổi sáng. Chúng vẫn chậm chạp và lặng lẽ. Chúng làm cho buổi sáng ngưng đọng lại, cho ký ức tôi ngưng đọng lại.

Hôm qua tôi đi San José tìm Phượng theo địa chỉ mà cô đã cho tôi cách đây mười năm. Nhưng đó chỉ là một trạm sửa chữa của hãng Hitachi. Phượng đã thất lạc. Phượng chỉ còn là hình bóng quá khứ. Một chiếc váy sặc sỡ hoa trên nền đỏ chói. Trong gió biển lồng lộng, chiếc váy tung lên như cánh diều. Phượng bước trong một vũ điệu man dại. Tóc bay như cánh chim. Môi đỏ chót. Chúng tôi ngồi trong một cái quán cua biển cạnh mé nước. Phượng gọi thật nhiều món ăn.

"Hôm nay em đãi anh."

"Vì sao?"

"Vì là sinh nhật của em."

Tôi không biết điều đó. Bữa tiệc sinh nhật chỉ có hai người. Một cú điện thoại rủ đi Vũng Tàu. Một chuyến xe đò vội vàng. Đến khách sạn Phượng thay đồ. Và chọn cái váy sặc sỡ. Em mỏng lét, nhưng người ta nói ngực em là ngực sừng trâu. Vì đầu vú ngẩng lên như sừng trâu. Tôi thấy đẹp.

Phượng lộng lẫy. Và hoang dã như một cô gái người Hawaii. Buổi chiều đầu tuần êm ả trong quán cua vắng người. Ăn và mút ngón tay.

"Sao em cười hoài vậy?"

"Em sắp xa anh rồi."

"Đi đâu?"

"Đi vượt biên."

Đó là một buổi chiều của năm 1978. Lúc ấy Phượng là phóng viên báo Sài Gòn giải phóng. Và chúng tôi mới quen nhau 3 tháng. Phượng ở khu tập thể Bạch Kim đường Chữ Thập Đỏ. Một sáng chủ nhật nào đó tôi đến chơi và Phượng cũng mặc cái váy sặc sỡ này. Cô ngồi trên chiếc ghế bành rộng và tôi ngồi bệt trên sàn gạch, ngay dưới chân cô. Phượng xoa đầu tôi như đứa trẻ. Tôi nhắm mắt và cắn cái gấu quần của cô như một con chó con. Rồi Phượng cúi xuống, ngực chạm trên tóc tôi. Phượng đã ôm tôi như một người mẹ. Và mọi thứ diễn ra tự nhiên, dịu dàng, nhẹ, chậm và âu yếm.

Buổi chiều trong quán cua tôi mới biết Phượng đang ở với cha và một người mẹ kế. Phượng không thích cảnh ấy và ra đi.

"Em bỏ anh sao?"

"Vì anh đã có gia đình rồi."

Buổi tối chúng tôi ngồi trên kè đá. Chỉ có những vì sao. Ngoài ra là đen kịt. Biển cũng đen. Cả những ngọn sóng cũng chỉ ánh lên một chút lân tinh mờ ảo. Tôi nói:

"Biển thật đáng sợ."

"Nhưng em vẫn phải đi. Người ta thường chọn những đêm

tối đen như vậy để ra đi."

Tôi thương Phượng xót cả lòng. Nước mắt chảy trong bóng tối. Nhưng Phượng thì cười. Đàn ông gì mà yếu đuối vậy.

"Thôi, mình về khách sạn."

Nhưng chúng tôi không ngủ. Phượng bảo tôi đệm đàn cho cô hát. Trên đời này không có người nào hát hay như Phượng. Đó là chất giọng của Bạch Yến. Khi còn là sinh viên tôi đã suýt ngất xỉu khi lần đầu tiên nghe Bạch Yến hát bài "Đêm đông" trên đài BBC. Tiếng hát ấy có năng lực đánh thức tất cả sao trên trời và làm bừng sáng địa ngục.

Phượng đứng bên cửa sổ nhìn ra biển.

Tiếng hát bất tận. Không cần MC. Nối tiếp nhau, thanh thoát, lạnh giá và lộng lẫy. Tiếng hát đã truyền cảm hứng cho cây đàn. Chúng tôi biểu diễn quên thời gian, quên cả chính mình. Cho đến khi nghe có vài tiếng lao xao bên ngoài.

Tôi mở cửa phòng và nhìn thấy một đám đông.

"Anh chị cứ tiếp tục đi."

"Chúng tôi đang nghe."

"Chúng tôi đã đứng đây cả tiếng đồng hồ."

Phượng ra chào các fans hâm mộ và nói cảm ơn.

Sáng hôm sau tôi đòi ở lại tiễn Phượng lên tàu nhưng không được. Vì người ta muốn bảo mật tuyệt đối.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Phượng.

Trong tác phẩm Người tình cũ (nxb Văn Nghệ ấn hành năm 1988) tôi có viết một chương về giọng hát của Phượng:

Trích một đoạn ngắn:

"Khách ngồi quanh các gốc cây, trên ghế đá, trên cỏ. Thức

ăn nhẹ, Bûche de Noel, rượu nho, cà phê, rượu mạnh.

Tiếng dương cầm và vĩ cầm sánh đôi nhau đùa giỡn trong khu vườn đầy ánh sáng. Ca sĩ Thuý Vân hát liên tiếp ba bài Giáng sinh. Những người kế tiếp đều là ca sĩ nhà nghề. Những bản tình ca xen kẽ với nhạc Giáng sinh cứ nối nhau không dứt.

Gần hai giờ sáng, những tách cà phê đã cạn và rượu chỉ còn sánh một chút dưới đáy ly, hai người nhạc sĩ không đàn nữa. Cây piano đã đóng nắp lại, cây violon cũng được cất trong hộp, bàn bè ngủ gà ngủ gật.

Chủ nhà kêu lên:

"Trời ơi sao lại ngủ, đêm nay phải thức! Phải hát!

Hai chàng nhạc sĩ thu mình trong chiếc ghế mây. Họ uống cà phê đậm và lơ đãng nhìn ngắm bầu trời.

Giờ này mọi người đều muốn quay về thế giới riêng của mình. Chính Phượng cũng muốn như thế. Chủ nhà khẩn khoản:

"Nhưng Phượng phải hát một bài mới được.

Phượng bỏ dép ra, hai bàn chân trần giẫm lên cỏ ướt. Tôi ngồi cạnh đôi dép da, vừa hút thuốc lá vừa quan sát nó.

Bỗng nhiên chung quanh im lặng lạ thường. Trong cái im lặng ấy Phượng hát. Giống như đóa hoa tình cờ nở giữa rong rêu, giống như con chim lạ ở đâu bay về đậu trên mái đình cổ kính và hót.

Phượng hát bài "Ngậm ngùi". Sao đêm Giáng sinh mà em hát bài "Ngậm ngùi"? Tiếng hát lạnh chạy suốt qua những lồng ngực, qua những đôi mắt ngái ngủ. Hai chàng nhạc sĩ rụng rời khi tiếng hát lạnh buốt ấy đạt đến. Chúa đã sai

người con gái này xuống để hát thánh ca, sao các người ngồi im đó? Hai nhạc sĩ mặc khải được giọng nói của thiên thần từ trên trời và hiểu rằng mình sẽ bị ném vào hoả ngục nếu không chạy đến cây đàn của mình.

Và họ chạy đến như kẻ tội tở của Chúa. Phụng hát trong nền nhạc lộng lẫy và dân thành Bêlem bỗng bế nhau tới trước hang đá. Tôi biến thành con lừa nhỏ nằm hiền lành bên đôi xăng đan và gặm nó giữa hai hàm răng rất to của mình.

Những cô ca sĩ chuyên nghiệp ngạc nhiên trước giọng hát của Phụng, sợ hãi đứng nép vào gốc cây, những cô gái xinh đẹp rực rỡ kia nhạt nhoà hết son phấn và biến thành cô thôn nữ hiền lành tay cầm lễ vật đi theo sau ngựa của ba vua, băng qua sa mạc mênh mông và đến đây. Nhưng Phụng thì vẫn giản dị, đứng hát như cô gái Digan bên đồng lửa."

*

Nhưng Người tình cũ không phải là một chuyện tình. Đó là tác phẩm viết về phong trào sinh viên các đô thị miền Nam trước 1975.

Năm 1988 sau khi cuốn sách ra mắt độc giả, Ban Tuyên huấn Thành uỷ kết luận: Cuốn sách đã có một cái nhìn đen tối về cách mạng. Cơ quan này cũng kết luận về tác phẩm Kẻ tử đạo cuối cùng của tôi bằng một câu gọn lỏn: một cuốn sách chống cộng.

Năm 1990 Nhà xuất bản Văn Học in cuốn Hoa đại lang thang. Cuốn sách viết về sự cấu kết của những ông chủ doanh nghiệp giàu có và giới cầm quyền cộng sản để khuynh đảo thị trường và trục lợi. Trong bối cảnh đó nhân

vật chính nổi lên. Đó là một thằng Hề. Hề vốn là một trí thức trẻ đi theo kháng chiến. Sau giải phóng hắn làm bí thư xã. Nhưng hắn chán ghét cái công việc đó và bỏ đi làm hề trong một gánh xiếc.

Nhân vật thứ hai là Phượng, một cô gái trẻ, con nhà giàu. Phượng sống dữ dội, phóng túng.

Tình yêu đã dẫn thằng Hề và Phượng lang bạt khắp nơi, chọc phá và chế giễu bọn quan lại mới.

*

Về tác phẩm Vua Mèo (Nxb Trẻ 1989), Giáo sư Hoàng Thiệu Khang lại nhìn ở một góc độ triết học và thẩm mỹ khác:

“Cái bản nhiên tuyệt mỹ hiển nhiên chưa là hiện thực; nó chỉ mới là cái hướng, cái khát vọng, nên đó cũng sẽ là cái nửa thật, nửa hư. Ta hiểu vì sao Đào Hiếu đã dựng lên một hiện thực trực tiếp của tác phẩm hư-hư-thực-thực.

Lọ Lem sống hồn nhiên như cỏ cây, như mây, như gió, như sóng biển, muốn dữ dội thì dữ dội, muốn hiền hoà thì hiền hoà, khi vui thì cười, khi buồn thì khóc... Bằng cái thẩm mỹ tự nhiên ấy. Lọ Lem “sống” trong đời thật.

Vua Mèo đi xa hơn, ông đã vượt qua những cản ngăn để về với cái chất bản nhiên người. Vua Mèo không biết đến lòng hận thù.

Vậy là, với Vua Mèo, cô đơn là một phương thức để thấu thị cuộc đời, chứ không là bản chất của cái bản nhiên... Hai con người bản nhiên ấy chưa được cuộc đời hôm nay dung nạp hết, ta hiểu vì sao họ sẽ về với nhau nơi hòn đảo xa hơn...”

18. Lời thú tội của một sát thủ

Khi còn là sinh viên, tôi đã có dịp tiếp xúc với những tài liệu về nền công nghiệp chế tạo vũ khí của Mỹ, nhưng gần bốn mươi năm sau, khi xem cuốn phim Fahrenheit 9.11 của Michael Moore tôi mới thực sự nhìn thấy hiểm họa ghê gớm từ một nền công nghiệp như vậy.

Nền công nghiệp ấy đã từ lâu quyết định chính sách đối ngoại của chính phủ Hoa Kỳ. Đó là một chính sách đạo tặc, ngạo mạn và man rợ. Đường lối đối ngoại của chính phủ Hoa Kỳ mang nhãn hiệu của bọn linh cẩu, bọn báo đốm, sư tử và chó sói.

Chính sách ấy bốc mùi tanh máu cả hành tinh, làm ngầu bọt đỏ những dòng sông, bê bết óc tuỷ người trên những bức tường đổ, vung vãi thi thể, tứ chi, ruột gan phèo phổi trên đường phố đổ nát, thiêu cháy trẻ thơ trong những làng mạc. Chính sách ấy làm tanh tươi những ngọn gió, biến những đồng ruộng thành tro than, làm bốc cháy sa mạc.

Đó là chưa kể những chiến lược lừa đảo kinh tế quy mô toàn cầu được nguy trang dưới danh nghĩa rất cao đẹp như: viện trợ, đầu tư, phát triển... Có lẽ chúng ta đã quen với những cái tên “đáng kính” như: Cơ quan Phát triển Quốc tế của Mỹ (USAID), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)...

Trong cuốn Lời thú tội của một sát thủ kinh tế (Confessions of an Economic Hit Man của John Perkins, bản dịch tiếng Việt - Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin 2006) chúng ta đọc được ở ngay trong “Lời tựa”:

Những sát thủ kinh tế là những chuyên gia được trả lương hậu hĩnh để đi lừa các nước trên thế giới lấy hàng nghìn tỉ đô la.

Họ đổ tiền từ Ngân hàng Thế giới, từ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, và từ các tổ chức “viện trợ” khác... vào kết sắt của các tập đoàn khổng lồ và vào túi của những người đang nắm quyền kiểm soát các tài nguyên thiên nhiên của hành tinh này.

Công cụ của họ là các báo cáo tài chính nguy tạo, những cuộc bầu cử gian lận, các khoản hối lộ, tống tiền, tình dục và giết người.

Họ cũng diễn cái trò cũ của chủ nghĩa đế quốc song đã biến đổi theo những chiều hướng mới, đáng ghê sợ hơn trong thời đại toàn cầu hóa.

Tôi biết những điều này vì tôi đã từng là một EHM (Economic Hit Man - Sát Thủ Kinh tế.)

Thực tế này một lần nữa lại được John Perkins chứng minh trong tác phẩm của mình bằng bi kịch của nước Ecuador như sau:

Từ năm 1968 đất nước nhỏ bé này đã dần trở thành nạn nhân điển hình của chế độ tập đoàn trị. Những người cùng thời với tôi và những người đang theo bước chúng tôi, thật sự đã đẩy nó đến bờ vực phá sản. Chúng tôi cho đất nước này vay hàng tỉ đô la để nó có thể thuê các công ty của chúng tôi dựng nên những công trình phục vụ tầng lớp giàu nhất đất nước này. Kết quả là trong vòng ba thập niên, tỉ lệ nghèo đói chính thức tăng từ 50% lên 70%, thất nghiệp tăng từ 15% đến 70%, công nợ tăng từ 240 triệu USD lên 16 tỉ

USD và ngân sách dành cho những người nghèo nhất giảm từ 20% xuống còn 6%. Ngày nay Ecuador phải dành gần 50% tổng ngân sách quốc gia để trả nợ. (trích Chương 34, trang 285-286)

Mĩa mai thay, cái “tầng lớp giàu nhất đất nước” ấy chẳng những đã không bị coi là kẻ đồng loã với ngoại bang mà còn được ghi công như những anh hùng vì đã xây dựng nên những công trình to tát, những khu đô thị mới, những khu công nghiệp...

Về các khu công nghiệp, John Perkins đã viết: “Chúng đến... với một mục đích rõ ràng là bóc lột những người dân khổ, những người mà con cái họ bị suy dinh dưỡng trầm trọng, thậm chí đang chết đói, những người đang sống trong những khu nhà ổ chuột và đã mất hết hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ngày nay, bọn chúng không cần phải vào rừng rậm châu Phi để tìm nô lệ mà chỉ cần thuê cái đám dân nghèo đói kia, về làm việc cho các nhà máy sản xuất áo khoác, quần jean, giày thể thao, phụ tùng ô-tô, linh kiện máy tính và hàng ngàn những thứ khác. Thậm chí chúng chẳng cần làm chủ nhà máy, thay vào đó, chúng thuê một doanh nhân bản địa để làm những công việc bẩn thỉu cho chúng.” (Trích trang 253-254)

Những “công việc bẩn thỉu” ấy chính là sự vắt kiệt sức lao động của công nhân với đồng lương rẻ mạt trong các khu chế xuất hiện nay trên khắp thế giới, trong đó có Việt Nam.

Ở trang 24 John Perkins lại viết:

Claudine và tôi ngồi trên ghế sofa cạnh cửa sổ ngắm tuyết

ơi trên phố Beacon. Cô ta nói: “Phần lớn công việc của anh là khuyến khích lãnh đạo các nước trên thế giới tham gia vào một mạng lưới vô cùng rộng lớn nhằm phục vụ cho lợi ích thương mại của nước Mỹ. Kết cục là các nhà lãnh đạo này sẽ bị sa lầy vào một mớ nợ nần. Gánh nặng nợ này bảo đảm rằng họ sẽ phải trung thành với nước Mỹ. Chúng ta có thể bòn rút của họ bất cứ khi nào chúng ta muốn, để thoả mãn những nhu cầu kinh tế, chính trị hoặc quân sự của chúng ta.”

Nếu có nhà lãnh đạo nào không bị mua chuộc để đưa đất nước mình sa lầy vào mạng lưới nợ nần của các sát thủ kinh tế, như Tổng thống Roldós của Ecuador, Tổng thống Torrijos của Panama thì lập tức họ bị CIA ám sát. Hai vị Tổng thống này bị giết cách nhau chỉ hơn 2 tháng. Máy bay trực thăng của Tổng thống Roldós bị nổ tung ngày 24 tháng 5 năm 1981. Ngày 31 tháng 7 cùng năm ấy đến lượt máy bay của Tổng thống Panama bị đặt bom. Không một ai sống sót.

Tác giả John Perkins thú nhận: Chúng tôi đã không thể mua chuộc được Roldós và Torrijos, chính vì thế mà một loại sát thủ khác - những tên giết người chuyên nghiệp của CIA, những kẻ luôn đi sau chúng tôi - đã vào cuộc.

Sau vụ thẩm sát, John Perkins viết: *“Trong mười năm qua, tôi là con cháu của những tên buôn nô lệ đã từng lữ lượt kéo vào rừng sâu châu Phi lừa đàn ông, đàn bà ra những con tàu đang chờ sẵn. Chỉ khác là theo một phương thức hiện đại hơn, tinh vi hơn - bởi tôi chưa từng phải trông thấy xác chết, ngửi thấy mùi thối thối rữa hay nghe những tiếng kêu ai oán. Nhưng những gì tôi đã làm thì độc ác chẳng kém. Và vì cá*

nhân tôi không phải trực tiếp dính líu đến những xác chết, mùi thịt người và những tiếng kêu bi thương, nên suy cho cùng, tôi lại chính là kẻ tội đồ xấu xa nhất.” (Trích trang 210)

Cái chết của hai vị Tổng thống kia đã làm lộ ra hai vấn đề lớn:

Thứ nhất: thế lực của các tập đoàn kinh tế, các tổ chức tài chính quốc tế mạnh đến nỗi chúng có thể giết bất cứ nhà lãnh đạo nào không vâng lời chúng.

Thứ hai: chúng không ưa những chính quyền trong sạch vì thực tế chúng là bọn ruồi nhặng, chúng chỉ có thể sinh sôi nảy nở trong những môi trường bẩn thỉu, tham nhũng, chúng chỉ có thể tung hoành ngang dọc khi có sự đồng lõa của các lãnh đạo bản xứ chịu ngửa tay nhận tiền của chúng. Ở Việt Nam, khi vụ PMU 18 đổ bể, người ta đọc thấy trên các phương tiện truyền thông: nào là quốc hội Nhật Bản nhóm họp để xem xét việc sử dụng nguồn vốn ODA của Việt Nam, nào là Ngân hàng Thế giới sẽ điều tra về vụ PMU 18... trên thực tế đó chỉ là những động tác giả!

Chính bọn họ đang tiếp tay cho tham nhũng trên toàn thế giới!

Trong bối cảnh “toàn cầu hóa” hiện nay, thân phận của các nước nghèo chẳng khác nào một cô gái điếm: vì nghèo, vì không có trình độ nên muốn tồn tại chỉ còn cách bán đi cái “vốn tự có” của mình. Đó là dầu thô, là cao su và những tài nguyên thiên nhiên khác. Chưa chát thay nhân dân chỉ được hưởng một phần nhỏ lợi tức do “vốn tự có” mang lại. Phần lợi lớn đều chảy vào túi những mục tú bà là các tập đoàn kinh

tế Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nhật... và những tên ma cô dốt mồi là chính quyền bản xứ.

*

Vậy mà, tôi đã nhiều lần đến nước Mỹ, đã nhìn thấy nó xinh đẹp, lộng lẫy, giàu sang và nhân hậu!

Một con cá voi bị thương, người Mỹ bỏ ra cả triệu đôla đem về chữa trị rồi thả nó về với biển cả. Một con nai mồi côi được đem về nuôi cho lớn khôn rồi thả về rừng.

Nhưng cũng chính người Mỹ đã ném liên tiếp hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, giết ngay tức khắc hơn 200.000 người. Số thường dân bị bom đạn Mỹ giết chết trong chiến tranh Việt Nam và Iraq cũng không kể xiết.

Họ xây dựng nhiều thành phố mới đẹp như thiên đường ở Boston, California, Seattle... nhưng họ cũng cày nát Baghdad để chiếm những mỏ dầu, đốt cháy Kabul để làm chủ các đường ống dẫn khí đốt và ném bom trải thảm Việt Nam để tranh giành ảnh hưởng với Trung Quốc tại Đông Nam Á.

Họ treo giải thưởng 50 triệu đôla cho cái đầu của Bin Laden, tống vào ngục những phần tử Al Qaeda, tử hình những kẻ khủng bố, treo cổ Saddam Hussein... nhưng họ lại cộng tác làm ăn hàng trăm tỷ đôla với gia đình Bin Laden. Và huấn luyện, cung cấp tiền bạc vũ khí cho đám khủng bố của trùm Basayev ở Chechnya.

Vậy thì sự thật về nước Mỹ là gì?

19. Đến Mỹ một lần rồi chết

Hãy thử mở đầu bằng Las Vegas.

Đó là một thành phố trên sa mạc Nevada khô cằn. Băng qua

đó như băng qua một vùng đất của sao Hoả. Không có núi xanh vì sa mạc chết. Chỉ có những ngọn núi màu tím, màu vàng, màu cà phê hay màu đen ánh bạc của quặng thép.

Những ngọn núi nổi chập chờn trong mưa. Mưa sa mạc đến rồi đi, rồi lại đến. Đột ngột, gào thét và dịu dàng. Những cơn mưa làm cho sa mạc bớt nóng. Nhiệt độ bên ngoài đã tụt từ 120 xuống đến 75 độ F (khoảng 20 độ C). Sa mạc trải dài hai bên con đường nhựa đỏ, ngun ngút một màu vàng xám lẫn chỗ những bụi gai sắc nhọn, khô cháy.

Nếu không có sa mạc này thì Las Vegas không là gì cả. Những sòng bài mênh mông kia thực chất chỉ là thế giới rỗng tuếch, nhỏ hẹp, dành cho đám người tầm thường.

DisneyLand cũng vậy, đó chỉ là khu giải trí dành cho trẻ con. Cái đáng thán phục ở Mỹ chính là những sân bay lớn như Los Angeles, Dallas, Kennedy... chúng như những vương quốc rộng lớn với nhịp sống vô tận.

Hệ thống đường bộ của họ làm chúng ta bàng hoàng sợ hãi. Xa lộ ở tiểu bang California thênh thang, năm tầng bảy lớp, đường xẻ núi mà đi, lên đồi xuống dốc, băng qua sa mạc, vượt thung lũng. Đường trùng điệp, không biết đâu mà cùng, freeway thẳng tắp, ngút ngàn, bất tận...

Bắc nước Mỹ xanh và lạnh. Trung nước Mỹ vàng lúa mì mùa hạ và trắng xóa tuyết mùa Đông. Nam nước Mỹ, nhất là Nam Cali - nơi có Sài Gòn Nhỏ - thì nóng, cần, sỏi đá, sa mạc... nhưng Bắc Cali - nơi có Thung lũng Hoa Vàng, có cây cầu treo nổi tiếng Golden Gate thì mát dịu, cây cối xanh tốt hơn.

Phố Tàu ở San Francisco đồ sộ, sạch sẽ, tự tin và kiêu hãnh

bên cạnh một San Francisco của người Mỹ chính cống. Trong khi đó phố Tàu ở thành phố New York thì cũ kỹ, lộn xộn và ngập rác vào lúc nửa đêm.

Ở New York City cây cối không tranh nổi với bê tông cốt sắt. Từ hơn 200 năm nay, cao ốc uy hiếp cây cỏ, chen lấn thô bạo những cánh rừng, những công viên, chúng huênh hoang trên những đại lộ, tranh ánh sáng với từng tán lá dưới thấp, đẩy cây cối vào các khe hở của chúng, vào kẽ vách của chúng.

Nhìn từ nóc toà nhà nổi tiếng Empire State Building ta mới kinh hoàng bởi khối lượng nhà chọc trời thiên hình vạn trạng của New York. Nó hoàn toàn xứng đáng là thành phố lớn nhất thế giới.

Nhưng New York nhìn từ những góc ngách của phố phường thì quả là một sự quá tải của mọi thứ. Bên cạnh những toà nhà cao ngất, lộng lẫy, hiện đại là những building nám khói, lở loét, cửa kính vỡ nát, hoang tàn. Bên cạnh những đại lộ thẳng tắp sạch sẽ với những cầu vượt hiện đại là những chiếc cầu sắt vô danh cũ nát đen nhẻm như đồng sắt phế thải. Bên cạnh những siêu thị rực rỡ, những nhà hàng khách sạn sáng choang là những dãy phố đầy rác bẩn của China Town, của khu Harlem.

Tôi nghĩ là người Mỹ dư tiền để xây dựng một thành phố New York hoàn chỉnh hơn, toàn bích hơn, nhưng dường như chính quyền đã bất lực trước một thành phố quá rộng lớn, quá bề bộn, quá đa dạng. Họ kiểm soát không nổi, họ bỏ mặc những nơi quá sức quản lý của họ. Một người bạn từng sống lâu năm tại New York bảo tôi: “Cảnh sát rất ngại đến

khu vực của các nhà hàng Ý. Họ sợ đối đầu với đám Mafia ở đó.” Còn ở Phố Tàu thì sao? Dường như họ chỉ có mặt trên đường phố để điều khiển giao thông. Phần lớn cảnh sát giao thông ở China Town đều là phụ nữ da đen.

Tất nhiên thành phố New York vẫn có những công viên rất đẹp và rất nhiều bóng cây, nhưng nếu ra khỏi thành phố, từ những freeway nhìn ngoái lại, ta chợt kinh hoàng nhận ra New York không phải là một thành phố của hành tinh này nữa. Nó như những dãy núi đá nối tiếp nhau chập chùng, trơ trụi, không một bóng người, không cây cối, không tiếng động. Đó chỉ là một dãy đá tảng khổng lồ, lô nhô, tìm thấy trên một hành tinh xa lạ, lạnh giá và hoàn toàn chết lặng dưới ánh nắng chói chang của mặt trời. Đó là một thành phố đã chết, đã hoang phế từ một ngàn năm rồi. Không ai ngờ là nó đang sống. Sống dữ dội. Sống hối hả. Sống rục rờ. Sống hết những gì nhân loại có thể sống. New York có đủ những gì nhân loại có thể có. Và có cả những cái nhân loại chưa từng có.

Đó là thành phố New York nhìn từ mắt của một nhà văn da vàng lạc hậu như tôi, hoàn toàn phiến diện, hoàn toàn thiếu sót. Bởi vì trong một buổi sáng sớm từ tiểu bang Connecticut đến New York city, anh bạn tôi đã qua lối một cái exit trên freeway và lập tức chúng tôi bị lạc vào khu ngoại ô New York. Đó là một thế giới hoàn toàn khác. Một vùng như thể cây quỳnh cành dao. Chúng tôi lạc trong rừng. Nhưng đó là khu dân cư, với những ngôi biệt thự xinh xắn nằm rải rác trên những đồi cỏ xanh bóng cây, rục rờ hoa, ngân nga sự tĩnh lặng sang cả của thiên đường. Đó là khu

vực của người da trắng. Một New York khác, ẩn dật, trầm mặc và riêng tư. Vậy thì sẽ còn bao nhiêu New York khác nữa? Bao nhiêu thế giới khác nữa?

*

Tuyết có cõi riêng của nó. Đó là một thế giới im lặng. Thế giới của niệm. Của thiên định. Tuyết hiện hữu phi thời gian. Một thế giới không có đường chân trời. Tuyết vô ngôn và vĩnh cửu. Tuyết là một nhan sắc bát ngát, óng ả. Lộng lẫy trong u tịch. Và bừng sáng trong giá lạnh.

Lúc tôi gặp tuyết, thời gian đã ngừng lại. Mặt trời không có mặt ở đó. Mặt trời đã chìm khuất vào thế giới bên kia. Và tuyết tỏa sáng. Một màu trắng đơn độc.

Đó là một buổi trưa mùa Đông năm 2004 tại vùng núi Denver bang Colorado. Tôi từ miền Trung nước Mỹ đến đây. Hành trình kéo dài 10 tiếng đồng hồ. Và tuyết đang chờ tôi ở đó với những con đường đèo đóng băng trơn trượt đến độ bánh xe phải niền thêm xích sắt cho khỏi tuột dốc. Những dòng nước đang chảy từ trên núi đá xuống cũng bất chợt rùng mình hóa thân thành những bức tường băng treo lơ lửng trên vách núi.

Tất cả các thác nước đều ngừng lại, hóa đá. Khi không có chuyển động, chúng ta không có ý niệm về thời gian nữa. Giống hệt trong cổ tích. Tất cả đều đóng băng, trong suốt, trắng menh mông và rực rỡ trong một thứ ánh sáng tinh khiết của thiên đường.

Có lẽ đây là cái thế giới mà Lý Bạch gọi là “biệt hữu thiên địa phi nhân gian”. Không nhìn thấy đất, không nhìn thấy trời. Mọi vật đang ở ngoài trần thế, ở ngoài thời gian. Núi

cũng chìm khuất trong tuyết, những ngọn thông cũng chìm khuất trong tuyết.

Chỉ lấm chấm những sắc xanh, vàng, đỏ rực của quần áo những người trượt tuyết đang phóng từ trên đỉnh núi xuống, lả lướt, chấp chới như những khóm hoa nhỏ di động trong một nền trắng bát ngát.

Tuyết đưa mặt đất vào huyền thoại. Đàn dê núi chập chờn trên vách đá. Bông tuyết mù mịt. Ngọn gió trắng hư ảo, phiêu hốt qua thung lũng, Đàn dê núi đến bên chân người. Có thể thọc bàn tay lạnh cứng vào lông ngực chúng để sưởi. Chúng quỳ xuống thành bầy và trể thờ ngủ giữa những dãy vú căng sữa nóng hổi. Những con thỏ rừng cũng không sợ người. Chúng đào hang dưới gốc thông để ngủ đông. Có thể vuốt ve những mảng lông mịn lẫn trong cỏ khô. Trời liền với đất. Người liền với vật. Hơi ấm liền với giá rét. Mọi vật đều vô ngôn, lặng thinh. Sự sống giấu bên dưới sự tịch mịch, sự nồng nàn giấu bên dưới băng giá.

Tuyết ở Denver gợi nhớ cái thế giới thanh bình mà Trang Tử đã vẽ ra trong chương Mã Đề của Nam Hoa kinh:

“Trong núi không có đường mòn, trên sông không có thuyền, không cần bắc cầu. Vạn vật sống cùng nhau, không xâm phạm nhau. Hết thảy đều vô dục như nhau. Cầm thú thành đàn, thảo mộc sum suê. Cho nên có thể cột một sợi dây nhỏ dắt cầm thú đi chơi, có thể leo lên cây nhìn vào tận ổ con quạ, con chim khách. Vật không sợ người thì làm sao người có thể sợ người được? Người và người sẽ sống bên nhau, cùng vui như hoa bên cạnh hoa, lá bên cạnh lá, cỏ bên cạnh cỏ.”

Ô hô! Tuyết đã làm ta quên rằng ta đang sống trên trần gian. Đang sống trong một thế giới bốc mùi.

Tuyết hiện thực hóa giấc mơ của tôi, giấc mơ về một thế giới tinh khiết, không có tội ác, không có chiến tranh, không có đàn áp, chà đạp và bóc lột. Tuyết là một hiện tại vĩnh cửu. Thế giới của tuyết chỉ có sự trong sạch và ánh sáng.

Thế giới của tuyết không có ruồi.

Tôi hạnh phúc vô biên thấy mình đang sống trong một thế giới hoàn hảo và trong sạch như thế dù tôi biết rằng có thể nó chỉ tồn tại vài tháng, có khi vài tuần hay vài ngày. Hoặc chỉ sau một cơn mưa là cả cái thiên đường ấy tan rã, để lộ ra phố xá, con người, xe cộ và rác rưởi.

Để lộ ra bầy ruồi truyền kiếp.

Vì thế tôi ôm lấy tuyết, vui trong tuyết, chạy điên dại trong tuyết.

Một tuần sau, tôi lại đi tìm tuyết nơi những đỉnh núi trắng xóa sừng sững phía trên Hẻm Núi Lớn của bang Arizona huyền thoại. Tuyết phủ hai bên vực sâu của Grand Canyon thăm thẳm, hun hút gió.

Tuyết là niềm an ủi, là chỗ để con người chạy trốn cái thế giới bốc mùi, chạy trốn chiến tranh, xác chết và ruồi nặng.

Tuyết là thánh đường cuối cùng của nhân loại. Khi tất cả những thánh đường trên mặt đất tràn ngập sự dối trá, khi tất cả những thánh đường trên mặt đất tràn ngập ruồi, thì tuyết sẽ ngân lên hồi chuông cứu rỗi, sẽ lan tỏa trên mặt đất giá lạnh và sẽ thấp ngọn nến nhỏ của đức tin như ngôi sao duy nhất còn sót lại trên bầu trời đen.

Những con dê núi, những con thỏ sẽ thấp lửa và mang cỏ

khô đến cái hang đá nhỏ của Dã Nhân. Và cậu bé da đen người Congo sẽ ngự trong máng cỏ đó như bằng chứng về tội ác của nhân loại mà cậu ta sẽ phải cứu chuộc.

20. Chia tay

Có những cuộc chia tay không buồn không vui. Những cuộc chia tay mệt mỏi.

Đó là cuộc chia tay với báo Tuổi Trẻ, với nữ nghệ sĩ Hột Xoàn và với những “đồng chí” trong Phong trào Sinh viên thời chống Mỹ. Chia tay không vì bất đồng, không vì ghét bỏ thù hận, không vì tiền tài địa vị.

Chia tay vì quá hiểu nhau.

Tôi biết nói sao về một tờ báo thuộc vào loại lớn nhất nhì trong nước, khi mà có những nhà lãnh đạo khen là trung thực, có những nhà văn cây đa cây đề cỡ như NN ca ngợi là “đứng về phía nhân dân”? Nhà văn ấy không hề biết rằng trước năm 1975 ở Sài Gòn có 36 tờ nhật báo nhưng chỉ có duy nhất một tờ báo của nhà nước. Đó là tờ Tiền Tuyến. Tờ báo đó không ai đọc và chỉ phát không cho lính.

Ngày nay chúng ta chỉ toàn báo nhà nước, sao nhà văn lại nói lời ngây ngô đến vậy?

Tôi làm việc ở báo Tuổi Trẻ dưới triều của nhiều ông tổng biên tập. Có người là bạn tôi, rất thân thiết như anh 7C, anh 3K anh 6Q. Đó là những anh lãnh đạo biết khiêm nhường vì biết sức của mình.

Vũ Lành không biết mình là ai nên phong cách của anh có khác. Trong những buổi họp anh hay bắt chước Lenin, chấp tay sau đít đi đi lại lại, thỉnh thoảng lại đưa ngón tay trở ra

chỉ vào khoảng không, điệu bộ cũng không khác Lenin là mấy.

Có lần nhìn tôi dắt chiếc xe đạp từ ngoài cổng vào cơ quan, anh ta hỏi:

"Ông dắt xe trông dễ dàng quá. Sao tôi dắt thấy lương vượng. Không thẳng bằng."

Tôi đưa xe cho anh ta dắt thử. Rồi tôi nhận xét:

"Ông nên đứng bên trái của chiếc xe thì ông sẽ dắt đi dễ dàng."

Anh ta bèn đổi bên và ngạc nhiên thấy mình đã có thể dắt xe đi một cách thoải mái. Rồi cứ thế, anh ta dắt chiếc xe đạp của tôi vào thẳng trong nhà xe.

Tôi đứng im, nhìn ngắm niềm vui hồn nhiên của anh ta và tự nhủ:

"Nếu muốn làm một nhà lãnh đạo như Lenin thì ít ra bạn cũng phải biết cách dắt một chiếc xe đạp chứ."

*

Hồi đó phi công Phạm Tuân, được Liên Xô chọn làm phi hành gia cùng với Viktor Gorbalko được phóng vào không gian trên tàu Soyuz 37 vào ngày 23 tháng 7 năm 1980. Tôi có mặt trong đoàn nhà báo ra phi trường đón anh khi anh từ Liên Xô trở về sau chuyến bay. Nhà báo lúc đó thì nhiều nhưng chắc chỉ có mình tôi biết chi tiết này: Lúc Phạm Tuân và Bùi Thanh Liêm (người cùng được đào tạo với Phạm Tuân tại Liên Xô, sau này đã tử nạn máy bay) đi diễu qua đám đông thì có một nhân viên mật vụ nào đó đến giữ tay Bùi

Thanh Liêm lại và nói: "Xin đồng chí đừng đi cùng với đồng chí Phạm Tuân." Bùi Thanh Liêm ngạc nhiên hỏi: "Sao vậy? Lâu nay chúng tôi vẫn đi cùng nhau mà. Kể cả bên Liên Xô." Nhưng rồi Liêm vẫn phải tách khỏi Phạm Tuân vì anh hiểu ra rằng mình không phải là "anh hùng".

Vụ can thiệp thô bạo đó làm tôi sốc. Tôi không muốn viết bài nữa. Tuy nhiên tôi cũng đưa một cái tin ngắn về cuộc họp báo sau đó. Trong bài viết tôi gọi Phạm Tuân là "người Việt Nam đầu tiên bay vào vũ trụ".

Vũ Lành giẫy nảy lên:

"Sao lại là người Việt Nam đầu tiên? Phải viết là người châu Á đầu tiên chứ!"

Tôi nói:

"Người châu Á đầu tiên thì cũng đúng. Nhưng tôi nghĩ mình nên khiêm tốn một chút. Vì phi thuyền là do người ta chế ra. Điều hành chuyến bay là do các nhà khoa học của người ta, trạm không gian Salyut 6 cũng do người ta lắp đặt trên quỹ đạo. Nói chung mình chỉ là người 'quá giang' lên trời. Thế thì mình cũng không nên khoa trương quá đáng. Trung Quốc, Ấn Độ, nhất là Nhật Bản... họ cười cho!"

Vài tuần sau Ba Hưng, một sếp hạng ba của toà soạn bảo tôi:

"Trên Quân khu 7 có bốn gương điển hình tiên tiến, ông đi viết đi. Hay đấy!"

Tôi hỏi:

"Sao hay?"

"Bốn anh bộ đội này đến ngày phục viên nhưng làm đơn tình nguyện ở lại phục vụ trong quân ngũ."

Tôi đi gặp bốn anh bộ đội trẻ. Họ nói:

"Anh ơi! Đừng viết."

"Tại sao?"

"Tụi em không muốn giải ngũ vì về nhà không biết làm gì. Sợ thất nghiệp, trở thành gánh nặng cho gia đình. Có vậy thôi. Anh viết bài, bạn em nó chửi em chết."

Tôi đem chuyện đó thuật lại, và từ chối viết bài. Ba Hưng nói:

"Tôi đề nghị đồng chí làm nhiệm vụ."

Bình thường tôi và anh ta vẫn xung hô mà y tao với nhau nhưng khi trở mặt thì người ta thường gọi nhau là "đồng chí". Tôi mệt mỏi. Và tôi ngủ.

Ba ngày sau cũng đếch có chữ nào!

Ba Hưng điên lên:

"Tôi ra lệnh..."

Anh ta chưa nói hết câu thì ba cú đấm liên tiếp từ bàn tay rất yếu điệu của tôi, bàn tay xưa nay chỉ biết chơi đàn... đã bay thẳng vô mặt anh ta. Ba Hưng thét lên:

"Các đồng chí ơi! Nó đánh lãnh đạo! Nó đánh lãnh đạo!"

Tôi cũng không ngờ lúc đó tôi lại dữ đến như vậy. Nhiều người trong toà soạn bu lại coi như coi đá gà. Tôi bỏ ra ngoài.

Đột nhiên Vũ Lành ở đâu chạy về. Anh ta la lớn:

"Tại sao các đồng chí lại đứng khoanh tay nhìn? Tại sao lại cười? Tại sao không có ai kêu công an đến còng tay anh ta lại?"

Vũ Lành không thể ngờ rằng ngay hôm sau, trong buổi họp kiểm điểm tôi, chị Trần Thị Xuyên đã phát biểu:

"Tôi nghĩ anh Đào Hiếu đánh anh Ba Hưng là phải. Bởi vì nếu không đánh tại cơ quan thì ra ngoài đời anh Ba cũng bị người ta đánh."

Ngày nay, sau gần 30 mươi năm, báo Tuổi Trẻ đã lớn mạnh hơn nhiều, đội ngũ phóng viên trẻ hơn, năng động hơn nhưng báo vẫn là báo của Đảng. Họ chỉ được viết theo chỉ đạo của cấp trên. Hàng ngày họ vẫn chống tiêu cực, chống tham nhũng... nhưng cũng là "chống" theo ý của Đảng. Độc giả bình thường vẫn nghĩ là họ rất "dũng cảm", "dám nói sự thật"... và những nhà văn cây đa cây đề cỡ như NN thì vẫn tiếp tục khen tờ báo là "đứng về phía quần chúng"... nhưng những người có chút suy nghĩ độc lập thì ai cũng biết rằng chuyện chống tham nhũng chống tiêu cực trên báo Đảng chỉ là chuyện màu mè, chỉ là những tiểu xảo "che mắt thế gian" vì thực tế chuyện tham nhũng là chuyện của cả một guồng máy.

Khi có những vụ tham nhũng lớn cỡ như PMU18 hoặc Đề án 112 thì các quan lớn thường chỉ thị một cách nghiêm khắc là: "Hãy xử đúng người, đúng tội, không được bỏ sót..." nhưng thực tế họ cùng một "băng" với nhau, bao che cho nhau, xử án qua quýt, lòng vòng... rốt cuộc là chìm xuống hoặc năm bảy năm tù để rồi vài năm sau, nhân Lễ Quốc khánh lại cho về vì "cải tạo tốt". Đó là những màn trình diễn quen thuộc, rẻ tiền.

Vì thế những bài báo mà người ta vẫn khen là "dũng cảm" là "đứng về phía nhân dân" thực chất chỉ là những tiểu phẩm hài trợ tráo.

Tội nghiệp biết bao cho những nhà báo trẻ đầy nhiệt huyết

vừa rời ghế trường đại học đã phải đi làm bồi bút.
Và họ sẽ làm bồi bút như vậy suốt đời.

*

Cuộc chia tay với nữ nghệ sĩ Hột Xoàn, lặng lẽ hơn, ít kịch tính hơn nhưng lại làm tôi thất vọng.

Ngày nọ chị đến tìm tôi, nhờ tôi viết hồi ký.

Về sau này, khi nghe tôi kể chuyện viết thuê cho Hột Xoàn, Sơn Nam nói anh cũng từng viết thuê như vậy. Rồi nhấp nháy con mắt lem nhem, anh nói: Chơi không được. Có lẽ chỉ mình tôi hiểu được câu nói đó của Sơn Nam.

Lúc đó một anh công chức quèn như tôi lương phạn ít ỏi, được một bà nhà giàu thuê viết hồi ký thì mừng lắm. Mỗi tuần tôi đến nhà chị hai lần. Chị thường làm việc với tôi ở cái phòng khách rộng rãi sang trọng với bộ ghế bành đồ sộ và cây đàn piano lộng lẫy.

Chị kể và tôi ghi chép. Tôi hỏi và chị trả lời. Đôi khi cao hứng chị mời tôi lên phòng riêng vừa trò chuyện vừa ăn bún bò.

Chúng tôi làm việc với nhau suốt mấy tháng trời, không quản mưa nắng, sớm chiều. Chị đi diễn còn tôi đi làm nên thì giờ cả hai cùng eo hẹp. Rảnh thì phone đến. Bất kể giờ giấc.

Có lần tôi đến, ngồi đợi ở phòng khách khá lâu, uống hết ly đá chanh mà vẫn chưa thấy Hột Xoàn xuất hiện. Buồn tình tôi ngồi lại cây piano. Tôi chơi bản Lac De Côme. Đó là một tác phẩm nổi tiếng của Galas soạn trên cung LA giáng trưởng, với giai điệu thánh thót, diễn tả cảnh thơ mộng khi bơi thuyền trên hồ. Lập tức Hột Xoàn xuất hiện ngay đầu cầu thang. Nhưng chị đứng im và lặng nghe. Đến khi hết

bản nhạc thì chị bước chậm rãi xuống, y hệt như trong một vở diễn.

"Thật bất ngờ! Ông mua cây đàn tôi bán cho. Ở nhà có ai đàn đâu."

"Tôi thấy trong các vở kịch chị vẫn chơi piano mà."

"Chỉ gõ đại khái mấy nốt. Ông mua tôi bán cho."

"Tiền đâu mà mua. Con nhà nghèo."

"Nghèo sao biết chơi piano?"

"Khi mới tiếp quản Sài Gòn tôi sống trong các ngôi biệt thự sang trọng. Nhà nào cũng có piano. Tôi cũng chỉ học lóm được mấy bài."

Rồi chị lại kể. Tôi lại ghi chép.

Sau đó tôi phải viết trong nhiều tháng trời mới xong cuốn hồi ký. Tổng cộng thời gian phỏng vấn và thời gian chấp bút, sửa chữa, phải hơn một năm trời.

Cuối cùng chị cầm một xấp bạc cũ rích đưa cho tôi. Tôi không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu vì thời đó đổi tiền liên tục, nhưng cảm giác khi cầm số tiền thù lao là đau xót. Vì nó chỉ đáng chừng một tháng lương công chức quèn. Lại là mớ bạc cũ, chắc hẳn là tiền lẻ còn thừa sau những đêm diễn.

Tôi nói:

"Tôi làm việc với chị không có hợp đồng. Bản thảo này là do tôi phỏng vấn chị để viết. Nó giống như một bài báo. Vì thế bản quyền thuộc về tôi mặc dù chị đang giữ bản thảo."

*

Mười mấy năm sau, một anh bạn của tôi là Lê Non, chủ biên một loạt sách chuyên đề, báo với tôi là ông Vô Hạnh có xách cái bản thảo Hồi ký Hộ Xoàn đến toà soạn nhờ đăng và nói

là hồi ký đó do ông viết.

Chị Hột Xoàn có thể không cho ông Vô Hạnh biết là Đào Hiếu đã viết hồi ký đó, nhưng có điều chắc chắn là ông Vô Hạnh biết mình không phải là tác giả. Làm sao mà một nhà văn có tiếng như ông lại đi làm cái việc đáng hổ thẹn như vậy?

*

Cuộc chia tay thứ ba là cuộc chia tay với những con ruồi.

Dã Nhân hỏi:

"Người không phải là ruồi, sao người có thể chia tay với ruồi?"

Đáp:

"Trước đây chúng không phải là ruồi, chúng là bạn tôi. Về sau, vì ăn tạp, chúng bị đột biến gen và hóa thành ruồi."

Thực ra tiền thân của ruồi là một loại sinh vật màu trắng, nhỏ như cọng tăm, không có lông lá, không có tay chân. Dân gian gọi nó là con giòi. Vì giòi không phải làm việc nên không cần tay chân. Chúng chỉ biết ăn nên chỉ cần một cái miệng là đủ. Chúng bò trườn, chúng câm lặng vì "im lặng là vàng". Chúng lúc nhúc trong đồng vàng ấy.

Đầu tiên là một con ruồi cái. Cái mặt nó bự, mắt là một thứ lẳng kính nhiều mặt. Tay chân nó đầy lông, bụng nó phình ra như cái trống. Hồi còn là sinh viên tương tá nó đã ngẫu như vậy. Bộ ngực đồ sộ như hai trái bí đao. Khi ở tù nó được tụi cai ngục đặt cho cái hõn danh là "Con ma vú dài khám Chí Hoà".

Tôi không ở tù chung với nó nên không biết trong tù nó có "ngon lành" không (muốn biết cứ giở những tờ khẩu cung

còn lưu trong Tổng Nha thì rồi!) nhưng ngoài đời nó thường ăn nói đốp chát, đanh đá. Chồng của Ma Vú Dài thì tôi biết vì tôi ở tù chung với anh ta. Anh ta thuộc loại “ngon lành”. Nhưng đó là chuyện trong tù, còn chuyện “kinh tế thị trường” thì lại khác. Chẳng biết hai vợ chồng đốp hít vợ vét cỡ nào mà phải bỏ nhiệm sở trốn. Chạy đi cầu cứu hết ông lãnh đạo nọ đến ông kia. Một bữa, Ma Vú Dài tình cờ gặp tôi. Nó nói:

"Mình có cái đồn điền cà phê mấy chục mẫu. Ông mua mình bán cho."

Tôi chỉ ngón tay vào giữa hai đùi của mình và nói:

"Làm nhà văn, chỉ có mỗi cây bút bi này, tiền đâu mà mua?" Không biết sau đó nó bán đồn điền cho ai. Nhưng đồn điền cà phê có là cái quái gì với nó. Nó làm sếp tàu biển. Mỗi lần tàu há mồm là nuốt cả xe hơi, biệt thự. Dù nó có bỏ nhiệm sở mà trốn thì cũng đã gửi cả núi tiền ở các ngân hàng Thụy Sĩ rồi!

Thứ hai là một con ruồi đực. Nó cũng từng vô rùng “kháng chiến” đâu bốn năm năm gì đó. Thường mang một cây M16 rỉ sét vì nó không biết tháo ráp để chùi súng. Và dĩ nhiên là chưa hề bắn viên đạn nào.

Năm 1974 tôi gặp nó trong chiến khu Long Khánh. Nó nói:

"Ông sắp về thành phải không? Cho tôi gửi cái thư về nhà."

Nhà của nó ở tận ngoài Đà Nẵng, cách Sài Gòn một ngàn cây số. Vì bận, tôi đi Đà Nẵng (thư mật, không thể gửi qua bưu điện). Tôi không quen đường sá ở đó nên nhờ Hồ chở xe máy. Qua đường ray xe lửa, xe của Hồ bị sụp lốp, đẩy nguyên bàn chân phải của tôi vô bánh xe. Máu tứa ra đầm đìa. Đưa

được một cái thư, lãnh một cái sẹo. Nhưng vì đồng chí mình, một cái sẹo nào có sá gì!

Chỉ tiếc là máu đã đổ cho một thằng ăn cắp.

Sau giải phóng nó làm phó giám đốc một công ty xuất nhập khẩu Quận Một TPHCM. Chuyện nó đớp hít thế nào bố tôi cũng không biết. Chỉ biết mấy năm sau nó bị còng tay, tống vô tù vì tội tham nhũng. Tham những bao nhiêu tiền, bố tôi cũng không biết chỉ biết rằng mấy tháng sau, nhân dịp Quốc khánh nó thuộc diện “cải tạo tốt” nên cho về.

Nó ra Bắc chơi, ngao du sơn thủy. Thấy cái nhà sàn đẹp, bằng gỗ quý, tận đầu trên Lạng Sơn, Cao Bằng gì đó nó mua nguyên cái. Thuê người tháo ra từng mảnh nhỏ, đóng gói cẩn thận, lại thuê nguyên một toa tàu chở về Sài Gòn không thiếu một cái chốt.

Nó mua một miếng đất rộng, dựng ngôi nhà sàn ấy lên như món đồ cổ. Nhưng cái nhà sàn đó cũng chỉ là món đồ chơi vậy thôi. Chỉ là cái móng chân của nó. Tài sản mà nó vợ vét khi còn làm quan nó giấu ở đâu? Tẩu tán cho ai? Rửa tiền bằng cách nào? Không ai biết được. Chỉ biết...

Thứ ba cũng là một con ruồi đục. Con ruồi này nó thơm lắm vì nó “ăn” toàn nước hoa của hãng Thanh Hương do cái thằng chó chết có tên là Nguyễn Văn Mười Hai làm chủ. Thằng Mười Hai này “rặn” ra một hãng nước hoa, quảng cáo rùm beng là làm ăn phát đạt ghê gớm. Nó cấu kết với thằng bạn tôi lúc đó đang làm Giám đốc Sở Tư pháp. Nó huy động vốn. Trả lãi mười phần trăm, rồi mười bốn phần trăm một tháng. Thiên hạ rủ nhau đem tiền gửi cho nó để lấy lời. Nó thuê hàng trăm nhân viên để đếm tiền và bỏ tiền vào tủ mỗi

ngày. Nó lấy tiền của người này trả lãi cho người kia, tiền của người sau trả lãi cho người trước.

Giám đốc Sở Tư pháp đã bao che cho nó như thế nào chẳng ai hay, ăn chia với thằng Mười Hai như thế nào chẳng ai biết, chỉ biết ngày nọ nó bị tổng vào tù. Nhưng đó cũng chỉ là cái trò che mắt thế gian mà thôi. Lại ngày Quốc khánh. Lại cải tạo tốt. Lại ra tù. Lại mua nhà. Nhưng thằng này không mua nhà sàn mà mua biệt thự. Hiện nay nó có ba cái biệt thự ở Đà Lạt.

Chúng nó cấu kết với nhau để cướp tiền của nhân dân lao động (trong đó có bà xã tôi, mất tiêu 5 triệu đồng dành dụm trong bao nhiêu năm trời!) nhưng cho đến giờ chúng nó vẫn phè phỡn nhờ số tiền cướp được ấy!

Con ruồi thứ tư là một thằng chủ tịch huyện, nó cũng gốc sinh viên, từng ở chiến khu. Thằng này thì biết tháo ráp, chùi súng. Và hình như cũng đã từng bắn một viên đạn do cướp cò. Thời gian làm chủ tịch huyện nó cũng ăn tạp nhiều quá, phải ngồi tù.

Con ruồi thứ năm là một tổng giám đốc, bỏ trốn ra nước ngoài ngày...

Con ruồi thứ một ngàn là phó chủ tịch quận phụ trách nhà đất, bỏ trốn ngày...

Nhưng những thằng phải đi trốn, những thằng phải ở tù cũng chỉ là những thằng ăn cắp vặt (có nghĩa là vài chục tỉ, vài trăm tỉ). Chính những thằng không đi trốn, không đi tù mà đi xe hơi, đi máy bay riêng mới là những “đại ca” thứ dữ. Tiền chúng nó cướp được không phải là chục tỉ, trăm tỉ mà là ngàn tỉ, chục ngàn tỉ... có như thế chúng nó mới bỏ ra vài

triệu đô la để cá độ bóng đá, có như thế chúng nó mới gửi con sang Mỹ ăn chơi đàng điếm.

Năm 2004, nhân một chuyến tham quan Beverly Hill, khu nhà ở sang trọng của các ngôi sao điện ảnh Hollywood, tôi được người hướng dẫn du lịch chỉ cho xem một ngôi biệt thự đồ sộ gần đó và nói rằng đó là nhà của một sinh viên Việt Nam, con của một ông chủ tịch... xã!

Và đâu chỉ thằng chủ tịch xã đó biến thành ruồi. Bạn bè tôi, có thằng nào làm quan mà không trở thành tư sản đỏ, không biến thành ruồi?

Nghĩ thương cho Dã Nhân, chỉ đủ tiền uống xì đế, vậy mà cũng triết lý, cũng dạy tôi nhiều thứ:

“Sự áp bức bất công đã tràn lan như cát trên sa mạc, như rừng trùng điệp, như sóng trên biển cả. Ai thay đổi được, ai chống lại được? Áp bức và bất công đã được toàn cầu hóa. Người là cái gì mà đòi thay đổi. Nếu thay đổi được thì đã không có Bin Laden không có chủ nghĩa khủng bố.”

Cho nên nhân loại đang sống trong tuyệt vọng.

Có người biết điều đó, nhưng cũng có người không biết điều đó. Họ đã quen với áp bức, bất công. Họ đã quen với tham nhũng. Họ coi chuyện giai cấp cầm quyền ăn chặn tiền của họ là chuyện bình thường.

LOÀI NGƯỜI XƯA NAY ĐÃ QUEN SỐNG CHUNG VỚI TRỘM CƯỚP cũng giống như dân đồng bằng sông Cửu Long từ lâu đã quen sống chung với lũ.

Tới kỳ, nước lại dâng lên, sập nhà, mất mùa, chết người, chết gia súc... nhưng bỏ đi đâu bây giờ? Biết làm gì bây giờ? Vì đó là THIÊN TAI, không thể sửa đổi được quy luật của trời

đất. Đành phải sống chung với lũ. Đành phải sống chung với trộm cướp...

21. Những con chó rơm của Khổng Tử

Khách đi xe hơi đến. Xe và tài xế ở lại dưới chân núi. Một mình khách theo đường mòn đi lên. Cây, đá đều lẫn trong sương. Trời cũng chìm khuất trong mây, Mây thấp, la đà dưới thung lũng.

Dã Nhân nói:

"Ta không muốn tiếp nó."

"Vậy thì thầy lánh mặt đi."

Khách là bạn cũ của tôi và Dã Nhân. Trước đây hấn cũng ở trong phong trào sinh viên chống Mỹ. Tốt nghiệp đại học. Ở rừng về. Đảng viên. Tuy hấn chỉ giữ một chức quan nhỏ nhưng nhờ quen biết lớn hấn nhảy vào kinh doanh địa ốc trở thành một trong những đại gia của thành phố.

Thủ đoạn kinh doanh của hấn có thể tóm tắt như sau: "Thông qua các quan lớn, hấn biết được các khu quy hoạch của thành phố. Hấn tiếp xúc với các quan trong địa phương có đất quy hoạch, cùng họ lên phương án đền bù giải toả. Hấn họp dân lại, treo cái bản đồ quy hoạch tổ bố trên bảng để dẫn mặt dân, sau đó hấn ra một cái giá rẻ mặt cho mỗi mét vuông, bắt dân phải bán đất.

Trước đây tại một khu quy hoạch ở Nam Sài Gòn, người nông dân bị buộc phải bán cho hấn mười chín ngàn đồng một mét vuông đất ruộng. Về sau này, nông dân biểu tình phản đối cướp đất, hấn đi con đường mềm dẻo hơn. Hấn cho họp dân để "hiệp thương" tức là hai bên thương lượng giá. Nhưng

hắn lại đưa ra một cái khung giá do nhà nước quy định. Ở thời điểm năm 2000 cái giá ấy là 300 ngàn một mét vuông. Dân không chịu thì hắn và các quan chức địa phương bèn ra lệnh: “Ai không chịu nhận tiền đền bù thì số tiền ấy cũng sẽ được gửi vào ngân hàng. Còn kế hoạch giải toả vẫn tiến hành theo đúng tiến độ.” Ngay ngày hôm sau, trên mục rao vặt của các báo xuất hiện những mẫu tin rao bán đất. Các chủ đất đọc báo, thấy đất của mình được hắn ta rao bán với giá bảy triệu đồng một mét vuông (!)

Tiếp theo là cuộc hành quân quy mô lớn gồm công an, cảnh sát cơ động, chó nghiệp vụ, xe cứu thương, đại diện cơ quan nhà đất địa phương, đại diện ban giải toả đền bù, đại diện dự án tái định cư... cùng một đoàn xe ủi, xe xúc, cần cẩu... rầm rộ kéo đến tiếp quản đất và san lấp mặt bằng. Xe cứu thương hụ còi, “sẵn sàng làm nhiệm vụ” nếu có xô xát đổ máu.

Đó là cảnh tượng tôi đã từng chứng kiến.

Tôi không rõ khi người ta xây dựng khu Phú Mỹ Hưng thì người ta có phải hành quân kiểu đó không, và giá tiền đền bù giải toả mà người nông dân nhận được có phải là 19 ngàn đồng một mét vuông như lời đồn đại không, nhưng điều tôi biết chắc là hiện nay những người nông dân ấy - với số tiền đền bù rẻ mạt - vẫn phải ở nhà tranh vách đất hay chui rúc trong các xóm lao động, còn Phú Mỹ Hưng vẫn minh hiện đại là nơi dành cho người Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Mỹ, Đài Loan, Hong Kong... và một số cán bộ cao cấp, một số những nhà giàu ở Quận Một Quận Ba hay khách phương Bắc đến để rửa tiền.

Và bạn nghĩ gì khi người ta mua đất của nông dân với giá 19 ngàn một mét vuông và hiện nay họ bán lại với giá 60 triệu? Lợi nhuận ấy chỉ thua các ông trùm buôn bán vũ khí Hoa Kỳ chứ không thua ai. So với hăn, tụi buôn ma tuý chỉ là lũ tép riu.

Vậy mà hôm nay hăn đến đây.

"Thầy có nhà không?"

"Đi rồi."

"Chắc thầy đang hành thiền?"

"Thầy tôi không phải là một thiền sư. Ông giống một đạo sĩ hơn. Ông thường uống rượu và say xỉn."

"Có thể cho tôi gặp sư phụ được không?"

"Không biết thầy đi đâu."

Khách ngó quanh quất. Rồi chợt đứng dậy, xăm xăm đi ra phía sau núi. Tôi đuổi theo thì hăn đã mất hút trong sương mù dày đặc.

"Sư phụ! Sư phụ!" Hăn gọi vang cả rừng núi.

Hăn vừa gào vừa men theo con đường mòn dẫn đến hang đá. Đột nhiên hăn im bặt khi nghe tiếng nước đổ rào rào trên những tán lá ngay phía trên đầu.

Vừa ló mặt ra, hăn thấy ngay chú mọi nhỏ đang vênh cu đái cầu vòng xuống đầu hăn. Vừa lúc có tiếng ngâm nga của Dã Nhân:

Tùng hạ vấn đồng tử

Ngôn sư thái dục khứ

Chỉ tại thử sơn trung

Vân thâm bất tri xứ.

Bốn câu thơ làm hăn sửng người. Vừa lúc Dã Nhân hiện ra

trên một tảng đá lớn.

"Chào thầy. Bài tứ tuyệt của thầy hay quá."

"Không phải của ta. Đó là thơ Giả Đảo. Nhưng ông đến đây làm gì?"

"Sắp tới rằm tháng Bảy. Tôi muốn làm lễ xá tội vong nhân."

"..."

"Trước hết là cho các đồng chí của mình trước đây trong phong trào sinh viên đã hy sinh trong kháng chiến như Trần Quang Long, Trần Triệu Luật, Hồ Hảo Hớn, Trần Bội Cơ, Nguyễn Ngọc Phương..."

"...."

"Sau đó là tới các gia đình có công với cách mạng."

Dã Nhân hỏi:

"Ông nghĩ rằng những người đó cần phải được xá tội sao?"

"Thưa thầy... ngày Vu Lan cũng là ngày xá tội vong nhân cho những linh hồn..."

"Những người chết không có tội gì cả. Những người sống mới có tội. Thế sao không dùng tế lễ để xá tội cho những người sống?"

"Ý của thầy là sao?" Hấn hỏi.

"Ngày xưa Khổng Tử đem lễ nghĩa ra dạy đời nhưng thực chất chỉ là lời nói suông, thực chất xã hội rối loạn. Các nước chư hầu đều nhân danh nhân nghĩa mà đem quân đánh nhau gây bao nhiêu tang tóc cho muôn dân, con mất cha, vợ mất chồng, mẹ mất con, gia đình tan nát, xã hội tiêu điều, sinh linh đồ thán. Trong triều thì bọn quan lại tìm cách hãm hại nhau vì danh lợi, ngoài thảo dã thì trộm cướp nổi lên, dân chúng đói khát, không có cái ăn cái mặc. Vậy mà

Khổng Tử và các môn đồ của ông ta vẫn cứ đi hết nước này đến nước khác để giảng nhân nghĩa lễ trí tín, há chẳng phải là làm cái bình phong để tiếp tay cho bọn quan lại, vua chúa đàn áp, bóc lột nhân dân sao? Há chẳng phải là giả dối, lừa mị sao? Vậy thì Khổng Tử, Mặc Tử đã làm được gì cho thiên hạ? Hỡi ơi! Sao bọn họ không thấy xấu hổ, không biết nhục nhả!"

"Nhưng thưa thầy đó là chuyện của thời xưa."

"Thời nay nào có khác gì. Bọn trộm cướp chuyên nghiệp, trộm cướp có hệ thống, lại chính là bọn kêu gọi tình người, tình đồng chí. Tù nhân đầy trong các nhà giam, hàng triệu con gái nông thôn lên thành phố làm gái điếm, trẻ bụi đời, dân nghiện ngập, thanh niên thất nghiệp đầy dẫy trong các xóm lao động tối tăm, những dân tộc thiểu số sống lầm than như súc vật... thì không ai lo, lại hô hào bảo vệ bản sắc dân tộc, bảo vệ truyền thống, bảo vệ cái khăn đóng áo dài, cái nón quai thao... có phải là lừa bịp không?"

"Nhưng tôi chỉ muốn tổ chức một lễ cầu siêu..."

Dã Nhân đáp:

"Để ta kể cho ông nghe chuyện Khổng Tử cùng học trò là Nhan Hồi tới nước Vệ, gặp thái sư nước Lỗ tên là Kim. Nhan Hồi hỏi Kim:

‘Ông nghĩ sao về thầy tôi?’

‘Thầy ông sẽ bị khốn cùng mất thôi!’

‘Sao vậy?’

‘Khi cúng tế người ta thường dùng một con chó rơm bọc gấm rất đẹp. Người ta đặt con chó rơm ấy lên bệ rất là trang trọng, rất là đẹp. Nhưng khi đã cúng xong rồi thì con chó

rom bị vút đi, lăn lóc dưới đất. Người ta đi qua đi lại giẫm đạp lên. Giày xéo lên. Có người cắt cỏ nọ nhặt con chó rom đó đem về chụm lửa. Nay thầy của ông cũng đi lượm những con chó rom mà tiên vương đã dùng để cúng tế từ nhiều đời trước, rồi ông ta hạp đệ tử lại, ngắm nghía, sẫm soi ra chiều đặc ý. Vì vậy mà bị nước Vệ cấm không cho vào, rồi bị vây ở biên giới nước Trần, không có gì ăn, nhịn đói suýt chết."

Hắn lại hỏi:

"Ý thầy muốn nói...?"

"Rằng chuyện lễ lạt, chuyện tưởng niệm, chuyện bản sắc dân tộc, chuyện truyền thống Việt Nam, chuyện trung với nước hiếu với dân... chẳng qua chỉ để che mắt thế gian. Thực chất chỉ là những con chó rom được bọc áo gấm cho đẹp để để cúng tế trong giây lát mà thôi, dùng xong thì vút lăn lóc dưới đất như rác rưởi."

"Thầy coi thường lễ nghĩa đến như vậy sao?"

"Đó là những điều ta học được từ Trang Tử."

"Nhưng ở các nhà trường người ta vẫn dạy: 'Tiên học lễ, hậu học văn' đấy thôi."

"Cái lễ trong nhà trường là cái lễ với thầy cô, với cha mẹ. Cái lễ ấy trong sáng, dễ thương. Còn cái lễ ngoài xã hội là cái lễ giả tạo của bọn nguy quân tử dùng để che mắt thế gian. Trang Tử coi lễ là mớ giẻ rách. Ông viết như thế này trong chương Trí Bắc du của Nam Hoa kinh: "Mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ."

"Câu đó phải hiểu như thế nào?"

"Ông hãy tự soi lại mình thì sẽ hiểu câu đó. Có phải khi ông đã làm những chuyện thất đức tày trời rồi ông mới nghĩ tới

làm việc nghĩa. Nhưng có làm được đâu, vì thực chất ông không dám trả lại tiền cho những người bị các ông cướp ruộng đất. Chính vì thế mà các ông mới nghĩ tới lễ. Vậy thì thứ lễ ấy có khác gì miếng giẻ rách đâu!"

Khách nghe đến đây thì sợ quá, co giò chạy xuống núi. Chú mọi nhỏ đứng trên tảng đá, vỗ tay cười. Tiếng cười như mảnh thủy tinh bắn vãi theo. Khách cuống cuống sảy chân lao ra khỏi vách núi, ngã xuống vực. Tôi hết hoảng định kêu lên nhưng Dĩ Nhân đã cười lớn mà rằng:

"Người hãy nhìn xem!"

Lạ thay, người khách khẽ rùng mình, hóa thành một con ruồi to như con diều hâu, tà tà bay xuống thung lũng.

Đào Hiếu

Lạc Đường

- 22 - 30 -

22. Linh hồn của chuyến công tác

Tôi không thích gã, chẳng phải vì gã lắm lì, xa cách nhưng vì gã quá keo kiệt.

Đoàn có bốn người: một bà giám đốc nhà xuất bản, một cán bộ ngoại giao đã về hưu, tôi và gã. Gã được giới thiệu là một quan chức cao cấp của ngành phát hành sách. Như vậy gã đâu có thiếu tiền. Có thể nói gã là người giàu nhất trong đoàn. Vậy mà trong suốt chuyến đi gã gần như không ăn sáng, chỉ uống một ly cà phê nhỏ. Trong các bữa ăn chung tại phi trường hoặc suốt tuần lễ lang thang ở Seoul gã thường từ chối các lời mời mọc nhậu nhẹt, kẹt lắm thì cũng ngồi chơi, uống một chai nước suối nhỏ, ăn một cái bánh mì kẹp chừng một ngàn won (10.000 VNĐ). Hỏi có bị tiểu đường không thì trả lời là không. Tim mạch cũng không, thận rất tốt. Chẳng có gì phải kiêng cử. Vậy mà ăn nhín nhịn thèm, tiết kiệm từng đồng won, đồng đô la...

Thôi, cứ tạm cho gã là một cán bộ mẫu mực, cần kiệm liêm chính.

30 THÁNG TÁM 2001

Chúng tôi đến Seoul, dạo chơi phong cảnh, ăn kim chi, ăn gà giò hầm sâm. Và đi tàu điện ngầm.

Tại sao tôi lại nhắc đến tàu điện ngầm ở Seoul?

Tàu điện ngầm ở New York thì rộng lớn, “hoành tráng”

nhưng cũ. Tàu điện ngầm ở Paris thì ồn ào, rỗ rảng, chỉ đáng vứt sọt rác. Tàu điện ngầm ở Bắc Kinh tạo ấn tượng quái đản với những cái giỏ cần xé đan bằng tre to tổ bố để người soát vé ném vé cũ vào đó. Tàu điện ở Hong Kong, Singapore thì tương đối văn minh hiện đại hơn với nhà ga sạch sẽ, hệ thống bán vé và soát vé tự động, tàu điện ngầm ở Moskva từ lâu vẫn là niềm tự hào của nước Nga với những nhà ga rộng lớn, có chạm trổ tranh tượng như ga Kievskaja với vài ba tác phẩm điêu khắc mỹ thuật... nhưng có lẽ công tác bảo quản kém nên đã xuống cấp trầm trọng, thậm chí nhiều chỗ bị dột nát, nước rỉ từ trần vòm ướt cả lối đi. Tàu điện ngầm Moskva là sự thất vọng lớn nhất khi đến nước Nga. Ngược lại tàu điện ngầm Seoul là sự ngạc nhiên lớn nhất khi đến Hàn Quốc.

Nó lướt đi êm ái trong mơ. Mỗi nhà ga là một khách sạn năm sao lộng lẫy, không đâu có thể rực sáng hơn. Nếu như có một con kiến đi lạc trong sân ga có lẽ chúng ta cũng dễ dàng tìm thấy nó.

Tàu điện ngầm ở Seoul là một vương quốc dưới lòng đất. Với 600 won (sáu ngàn đồng VN) bạn có thể mua một tấm vé điện tử đi được 15 ga vòng quanh thủ đô Seoul.

Làng truyền thống Hàn Quốc là một nơi khá độc đáo phản ánh phong tục tập quán, nghề nghiệp, trang phục, ẩm thực, luật pháp của xã hội xưa... bằng những mô hình lớn và sinh động như thật.

Nhà cửa trong làng đều lợp bằng tranh, mái dày được xén rất đều, giống hệt những mái tranh của các làng quê miền Trung Việt Nam. Cũng vách đất trộn rơm trét bên ngoài

những cái khung bằng tre.

Seoul là một thành phố có nhiều cây ngô đồng và cây bách ở hai bên đường giống như các thành phố ở Trung Quốc.

Những kiến trúc trong hoàng cung cũng tương tự như Cố cung Bắc Kinh nhưng quy mô nhỏ hơn và màu sắc u nhã hơn. Trang phục của vua quan, quý tộc Hàn Quốc cũng trầm hơn, nhã hơn, sang hơn Trung Quốc. Nếu như y phục Trung Quốc chuộng những gam màu đỏ, vàng và xanh lục thì Hàn Quốc thích sự phối màu giữa đen và tím than hoặc đỏ Bordeaux, giữa màu lá úa và trắng, giữa sắc xanh lục và xám tro...

Các triều phục của vua quan không thô rộng phụng, không đeo kim tuyến, lục lạc, đai ngọc. Đơn giản nhưng sang trọng.

31 THÁNG TÁM 2001

Thăm sứ quán Việt Nam tại Seoul. Đại sứ là bạn cũ của một người trong đoàn, trước đây ông từng làm đại sứ tại Bình Nhưỡng. Đây là một biệt thự rộng lớn và đẹp. Toà nhà do chế độ Việt Nam Cộng hoà để lại. Trong khuôn viên có một Chùa Một Cột do Lý Xương Căn - cháu 31 đời của Lý Thái Tổ - xây tặng.

Danh ngôn: Người Trung Quốc thích tạo ra huyền thoại, người Việt Nam thích tạo ra anh hùng còn người Hàn Quốc thích tạo ra bi kịch.

Điều này thể hiện rất rõ trong các bộ phim truyền hình của Hàn Quốc được chiếu trên truyền hình Việt Nam.

*

Ông quan lớn nọ vẫn thít chặt hầu bao mặc dù cứ vô tư

thường thức các đặc sản của Seoul do giám đốc nhà xuất bản chi trả. Tôi đi du lịch tự túc vì thế tôi không biết cụ thể công tác phí của những người trong đoàn là bao nhiêu nhưng khi đến Moskva thì những thành viên trong đoàn Hà Nội cho biết là mỗi ngày 70 đô la tiền tiêu vặt.

Riêng gã, quan lớn của một công ty nhà nước đồ sộ như thế thì tiêu chuẩn phải cao hơn nhiều.

Vậy gã tiết kiệm tiền để gửi về cho vợ sao?

NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2001

Đến Moskva và ở trong nhà khách của toà đại sứ Việt Nam.

Buổi chiều gã quan lớn tự nhiên đến khều tôi:

"Đi loanh quanh một chút cho biết Moskva chứ."

Tôi ngạc nhiên nhưng thấy nụ cười của gã rất thân thiện, bèn OK. Gã đi với một nhân viên của sứ quán, cùng một cán bộ của đoàn Hà Nội.

Nơi đến là một cái hầm rượu ngầm dưới đất. Chúng tôi ăn thịt cừu nướng, trứng cá caviar và cá hồi xông khói nhắm với rượu vang đỏ. Anh bạn Hà Nội hỏi tôi:

"Trước đây ông có học ở Nga không?"

"Tôi không biết gì về nước Nga cả. Cũng không biết tiếng Nga."

"Nước Nga có nhiều cái hay lắm đấy."

Tôi nói:

"Nước Nga thật vĩ đại."

Gã quan lớn khều tôi:

"Thôi, dẹp ba cái vụ 'vĩ đại' đi. Tôi hỏi ông có chịu chơi không?"

Không biết cái gã keo kiệt này muốn gì. Tôi nói:

"Chịu chơi chứ. Nhưng tôi không buồn lậu đâu nhé."

"Ôi giời! Sao ông lại nghĩ vớ vẩn thế?"

"VẬY là chuyện em út?"

Gã nói một cách trang trọng:

"Đúng thế. Đó chính là linh hồn của chuyến công tác này. Đây mới là lúc tiêu tiền nhé. Thế ông còn bao nhiêu?"

"Chừng năm trăm đô."

"Tạm được. Thế này nhé! Tôi sẽ lo cho đồng chí thổ địa ở đây. Còn hai vị chúng ta tự túc. Ăn xong chúng ta đi liền."

Tôi nói:

"Nghe đồn cảnh sát Nga hay trấn lột người Việt. Họ nói người Việt là bánh mì của cảnh sát Nga. Vừa rồi có một người Việt giết vợ, chặt ra thành nhiều mảnh nhỏ bỏ vô bao bố thả xuống sông. Đài truyền hình Nga loan tin đó và bình luận đầy ác ý về người Việt. Vậy các anh không sợ sao?"

"Yên tâm. Chỗ này có bảo kê hết rồi. Cảnh sát Nga sẽ gác cho mình chơi."

Và đúng như thế. Họ cũng mặc sắc phục và đeo súng. Các cô gái tóc vàng còn rất trẻ, tuổi từ 15 đến 22 da trắng, mắt xanh. Những nàng Ludmila, Natasha... được giới thiệu là sinh viên đại học. Họ nói tiếng Anh khá trôi chảy nhưng khi hỏi họ về Dos hay Tolstoy thì không cô nào biết cả. Các cô uống bia rất cừ và bia thật là ngon. Đến Nga có lẽ chỉ nên uống bia tươi, từ trong thùng rót ra cái ly vại lớn. Hồi ở Dresden bên Đức, tôi từng uống những loại bia ngon nhất thế giới, nhưng cũng không bằng Nga.

Đấm bóp cho bạn là đàn ông, nhưng những cô Ludmila sẽ tiếp bạn trên giường. Tất cả đều trống trải, không cần cửa

nẻo!

Vì tôi xài tiền túi của mình nên chỉ đến đó có một lần. Còn gã thì khác. Những ngày sau đó gã biến mất. Suốt một tuần lễ không hề thấy mặt. Không ai biết rằng gã đang vi hành cùng mấy tay của phái đoàn miền Bắc. Trong túi gã còn năm ngàn đô. Giá ăn chơi ở Moskva lại rẻ. Gã phải sống cho hết mình, phải tiêu hết số tiền đó, phải hoàn thành tốt “nhiệm vụ Đảng giao” bởi vì đó là “linh hồn của chuyến công tác này”.

Sáng ngày 10 tháng 9 năm 2001 gã vắc xác về. Mắt lim dim, chân bước trên mây, miệng ỉn nụ cười tự tại của một bậc đại hiền vừa đạt tới cảnh giới của sự giải thoát.

Tôi chưa thấy người nào đáng yêu như gã.

Gã đã đến Niết Bàn bằng con đường riêng của mình. Gã không cần ngồ thiên, không cần tụng kinh hay giữ giới. Gã đã “kiến tánh thành Phật”.

Giám đốc nhà xuất bản vừa thấy mặt gã đã nói móc:

"Coi chừng thân bại danh liệt."

Gã chỉ cười. Lại kéo tôi đi ăn thịt cừu ở dưới hầm rượu. Gã nói:

"Cái ‘em’ Giám đốc đó hay lên mặt đạo đức nhưng cũng chịu ăn lắm."

"Nó làm xuất bản sách mà ăn được gì?"

"Ăn chia với tụi đầu nậu phát hành."

"Nhà xuất bản của nó cũng có một phòng phát hành rất ‘hoành tráng’ mà?"

"Ba chục nhân viên, đầy đủ các chức danh: trưởng phòng, phó phòng, kế toán, thủ quỹ, có cả bộ phận tiếp thị, quảng

cáo, giới thiệu sách, nhưng chỉ để... chở sách đi ký gửi."

"Ký gửi cho ai?"

"Cho đầu nậu."

"Có nghĩa là phải chia cho đầu nậu 40 phần trăm chiết khấu phát hành?"

"Không sai!"

"Có nghĩa là không thu được tiền mặt?"

"Đúng vậy. Cứ đem tài sản cơ quan ra trao vô tay đầu nậu, khi nào nó thích thì nó trả cho chút ít, không thích thì nó nói bán không được. Đa số đầu nậu là chiếm dụng vốn để mở rộng kinh doanh hoặc kinh doanh địa ốc."

"Lẽ ra nhà xuất bản phải có hệ thống bán lẻ. Hay là nó không có vốn?"

"Hoạt động 25 năm nay nó cũng có vốn chứ. Nhưng nó lấy tiền đó mua đất làm kho sách thay vì phát triển hệ thống bán lẻ. Như vậy thay vì sách in xong chở thẳng ra nhà sách bán cho người tiêu dùng thì lại cất vô kho. Rồi đi chào hàng. Người ta chịu nhận thì mới đem đi ký gửi. Ký gửi phải chịu mất 40 phần trăm chiết khấu. Nếu tự phát hành thì không phải mất một số tiền lớn như vậy."

Tôi hỏi:

"Sao nó ngu vậy?"

"Nó không ngu đâu. Vì nó có ăn chia với tụi đầu nậu. Nhưng ăn bọ nhất là vụ mua đất làm kho sách. Nó bỏ ra 3 tỷ chỉ để mua một cái nghĩa địa rộng chừng 300 mét vuông. Có nghĩa là giá mỗi mét vuông là 10 triệu đồng. Mua xong, một thằng trong chi bộ của tụi nó phát biểu: 'Nhà tui ở gần cái nghĩa địa đó. Tui biết đất ở đó người ta chỉ bán có 2 triệu

rười một mét vuông!”

Cú đó tụi nó kiếm hơn hai tỷ đồng. Dư luận trong cơ quan cũng rùm beng. Tưởng nó co vòi. Té ra nó đếch sợ. Nó chơi luôn 900 mét vuông nữa kể bên, giá 9 tỷ đồng!

Cú thứ hai này chúng nó đớp thêm gần 7 tỷ! Kế toán trưởng thì cất nhà mới. Phó giám đốc thì xin về hưu non để ‘hạ cánh an toàn’, giám đốc thì ‘ngày nào đầu nậu còn tín nhiệm, tôi còn làm giám đốc.’”

Gã quan lớn còn muốn nói thêm nữa nhưng tôi vượt lưng gã: "Té ra bây giờ tôi mới biết anh là người trong sạch nhất."

"Tớ cũng đếch trong sạch, Vì thời đại này thằng nào có quyền mà trong sạch đều là những thằng cù lùn. Vì thế tớ cũng đớp chút đỉnh nhưng chỉ để chia cho em út thôi! Cũng giống như hiệp sĩ Robin Hood hay các anh hùng Lương Sơn Bạc vậy mà!"

23. Con cá voi trong ly nước

Có thể một ngày nào đó tôi không còn trí nhớ. Tôi sẽ quên đường về nhà, quên cả người thân, bạn bè. Tôi sẽ không còn nhớ mình là ai. Nhưng chắc chắn tôi không bao giờ quên những giai điệu lạ lùng của nhà soạn nhạc thiên tài Nga: Shostakovich.

Thực ra tôi biết rất ít về ông, về âm nhạc của ông, thậm chí những tác phẩm của ông - mà tôi ôm ấp trong lòng nhiều thập kỷ qua - tôi cũng không biết tên. Nhưng đó là những tác phẩm thần thoại, nó lay động tôi, nó lan toả và lập tức chiếm lĩnh tâm thức tôi, hoà tan vào trí nhớ, vây phủ xúc cảm và chìm đắm bản ngã tôi vào những cơn sóng cuộn

chảy, mờ mịt, réo gọi, ngân nga, gào thét...

Tiếc thay, tôi chỉ được nghe những giai điệu ấy có vài lần khi xem bộ phim Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

Đó là một bộ phim tài liệu vĩ đại nhất trong tất cả các phim tài liệu mà loài người có được. Và âm nhạc của Shostakovich đã đóng vai trò quyết định. Đạo diễn Karmen cũng là một tài năng lớn nhưng ông chỉ có công dựng lên hình hài, tầm vóc của bộ phim, còn linh hồn và nhan sắc của tác phẩm điện ảnh kỳ ảo đó phải là âm nhạc của Shostakovich.

Tôi đã sục sạo hàng giờ trong các trang Web âm nhạc để cố tìm lại giai điệu của 30 năm về trước nhưng rốt cuộc chỉ được mấy dòng này:

“Shostakovich (1906-1975), nhà soạn nhạc người Nga được xem như một nhà viết nhạc giao hưởng vĩ đại nhất giữa thế kỷ 20. Ngoài thể loại giao hưởng ông còn viết concerto, nhạc kịch opera, ballet và nhạc phim.”

Còn đạo diễn Karmen thì tôi cũng tìm được mấy dòng tiểu sử ngắn ngủi: “Roman Karmen Lazarovich sinh ngày 29 tháng 11 năm 1906 tại Odessa. Ông được trao giải Oscar năm 1943 với bộ phim tài liệu Thất bại của quân Đức ở ngoại ô Moskva. Sau đó ông làm bộ phim sử thi dài 12 tập mang tên Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Bộ phim này đã đưa tên tuổi của Karmen lên hàng những nhà làm phim tài liệu vĩ đại nhất thế kỷ 20.”

Tháng Chín năm 2001 tôi đến nước Nga để tìm một chút âm vang của Shostakovich.

Nhưng nước Nga lại có quá nhiều thứ bất ngờ.

NGÀY 5 THÁNG 9 NĂM 2001

Khởi hành từ Seoul, chúng tôi đến Moskva sau một chuyến bay dài mệt mỏi. Sân bay tên gì vậy? Serechavo, sân bay quốc tế của thủ đô nước Nga đây sao? Tôi tưởng mình đang ở phi trường Tân Sơn Nhất. Chật hẹp. Đông nghẹt người. Chen lấn. Ổn ào.

Trời âm u. Không có ý niệm về thời gian. Máy giờ vậy? Không ai biết. Đồng hồ chúng tôi đang chỉ giờ của Seoul. Trời ơi! Làm sao có thể làm thủ tục nhập cảnh giữa một rừng người hỗn độn như vậy? Không biết người của đại sứ quán Việt Nam đã đến chưa? Làm sao có thể nhận ra nhau giữa cái đồng hồ lớn này?

Tôi chạy đi tìm cái đồng hồ treo tường. Trong tất cả các sảnh của sân bay không có chỗ nào treo đồng hồ. Tôi hỏi một ông già da trắng:

"What time is it, please?"

Ông ta không hiểu. Một cô tiếp viên hàng không ở đằng kia đi lại:

"What time, ma'am?"

Lại không hiểu. Giương mắt ra nhìn. Tôi bực mình, chụp lấy cổ tay cô tiếp viên hàng không, lật ngửa lên: Hai giờ mười lăm phút. Ở Nga, muốn coi đồng hồ có lẽ chỉ còn cách đó.

Tiếp theo là chen lấn, xếp hàng, rồi lại chen lấn. Người ta làm gì mà đổ xô đến Moskva nhiều như vậy? Chẳng phải nước Nga đang thiếu nhu yếu phẩm, đang không có đường mà ăn, đang phải xếp hàng để mua bánh mì sao?

Ấn tượng mà cái phi trường si-trum này tạo ra là: nước Nga không sẵn sàng, nước Nga là một căn nhà khổng lồ nhưng chỉ có một cái cửa ra vào nhỏ như cái hang thỏ, nước Nga

đang quay lưng lại với thế giới và nước Nga không có ngành du lịch.

Và tôi, không biết tiếng Nga, không có xe hơi, không biết đường đi... đành lẩn quẩn trong khu nhà khách toà đại sứ Việt Nam.

Nhưng tôi không thất vọng vì tôi biết nước Nga ẩn giấu nhiều thần thoại, nhiều bất ngờ.

NGÀY 6 THÁNG 9 NĂM 2001

Mười giờ rưỡi sáng thứ năm, thăm Quảng trường Đỏ. Một người đàn bà nói: Hôm nay không cho vào vì đang sửa chữa. lát sau người đàn bà nọ giới thiệu một bà già 70 tuổi. Bà ta bảo mỗi người đóng 60 rúp. Bà lấy ra một nửa, gói trong tờ giấy, bảo mọi người gom máy ảnh lại để bà ta giữ, xong dẫn đoàn vào cổng.

Đến cổng mới hay là quảng trường vẫn mở cửa đón khách bình thường vì hiện đang có một đoàn khách quốc tế đang xếp hàng chờ. Chỉ riêng đoàn Việt Nam khỏi xếp hàng vì đã đưa tiền cho ba già!

Lăng Lenin lát đá cẩm thạch đen. Những bậc thang đen. Hình như bên ngoài người ta đã bỏ toán lính gác. Thi hài Lenin nằm trong lồng kính giống như một tượng bằng thạch cao. Trên tường đá đen lạnh lẽo có lát những phiến đá đỏ.

Có người to tiếng bên ngoài lăng. Một du khách Trung Quốc bị giữ lại để kiểm tra giấy tờ.

Nước Nga có một quá khứ huy hoàng, một nền nghệ thuật vĩ đại, một cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Nhưng những cái vĩ đại ấy bây giờ bị nhốt trong một cơ chế chật hẹp, trong sự bảo thủ và nạn tham nhũng lan tràn.

Nước Nga giống như một con cá voi nằm trong ly nước. Nó ý thức được hoàn cảnh của mình cũng như con cá lớn muốn vùng thoát khỏi ly nước để bơi ra biển nhưng bằng cách nào? Nếu vùng mạnh, cái ly sẽ vỡ nát và nó rơi xuống Quảng trường Đỏ, không đủ sức để trườn ra biển.

Một ngôi nhà tranh sẽ dễ dàng phá bỏ để xây dựng một cao ốc hiện đại, nhưng nước Nga lại là một lâu đài cũ kỹ rêu phong và có nhiều người ở, sinh con đẻ cái ở đó. Nếu đập ngôi nhà, những người đó sẽ ở đâu?

NGÀY 8 THÁNG 9 NĂM 2001

Tôi tặng cho ông già gác cổng mấy chai rượu Jinro Soju mua ở Seoul vì ông ta đã giúp đỡ tôi xách hành lý lên phòng khi tôi mới đến đây. Dường như trong phái đoàn Việt Nam chỉ có mình tôi làm chuyện đó.

Ông ta trực ca sáng và tôi thường đến chơi với ông. Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng những hình vẽ trên giấy và bằng cách ra dấu.

Quanh khu nhà khách có rất nhiều cây phong, bóng mát như rừng. Tôi hỏi ông vì sao có nhiều quạ đen đậu trên những cây phong đó. Ông nói rằng hôm qua có người vứt xác một con mèo chết dưới gốc cây và tụi quạ bu đến.

ĐÊM 11 THÁNG 9 NĂM 2001

Moskva khổng lồ với những đường phố rộng thênh thang và xe chạy vun vút không dứt. Một thành phố rất nhiều xe cũ và không có taxi nhưng bạn chỉ cần đưa tay đón là những chiếc xe ấy lập tức biến thành taxi.

Moskva đơn điệu với những bloc nhà khổng lồ màu gạch được xây hàng loạt giống hệt nhau, thỉnh thoảng mới gặp

một ngôi biệt thự sơn màu ngọc bích viền trắng. Sự phối màu ấy sao chép từ quần thể các lâu đài Cung điện Mùa đông ở Saint Petersburg.

Nhưng nếu đi thuyền trên sông Moskva để ngắm nhìn thành phố, bạn sẽ gặp một thủ đô khác hẳn. Một Disney Land khổng lồ với các nhà thờ mái củ hành vàng rực như những lâu đài trong truyện thần tiên. Những tháp chuông ngọc bích thấp thoáng phía sau cụm rừng bạch dương.

Trong bóng hoàng hôn, tất cả nhạt nhoà, lẫn khuất... Phố xá, đồi trọc, rừng cây... hoà quyện thành một phong màu tím than của khói sóng, chỉ có nắng xế là cháy rực, ngời ngời trên những lâu đài nguy nga và những thánh đường diễm ảo. Người ta không còn thấy những lô nhô bện rện của phố phường bối rối, của tiếng bánh xe rít trên đường phố. Chỉ là cái im lặng thanh thản của bầu trời xám mênh mông cùng mặt sông phẳng lặng.

Du thuyền đi trong bóng tối, ngân nga khúc nhạc quen thuộc.

Chiều thanh vắng là đây, âm thầm gió rì rào.

Nhưng cũng không còn tiếng rì rào nữa. Chỉ có tiếng bọt nước vỡ dưới mạn thuyền và ngàn mắt lấp lánh sắc vàng, tím, xanh của đèn trên bờ sông ngái ngủ.

Moskva mờ ảo đang thấm vào tâm hồn tôi bằng sự tan chảy rất chậm, rất nhẹ, rất ngây ngất của hoàng hôn.

Đi trên sông Moskva tôi gặp Pie Đại đế sừng sững như một trái núi. Ông là người anh hùng lớn của nước Nga, từng giả làm công nhân sang Thụy Điển để học nghề đóng tàu. Ông được ví như một Tần Thủy Hoàng của nước Nga, nhưng đó là

sự ví von của một thằng khùng, bởi vì gã Doanh Chính kia chỉ là một sát thủ bần tiện đang thối rữa trong lịch sử.

Khoảng bảy giờ tối ngày 11 tháng 9 năm 2001 chiếc du thuyền nhỏ ghé bến. Người bạn đón một chiếc "taxi".

Cánh cửa xe vừa đóng lại thì anh tài xế đã hỏi:

"Có biết gì không?"

"Gì vậy?"

"Bin Laden tấn công nước Mỹ!"

"Lúc nào?"

"Cách đây 5 tiếng đồng hồ."

Xe của anh ta lao đi như điên. Tất cả xe con của Moskva đều lao đi như điên.

"Hai chiếc Boeing đâm thẳng vào toà nhà WTC ở New York. Cả hai đều sụm xuống như cái đèn xếp. Ba chục ngàn người chết."

"Ba chục ngàn sao?" Anh bạn tôi hỏi và dịch lại cho tôi nghe.

"Thì cứ tính đi. Hàng ngày mỗi toà nhà chứa khoảng mười lăm ngàn người vừa nhân viên vừa khách hàng."

"Chính xác vậy sao?"

"Về nhà lẹ đi. Tôi cũng về nhà để coi tivi đây! Các ông ở đâu?"

"Ở đại sứ quán Việt Nam."

*

Nơi cǎntin của nhà khách đông nghẹt người đang bu quanh một chiếc tivi màu 16 inches. Đoạn phim về hai chiếc máy bay đâm vào toà nhà đang được chiếu đi chiếu lại. Tin tức nóng hổi đến độ người ta không có thì giờ dịch ra tiếng Nga,

cứ để nguyên lời bình tiếng Anh. Người ta vừa uống bia vừa bàn tán về Bin Laden.

Trước đây có đôi lần tôi nghe nói về nhân vật này nhưng ông ta không gây ấn tượng với tôi. Ngờ đâu trên cái đất Nga xa lạ và lạnh lẽo này ông lại xuất hiện như một vụ nổ làm rạn nứt cả bầu trời và vỡ vụn trí tưởng tượng của tôi.

Bin Laden đã làm thay đổi nhận thức của tôi về thế giới, đã đập nát mọi hy vọng nhỏ nhoi còn sót lại trong tôi về loài người.

Ông đã phá tan mọi hệ thống triết học tư tưởng, vô hiệu hóa mọi niềm tin, làm cho các tôn giáo phải hoảng hốt. Bin Laden đã vút mọi chuẩn mực đạo đức vào cống rãnh, xé nát bản Tuyên ngôn Độc lập Mỹ và Hiến chương Nhân quyền.

Bin Laden là ngọn gió lạnh buốt, cuồng nộ bay qua sa mạc hoang tàn, là đám mây hạch nhân trùm xuống nền văn minh Âu Mỹ.

Bin Laden một mình cầm thanh gươm man rợ đi gieo rắc cái chết kinh hoàng để xua đuổi, trong vô vọng, một thế lực hùng mạnh gấp triệu lần ông.

Và cũng trong buổi chiều ấy, Bin Laden đã làm sụp đổ toà tháp WTC thứ ba của hành tinh này: đó là tôi.

24. Cuộc hội ngộ ở Saint Petersburg

Phía trước tôi là một mảng đen bất ngát và bất động. Tôi chạy ra khỏi những khu rừng dày đặc, bị cái mảng đen ấy hút vào vòng xoáy của nó.

Đó là một ngày mưa dầm ở Cung điện mùa Hè. Con đường nhựa ướt sũng chạy dọc theo kênh đào. Dòng kênh dẫn vào

cái mảng đen ấy. Nó là sa mạc, đồng cỏ hay biển?

Tôi chạy. Nước mưa đầm đìa trên mặt. Cái áo gió không ngăn nổi nước. Ngực ướt sũng. Trời xám xịt. Hàng cây đen rõ dần và cái mảng đen ấy cũng rõ dần. Đó là biển. Vịnh Phần Lan. Nước biển đen lánh như than đá.

Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn cái mảng đen mênh mông ấy. Trời thấp. Cung điện ở phía sau lưng, lấp lóa những đài nước phun và những pho tượng thép vàng ngời sáng.

Trong khoảnh khắc, tôi quên Bin Laden. Nhưng khi trở lại Cung điện mùa Hè thì ông ta lại hiện ra và hỏi tôi vì sao lại đến cái nơi chó chết này. Bọn nhà giàu đã xây dựng cung điện này, những hoa viên này, những đài phun nước này, những pho tượng thép vàng này... chỉ để phục vụ cái giống đực của chúng.

"Nhưng ông cũng là một tỷ phú", tôi nói - "ông còn giàu hơn các Sa hoàng nữa mà."

"Đúng thế. Tài sản của ta có thể xây vài cái Cung điện mùa Hè này nhưng ta thích sống trong hang đá."

"Đó là vì ông đang lẩn trốn biệt kích Mỹ."

Cái bóng của Bin Laden mờ ảo trong mưa bụi nhưng ngón tay trỏ của ông chỉ thẳng vào mặt tôi:

"Trước đây ngươi cũng từng lẩn trốn biệt kích Mỹ. Ngươi là một thằng cộng sản mà!"

"Nhưng bây giờ tôi không phải là cộng sản nữa."

"Ta cũng vậy. Trước đây ta theo Mỹ, đã cùng Mỹ thành lập các trường huấn luyện chiến binh Hồi giáo ở Pakistan. Thời kỳ đó, tổ chức của ta đã mở văn phòng ở Detroit và Brooklyn trên đất Mỹ."

"Nhưng vì sao ông bỏ Mỹ?"

"Thời đó ta chơi với chúng vì muốn có một đồng minh đánh đuổi Liên Xô ra khỏi Afghanistan. Khi Liên Xô tháo chạy về nước thì kẻ thù còn lại là Mỹ. Năm 1990 Mỹ đưa quân vào quê hương Ả rập Xêút của ta. Làm chủ các mỏ dầu của ta. Và chiếm luôn các mỏ dầu ở Kuwait. Hàng trăm tỷ đô la đã chảy vào túi của bọn tài phiệt Mỹ. Chúng nuôi béo bọn cầm quyền tay sai. Còn nhân dân Ả rập Xêút được gì?"

Và bây giờ chúng làm chủ hệ thống dẫn dầu ở Afghanistan và những mỏ dầu khổng lồ ở Iraq. Vừa chiếm dầu mỏ vừa bán được vũ khí. Sao ta có thể ngồi yên được? Và người biết đấy, Mỹ treo giá 50 triệu đô la cho cái dầu của ta."

"Nhưng gia đình ông làm ăn với Mỹ hàng trăm tỷ đô la. Sau khi người của ông tấn công hai tòa nhà WTC thì chính Tổng thống Bush đã cung cấp nhiều máy bay để đưa cả gia đình ông rời nước Mỹ an toàn. Thế thì việc treo giá 50 triệu đô la cho cái dầu của ông là thật hay giả?"

"Đó là chuyện của dòng họ Bin Laden. Ta đã cắt đứt mọi liên hệ với họ. Và họ cũng vậy."

"Ông đã xem phim The Kid của Charlot chưa?"

"Xem rồi."

"Người cha là thợ sửa cửa kính. Đứa con dùng đá ném bể cửa kính để tạo công ăn việc làm cho cha. Có người cho rằng Bin Laden và giới tài phiệt Mỹ đã 'hợp đồng tác chiến' kiểu hai cha con Charlot. Ông nghĩ thế nào?"

"Người muốn nói là ta tạo ra những vụ khủng bố để cho giới tài phiệt Mỹ lấy cớ gây chiến tranh, chiếm các mỏ dầu và tiêu thụ vũ khí?"

"Đúng vậy. Người Mỹ làm bộ ra giá 50 triệu đô la cho cái đầu của ông nhưng trên thực tế có vài lần suýt bắt được ông thì lại để vuột mất một cách khó hiểu. Mùa Đông 2004 biệt kích Mỹ đã tiến hành một cuộc truy bắt ông tại vùng biên giới giáp ranh giữa Pakistan và Afghanistan. Báo chí Mỹ đưa tin: 'Các lực lượng Mỹ đã truy đuổi gắt gao Bin Laden khiến tên trùm khủng bố gần như không còn lối thoát và đã tính đến nước cuối cùng là tự sát.

Khi đó Bin Laden đã ra lệnh cho các thuộc hạ một khi nhận được mật khẩu thì phải lập tức ra tay giết chết y rồi tự sát, nhằm tránh bị Mỹ bắt giữ. Tuy nhiên, đúng lúc mật khẩu chuẩn bị được phát ra thì các binh sỹ Mỹ lại chuyển hướng truy tìm sang hướng khác khiến Bin Laden thoát hiểm.' Sự thực về chuyện đó như thế nào?"

"Đó là chuyện bịa đặt. Ta hỏi người câu này: Ta là một tỷ phú, ta có thể sống như một ông hoàng, việc gì ta phải 'hợp đồng tác chiến' với Mỹ để phải sống đời gian khổ của một chiến binh?"

"Một chiến binh? Vậy ông chiến đấu cho một mô hình nhà nước nào?"

"Có 4 loại mô hình: Loại thứ nhất là chính quyền đế quốc, đứng đầu là Mỹ, chuyên gây chiến tranh để tiêu thụ vũ khí và chiếm tài nguyên của các nước khác. Loại thứ hai là chính quyền bán nước đứng đầu là Ả-rập Xê-út, Kuwait, Iraq, Afghanistan... đem tài nguyên của đất nước mình trao cho Mỹ để đổi lấy địa vị và giàu sang cho gia tộc mình. Loại thứ ba là chính quyền trộm cướp đang lộng hành ở một số nước vùng Đông Nam Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Chúng là

bọn tham nhũng chuyên nghiệp, ăn chặn tiền thuế của dân, ăn cắp tài sản quốc gia, bòn rút tiền viện trợ, rút ruột công trình để làm giàu cho cá nhân, gia đình và bè đảng của chúng. Loại thứ tư là chính quyền dịch vụ như các nước Bắc Âu, coi việc cai trị như một nghề hái ra tiền. Dịch vụ ấy được giới hạn bởi các nhiệm kỳ bầu cử. Còn ta, hiện nay còn quá sớm để nói về một chính quyền. Nhiệm vụ của ta bây giờ là gieo kinh hoàng cho bọn da trắng để chúng rút khỏi những lãnh thổ của người Hồi giáo."

"Ông có chắc là làm được chuyện đó không?"

"Ta phải làm được."

"Tôi nghĩ nếu ông từ bỏ chủ nghĩa khủng bố, lập Mặt trận Giải phóng Ả-rập Xêút và tiến hành một cuộc chiến tranh du kích thì ông có thể được ngưỡng mộ như Che Guevara."

"Ta không cần ngưỡng mộ. Và ta cũng không muốn thất bại như Che Guevara. Hơn nữa đất nước ta không có rừng như Bolivia hay Việt Nam, không thể tiến hành chiến tranh du kích được. Ta không còn chọn lựa nào khác ngoài khủng bố."

"Nhưng cách thức tiến hành cuộc chiến của ông quá tàn bạo và bừa bãi. Dân thường chết quá nhiều. Chết gấp mười lần kẻ thù của ông."

"Cuộc chiến tranh nào cũng vậy. Ví dụ như hai trái bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản năm 1945. Đa số người chết là dân thường vô tội."

"Ông muốn biện hộ cho chính quyền Mỹ sao?"

"Không. Nhưng ta muốn chứng minh rằng chính quyền Mỹ còn tàn bạo hơn ta gấp ngàn lần."

Cái bóng của Bin Laden trở dài. Tôi hỏi một câu cuối cùng:

"Người ta đồn ông có vũ khí nguyên tử. Đúng hay sai?"

Cái bóng mờ dần trong sương mù nhưng giọng của ông vẫn nghe được trong tiếng mưa rào rào:

"Bom nguyên tử không có gì ghê gớm. Hai chục triệu đô la một quả, nào có đáng gì!"

*

Tôi đang ở trong ngôi biệt thự tại một góc nào đó của Saint Petersburg. Chiếc cổng sắt của ngôi nhà dẫn ra cây cầu nhỏ bắc ngang một nhánh của sông Neva.

Đã nửa đêm mà tôi không ngủ được. Cái bóng của Bin Laden vẫn ám ảnh tôi. Dường như có một ma lực nào đó dẫn dụ tôi ra chiếc cầu đá đơn độc lạnh lẽo ngoài kia. Cũng không xa lắm. Tôi tựa thành cầu nhìn xuống dòng nước đen thẫm và gần như bất động.

Gió từ cửa sông thổi tới, lạnh buốt. Gió làm tôi tê dại, tâm thức tôi mù mịt, tăm tối. Tôi đã hình dung chuyến đi Saint Petersburg sẽ rất hào hứng, rất thú vị nhưng dường như ngoại giới đã đổi khác. Bin Laden đã làm hỏng cuộc hành trình của tôi về thành phố huyền thoại này. Lòng tôi trĩu nặng, xót xa. Lúc sáng sớm tôi đi một mình trên đường phố vắng ngắt và sũng ướt, tôi thấy mình xa lạ và tự hỏi tại sao mình lại ở đây? Cái thành phố cổ kính xinh đẹp và nổi tiếng này mang ý nghĩa gì? Trước những quyền lực láo xược và ngạo mạn đang thống trị hành tinh này, trước bom đạn, tù đày và đói rách, trước những bữa tiệc tanh tươi của lũ ruồi nặng... thì những tác phẩm nghệ thuật đang bày trong viện bảo tàng Hermitage kia không còn ý nghĩa nữa. Chúng trở

trên trong một thế giới bạo ngược, dối trá và rỗng tuếch. Chúng vô nghĩa trong một hành tinh ma quỷ.

Mặt nước đen phía dưới đang nhìn tôi bằng con mắt chế giễu. Con mắt từng trải của dòng sông Neva đã chứng kiến ngàn năm binh lửa, ngàn cuộc đổi thay, ngàn trò hề nhảm nhí. Dòng sông đang dừng lại, đang ngạc nhiên khi thấy có con người bé nhỏ hèn mọn và cô độc kia đang ôm nỗi tuyệt vọng lạnh buốt của mình.

25. Cha tôi

Hai cha con ngồi bên bếp lửa nhỏ. Sáng mùa đông ở miền Trung trời rất lạnh, ông trùm đầu bằng một chiếc khăn lông màu trắng đã cũ, ông nhắc lại những kỷ niệm về mẹ tôi, về ông cố tôi là cụ Đào Doãn Địch, một lãnh đạo lỗi lạc của phong trào Cần vương tại tỉnh Bình Định, được vua Hàm Nghi sắc phong Phụng Nghị Đại Phu năm 1885, cũng năm ấy ông bị thương nặng trong một trận đánh lớn với quân Pháp tại huyện Tuy Phước. Ông phải rút quân về An Khê cố thủ, nhưng vì vết thương quá nặng nên đã qua đời tại đó. Trước khi mất ông giao binh quyền lại cho Mai Xuân Thưởng. Tôi ngồi nghe, thương cha già yếu, nhưng trong đầu tôi không hề có ý nghĩ rằng đó là buổi gặp gỡ cuối cùng.

Hôm trở về, tôi mang tặng cha một chai rượu. Một người bạn cùng cơ quan nói đó là rượu nho do người nhà cô cất. Hôi đó nhu yếu phẩm rất hiếm nên có được chai rượu làm quà, tôi rất mừng. Cha tôi nói để khai ra uống thử.

Nhưng đó chỉ là một chai nước lã có màu.

Đó là món quà đầu tiên trong đời làm con của tôi tặng cho

cha ruột của mình. Ngoài ra không hề có gì cả dù chỉ một đồng bạc.

Tôi mang nỗi ân hận về chai rượu ra đi. Hai cha con chờ nhau trên chiếc xe đạp từ trong làng đi ra quốc lộ 19. Gần đó có một cái đồi trọc, hai cha con dẫn xe lên đồi ngồi chờ xe đò. Chiếc xe cũ kỹ chạy bằng than đá lạch bạch đi qua. Chúng tôi chia tay nhau. Không khóc, không ôm nhau, nhưng lòng tôi tràn ngập nỗi buồn. Hồi ấy tôi nghèo quá, cha tôi còn khốn cùng hơn. Ông gầy yếu đen đúa và run rẩy. Ông đứng trên đồi nhìn theo tôi, không vẫy tay, không một tiếng nói, ông đứng như pho tượng đá ngóng nhìn vào hư vô. Một chút sương sớm phảng phất trên mái tóc bạc. Nắng chưa lên và một chút gió vẫn còn hiu hắt.

Chiếc xe đò mang tôi đi.

Tại sao tôi lại phải đi?

Cũng như những đứa con khác trong cuộc mưu sinh khốn nạn của kiếp người, tôi đã phải ra đi.

Giờ đây tôi có thể ra phố mua một trăm chai rượu, nhưng đâu còn cha. Mà nếu có còn thì chắc ông cũng không cần những thứ ấy. Ông chỉ cần sự có mặt của tôi bên cạnh, ít ra thì cũng trong giờ phút lâm chung.

Nhưng điều đó vĩnh viễn đã không bao giờ có được.

Giờ đây tôi về quê để thăm những nấm mồ. Những nấm đất hiu quạnh, những bia mộ cũ kỹ, xám xịt, rêu phủ.

Tôi về đây, ngồi trong bóng tối của căn phòng ngày xưa, nằm trên chiếc võng gai cha tôi thường nằm gãy đàn Nguyệt. Có lẽ không mấy người biết cây đàn Nguyệt. Trong tay cha tôi, nó như một linh hồn. Nó nói bằng giai điệu của

sâu thẳm, bằng tiếng buồn của thiên thu, bằng cơn nấc nghẹn của kiếp người. Nó là cây đàn kỳ lạ nhất của nhân loại, nó không phải là một nhạc cụ, nó là một linh vật. Một vị thần.

Những năm sau ngày thống nhất, tôi có ý định về quê đem cây đàn Nguyệt và những bút tích của cha vào Sài Gòn nhưng đã chậm một bước. Một cơn lũ lớn đã quét ngang căn nhà, xoáy thành một cái hố sâu và cuốn tất cả trôi theo dòng sông Kôn.

Tôi tiếc cây đàn Nguyệt của cha tôi.

Nó biết nói tiếng người.

*

Rồi những lớp người cứ nối tiếp nhau ra đi. Và không trở lại. Cái chết buồn và đáng sợ vì cái sự không trở lại ấy. Nhưng không ai cứu vãn được. Tôi cũng vậy.

Lúc sống thì phải sống chung với lũ ruồi nhặng mà mình căm ghét. Lúc chết thì phải xa lìa nhưng người mình thương yêu.

Đó là bi kịch lớn của nhân loại.

Nhân loại có những bi kịch mà không ai thay đổi được. Sống và chết là một bi kịch. Nghèo và giàu là một bi kịch. Đẹp và xấu là một bi kịch. Bi kịch luôn đứng giữa hai cực mâu thuẫn nhau.

Nhưng sự mâu thuẫn cũng chính là động lực của mọi sáng tạo và phát triển. Vì thế nhân loại vừa rất vĩ đại vừa rất nhảm nhí.

Và đó chính là bản chất của loài người.

*

Hiểu được bản chất đó tôi biết mình đang sống.

Giữa trưa một mình bơi ra biển. Lặng thinh lẫn khuất vào sóng nước. Nổi trôi bênh bồng, phiêu bạt như chiếc lá mỏng. Biển nâng đỡ, ve vuốt, rồi vùi dập. Nước vây bọc xung quanh như căn phòng xanh bằng thuỷ tinh ngời sáng. Rồi vỡ tung toé. Mặt trời sáng loà. Tôi chỉ nhìn thấy đám mây nhỏ trong vài giây rồi lại bị nhận chìm xuống, lẫn lóc trong cơn xoáy.

Tôi nằm ngửa, duỗi dài, buông thả, nhìn ngắm thân thể trần truồng của mình lấp lóa nắng. Cái dương vật dài, sưng, dập dềnh theo mảng lông đen ngời như rong rêu. Tôi không còn là một ông già sáu mươi tuổi mà là một con cá voi nhỏ đang thưởng thức sự cường tráng của mình.

Tôi đang sống. Đang hoà nhập. Đang hóa thân, Đang vô danh.

Và tôi đang hạnh phúc. Quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa tới. Quá khứ đã chết và tương lai không hiện hữu. Chỉ có hiện tại là có thực, là sống.

Tôi đang hoà nhập với sóng. Đang đánh mất mình trong vô định. Đang rỗng không. Chỉ có tôi một mình với sóng. Sóng che lấp núi non, những tàn cây và những ngôi nhà trong phố. Sóng che lấp bầu trời. Che lấp cuộc đời. Sóng che lấp bản ngã tôi. Dường như tôi đã chết. Nhẹ như một chiếc lá. Tan biến như một gợn sóng.

Cái dương vật vẫn dập dềnh. Dường như tôi đã ngủ thiếp đi cùng với sự dập dềnh ấy trong trí nhớ.

Trôi đi, trôi đi thật xa. Hãy rời bỏ loài người, hãy đến chỗ của vô tận, chỗ của phi thời gian...

26. Nhìn đâu cũng thấy núi

Có nhiều khi, đang ngồi, chợt thềm một cơn bão. Những cơn bão của tuổi thơ tôi thân quen hơn bây giờ. Chúng giống như cơn hồn dỗi của trời đất, một chút thác loạn của dòng sông. Bão đến lúc nửa đêm, lúc tôi còn đang ngủ. Nên khi thức dậy bão chỉ để lại một chút gió, một chút mưa dầm rả rích. Những con đường ngập nước. Cành cây gãy trôi giạt. Mặt sân đầy lá xanh. Mái rạ tốc lên nham nhở. Trời âm u. Ướt sũng. Thuyền đi trên quốc lộ 19. Trẻ con bơi lội trên vỉa hè...

Những cơn bão làm thay đổi mặt đất. Thay đổi làng mạc, thay đổi phố chợ. Đường sá biến mất. Chòm xóm đầy tiếng cười trẻ nhỏ. Có ai đó vừa bắt được một con cá chép ngay trên đường phố. Trẻ con thích thú vì sự thay đổi. Vì mưa và lạnh.

Ngày xưa, đến cơn bão cũng hiền lành, đến lũ lụt cũng như ngày hội.

Và những ngày mưa dầm triền miên trong nương rẫy. Cái nhà sàn xiêu vẹo. Một bếp lửa. Cái ấm đất. Và những trái bắp vùi trong than hồng. Mưa rả rích, cứ sột soạt trên lá khoai, lá chuối. Những con giun đất rất to bò ngang lối đi. Xách cần câu, mang áo to ra ruộng câu cá rô hột bí. Móc một cái trứng kiến, nhấp nhấp trên mặt bèo. Cú đớp mỗi nhói tim.

Chỗ tôi thường câu cá rô là ngõ nhà của Hạ. Hạ ơi! Bao nhiêu năm rồi anh không gặp em? Anh đi và em ở lại. Anh học nhiều, đọc nhiều, suy nghĩ nhiều nên đã biến thành ma

quý, còn em vẫn ngồi sau những sạp vải ở khu chợ cũ, không học, không đọc, không suy nghĩ gì nên em vẫn là em. Dù sao anh vẫn nhớ em mỗi lần về thăm sông Kôn, thăm bãi dâu, những đám mía. Cát ở đó ngày xưa rất là trắng. Anh dẫn em lội qua sông giữa trưa nắng. Cả một vùng sông nước mênh mông với nương rẫy, gò đồng, đồi cây... chỉ có anh và em. Chúng ta đã tìm một chỗ để hôn nhau, một chỗ để yêu nhau. Năm ấy anh hai mươi tuổi, con em thì mười tám. Chúng ta đã nằm trên đệm lá tươi xanh nồng nàn mùi cây cỏ. Buổi trưa im lặng như cõi trời. Núi vây chung quanh. Nhìn đâu cũng thấy núi. Phía xa có một cái ao cá diếc và những hàng cây, treo đầy những ổ chim giống giộc.

Ba mươi năm sau gặp lại em ở Sài Gòn, em khóc. Em có chồng giàu lắm mà. Sao em lại khóc? Hắn đem nhà đi thế chấp cho ngân hàng để đánh bạc. Bây giờ em không còn nhà. Em về ở với mẹ.

Phải chi tôi có thể nói được: Thôi, em về ở với anh. Thời gian đã xía vô mọi thứ. Thời gian làm hỏng hết mọi thứ. Nó là kẻ mạnh nhất, cố chấp và lạnh lùng nhất trên cõi đời này. Trong cuộc hành trình bất tận của nó, nó đã lấy đi sinh mạng của hàng tỷ người mà không ai dám chống lại, chỉ có Trịnh Công Sơn van nài nó cách tuyệt vọng:

Một ngày như mọi ngày

Xin trả lại đời tôi.

Xin hãy trả lại! Hãy trả lại! Trả lại tôi cái ngày mà người vừa cướp đi. Tiếng kêu thảng thốt thất lạc giữa “ngày lên hấp hối”. Nhưng thời gian vẫn lừng lững bước tới, kéo cả nhân loại thêm một bước đến gần vực thẳm.

Triều như thanh ti, mộ thành tuyết.

Nhân sinh đắc ý tu tận hoan.

(Lý Bạch "Tương tiến tửu")

Buổi sáng tóc hãy còn xanh, chiều đã trắng như tuyết. Cuộc đời sao quá phù du! Hãy uống cho hết cuộc vui. Nhưng chắc chắn Lý Bạch cũng không tin vào cuộc vui giả tạo ấy. Bởi nó là cuộc vui trong cõi vô thường.

Còn tôi, tôi thích ngồi uống rượu một mình nơi quán lá bên bến sông hiu quạnh, nơi ngày xưa tôi vẫn thường ngồi với một người đàn bà đã từng yêu tôi mười năm. Mái tranh lợp xụp của một bà cụ già. Một cái quán xơ xác, trống trải. Cái bàn xếp và hai cái ghế gỗ thấp. Một đĩa cóc xanh, muối ớt. Và xì rượu. Hồi ấy chúng tôi rất nghèo. Và chúng tôi rất hạnh phúc. Gió thổi rập những hàng dừa nước. Con nước thầm lặng trôi qua chân người. Bến đò vàng nắng xế. Trẻ con đi học về bước xuống con đò tròn thành... Mái chèo khua nước. Hoàng hôn trôi theo sóng lấp lóa.

Bây giờ tôi ngồi một mình nhìn bến đò vắng không. Con thuyền đã đi rồi, chỉ còn một bãi đất trống phù du. Bóng xế đọng trong tròng mắt. Cơn say tràn ra không gian. Mặt trời ngất ngưỡng lặn xuống chân trời xa tắp. Tôi nhìn cánh cò bay cho tới khi nó mất hút trong chân trời. Nhưng tôi vẫn ngồi đó. Vẫn uống. Bà lão vẫn ngồi đó. Vẫn nhìn tôi. Sao lâu nay cậu đến đây có một mình? Tôi vẫn uống. Không còn cánh cò nữa. Không còn chân trời. Hàng dừa nước cũng tan biến. Chỉ còn lại ngọn đèn dầu nhỏ như một con đom đóm. Và gió. Lao xao trên mái tranh, rì rào trong rừng dừa và thỉnh thoảng hú lên khi chạy dọc theo con nước.

"Tôi thấy tóc cậu bạc trắng. Còn tôi thì cũng sắp xuống mồ."

"Tôi sẽ đến đây uống rượu cho đến khi bà xuống mồ."

"Tôi xuống mồ rồi, cậu sẽ làm gì?"

"Sẽ đến lượt tôi."

"Đời buồn quá phải không cậu?"

"Đời buồn. Người ta thường uống rượu để quên nỗi buồn nhưng chỉ trong giây lát. Cũng như ngồi thiền vậy. Có thể tìm thấy Niết Bàn, nhưng chỉ trong giây lát."

"Không phải Niết Bàn là Phật sao?"

"Phải. Nhưng Phật cũng chỉ là một khoảnh khắc."

"Không phải Phật là Đức Thế Tôn sao?"

"Có một lúc nào đó bà cũng là Phật, tôi cũng là Phật. Rồi sau đó không là gì cả. Ngay cả Phật cũng có lúc không phải là Phật."

"Vậy sao? Thế còn Niết Bàn?"

"Niết Bàn là chết như một chiếc lá. Chắc bà không hiểu đâu..."

27. Sát thủ, gái điếm và dĩ đực

Tôi gọi:

"Này Dã Nhân! Thầy hãy lắng nghe:

Những ngọn núi đứng im ngàn năm

Đã chết vì buồn thảm

Mặt trăng vật vờ trên không

Nhàm chán những vòng quay âm đạm

Mặt đất chằng chịt dấu chân

Bị giày xéo bởi ngàn năm binh lửa

Những cơn hồng thủy và bão trời

Lột da mặt đất

*Những bầy đàn người
Vói chày đá và xương thú rừng
Vói tên tẩm thuốc độc
Săn đuổi nhau trong rừng
Đập đầu trước cửa hang
Giành nhau một ngọn lửa
Giữa đàn người lăm than
Tuyệt vọng trên chiến địa
Nổi lên những cánh tay bốc lửa
Hạng Vũ, Bạch Khởi, Tân Thủy Hoàng
Vơ vét những thầy người
Xây đắp cơ đồ muôn thuở.
Những cuộc thập tự chinh thời trung cổ.
Những trận cuồng phong trên yên ngựa
"Giết tất cả những ai cao trên thắt lưng"
Vứt xác người ra thảo nguyên mênh mông
Chiếm đoạt gia súc và đàn bà
Lùa vào cái miệng đầy máu
của Thành Cát Tư Hãn."
Thầy hãy bình luận đi."
"Ta đang buồn ngủ."
"Tại sao?"
"Vì người chỉ nói được một nửa. Sao không thấy Hitler, Mao Trạch Đông, Napoléon, Pol Pốt, Stalin, Truman, Nixon, Bush? Chúng nó cũng là những sát thủ."
"Tôi để dành cho thầy."*

"Ta mệt mỏi. Ta ỉa vào chúng nó, mặc dù bọn sử gia viết sách dạy lũ con nít rằng những thằng chó chết ấy là anh hùng."

"Thế thầy phủ nhận anh hùng sao?"

"Không phủ nhận. Vì vẫn có anh hùng. Đó là những người chết ngoài mặt trận."

"Nhưng Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo... chẳng phải anh hùng sao?"

"Khi đánh ngoại xâm thì họ là anh hùng, nhưng khi dành lại đất nước thì họ là những ông chủ. Họ coi đất nước là chiến lợi phẩm, dân tộc là bọn gia nô, đàn bà con gái là những món đồ chơi xác thịt. Chẳng lẽ phải gọi họ là anh hùng sao?"

"Nhưng cũng có những minh quân, những nhà lãnh đạo yêu dân như con. Chẳng hạn như Nghiêu, Thuấn, như vua Vũ bên Tàu, như Gandhi bên Ấn Độ, như Nelson Mandela..."

"Người không nhớ Trang Tử nói gì về Nghiêu, Thuấn sao? Ở chương thứ 7 của Tạp thiên ngài đã mượn lời Đạo Chích để mắng Khổng Tử: Thời Thần Nông, dân chúng sống thanh thản, người và thiên nhiên, người và cầm thú hoà thuận nhau, không ai hại ai, không ai tranh giành ai. Nhưng tới thời Hoàng Đế rồi Nghiêu, Thuấn, đặt ra quan chức, mưu cầu lợi lộc, gây ra chiến tranh, tang thương khắp nơi. Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, nước lớn hiếp nước nhỏ. Đủ thấy bọn vua chúa, quan lại có ra gì, chỉ toàn một bọn gây loạn mà thôi. Vậy mà ông lại muốn ta chạy theo bắt chước cái bọn trâu ngựa ấy sao? Bấy lâu nay ông đã dùng xảo ngôn và hành vi giả dối để mê hoặc bọn vua chúa trong thiên hạ để cầu danh cầu lợi, mong được vinh hoa phú quý. Đó chẳng phải là hành vi trộm cướp

sao? Tại sao thiên hạ không gọi ông là 'kẻ cướp' mà lại gọi ta là Đạo Chích?

Xưa nay, để nói về một thời đại thanh bình người ta thường đem Nghiêu, Thuấn ra so sánh, nhưng đọc Nam Hoa kinh ta thấy thời ấy cũng đầy những bọn sâu bọ. Còn Gandhi, ông ta là một anh hùng chứ. Vì ông ta đã chết cho nhân dân mà trên mình chỉ có một cái khố bằng vải thô."

"Vậy anh hùng là gì?"

"Kẻ nào đem lại hạnh phúc cho quần chúng, kẻ ấy là anh hùng. Ta muốn nói tới những nghệ sĩ tài năng, những nhà khoa học, những nhà phát minh, những giáo sư bác sĩ, những nhà kinh tế..."

"Các chính khách không có tên trong danh sách của thầy sao?"

"Hầu hết là bọn ăn chặn, bọn trộm cướp và bọn nói dối. Mặt của chúng rất dày. Sao gọi là anh hùng được."

"Nhưng thưa thầy, nếu không có chính quyền thì..."

"Trước đây ta đã từng dạy người những thứ đó. Người quên rồi sao? Tự cổ chí kim, từ đông sang tây... lúc nào chính quyền cũng vừa là bạn của dân, vừa là kẻ thù của dân.

Là bạn dân vì họ tổ chức xã hội, xây dựng bệnh viện trường học, đường sá... Là bạn dân vì họ trấn áp tội phạm (mặc dù họ là tội phạm đầu sỏ!) Không có chính quyền, xã hội sẽ loạn.

Nhưng chính quyền cũng là kẻ thù của nhân dân vì chúng ăn chặn tiền của nhân dân từ những công trình, chúng cấu kết với bọn tài phiệt trong và ngoài nước chiếm đoạt tài nguyên quốc gia, chúng bóc lột sức lao động của công nhân, nông

dân, trí thức... chúng sống đời vương giả trên sự nghèo đói lầm than của quần chúng, chúng gây chiến tranh làm hàng triệu người chết, gây tang tóc cho nhiều dân tộc, nhiều thế hệ chỉ vì tham vọng cá nhân, vì quyền lợi đảng phái, và có khi chỉ vì một người đàn bà.

Chúng là người bạn bất đắc dĩ của nhân dân nhưng chúng là kẻ thù truyền kiếp của mọi dân tộc. Chúng ăn những bữa tiệc thịnh soạn và chúng chia cho dân những vụn bánh mì.

Vì thế ta muốn khuyên lớp trẻ: Các bạn đang sống trong một thời đại lừa đảo, giả dối, độc ác và rỗng tuếch. Phải tỉnh táo. Phải hiểu rằng những thứ như công lý, nhân quyền, độc lập, dân chủ, tự do, bình đẳng, truyền thống, dân tộc... toàn là đồ giả, toàn là mớ bầy nhầy được bơm silicôn cho phồng lên và trét đầy sơn phấn. Chúng nó tiếp thị những từ hoa mỹ đó để trang điểm cho chế độ của chúng nó. Thực tế trên mặt đất này không hề có những thứ đó đâu. Đừng tin. Hãy khạc nhổ vào chúng, ỉa vào chúng, đạp chúng dưới gót giày và hất vào lỗ cống.

Bọn cầm quyền thực tế là lũ đĩ đực, là lũ gái điếm chuyên nghiệp. Còn những gái điếm đang hành nghề trên đường phố, trong khách sạn, trong các ổ mại dâm chỉ là đám dân nghèo bất đắc dĩ, những kẻ bất hạnh bị xô vào hoàn cảnh. Họ ỉa vào những thứ hoa mỹ ấy, họ chỉ cần cơm, áo. Và thuốc để chữa bệnh giang mai, bệnh lậu, bệnh AIDS..."

Tôi hỏi Dã Nhân:

"Nhưng liệu lớp trẻ chúng có nghe thầy không? Dường như chúng không quan tâm đến những điều mà tôi và thầy hằng bức xúc. Chúng đang cuồng lên vì điện thoại di động, đang

say mê giới tính, đang chụp giựt ái tình, chúng mặc xác tham nhũng, mặc xác chiến tranh, mặc xác khủng bố, mặc xác nhân quyền... ai làm gì mặc kệ, chúng chỉ biết ôm nhau trong công viên, trong vũ trường, trong toa-lét... còn những công nhân viên chức thì chỉ nghĩ đến đồng lương, đến cái ghế của mình. Họ không biết, không nghe, không thấy. Kể cả những anh thợ hồ, những phu xích lô, những gái điếm, những trẻ bụi đời, những người thất nghiệp... cũng đứng đưng với tất cả. Họ cúi mặt sống. Họ im lặng nằm co trong ổ chuột của mình. Họ âm thầm nhai miếng cơm chan mồ hôi nước mắt và chẳng bao giờ nghĩ: tại sao? phải làm gì?"

Dã Nhân cười ha hả:

"Thì đó chính là sự đầu hàng tập thể mà ta từng nói với người. Đó chính là cách họ 'sống chung với lũ', sống chung với trộm cướp."

"Vậy thì chúng ta viết cuốn sách này để làm gì?"

"Để bảo họ đừng đầu hàng. Để bảo họ tố cáo. Và đó là cách duy nhất để nhân dân có thể xác lập cái nhân quyền của mình. Nhân quyền không phải là thứ được ghi trong hiến pháp, cũng không phải là thứ mà nhân dân phải xếp hàng để chờ ban phát. Nhân dân phải tự khẳng định nhân quyền của mình bằng sự tố cáo, vạch mặt, bóc trần những dối trá, đập vỡ những huyền thoại. Đó là thứ NHÂN QUYỀN duy nhất có thật trên cõi đời này."

28. Bỏ quân tử hê!

Quân tử là người mẫu thời trang của Trọng Ni, là thần tượng của nho sĩ, là người tình lý tưởng của các nàng thực nữ...

Nhưng với nhân dân lao động Trung Quốc ngày xưa thì quân tử mang một diện mạo khác. Điều này có ghi lại trong Kinh Thi:

Khảm khảm phạt đàn hề

Trí chi hà chi ngạn hề

Hà thử thanh thả liên ý

Bất giá bất sắt

Hồ thủ hoà tam bách triển hề?

Bất thủ bất lạp

Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền huyền hề?

Bỉ quân tử hề

Bất tố san hề.

Chát chát chặt gỗ đàn

Chặt xong để trên bờ sông

Nước sông trong và hơi gợn sóng

Những kẻ không cày cấy

Sao mỗi mùa thu được ba trăm triển?

Những kẻ không săn bắn

Sao trong nhà vẫn treo da thú?

Người quân tử kia ơi!

Các người chẳng phải là những kẻ ăn không ngồi rồi đó sao?

(“Phạt đàn” – Kinh Thi)

Nhân dân là đám đông thâm lặng, nhưng họ biết tất cả.

Nhân dân biết tất cả, nhưng họ chẳng làm gì được.

Họ bị xua đi lao dịch ở lăng mộ Tần Thủy Hoàng, làm khổ sai ở Vạn lý Trường thành hay phơi xác nơi chiến địa, bị Bạch Khởi rồi Hạng Vũ chôn sống cả triệu sinh mạng trong một đêm, bị biến thành đồng xương vô định trong cuộc tranh

giành người đẹp giữa Lý Tự Thành và Ngô Tam Quế. Bị Mao Trạch Đông tàn sát hàng triệu người trong Cách mạng Văn hóa...

Chưa kể nhiều thế hệ đã chết trong các cuộc thập tự chinh kéo dài suốt gần 200 năm giữa người Kitô giáo và người Hồi giáo vào cuối thế kỷ thứ 11, tiếp đến là Chiến tranh Một trăm năm (La guerre de cent ans) giữa Anh và Pháp cũng lấy đi sinh mạng của vô số người. Rồi những cuộc tàn sát người da đỏ ở châu Mỹ, những cuộc diệt chủng thổ dân ở Australia, những lò thiêu xác của Hitler và cả trăm triệu người đã ngã xuống trong hai cuộc thế chiến.

Trong chiến tranh Việt Nam, năm mươi tám ngàn lính Mỹ đã tử trận và hàng triệu người Việt Nam đã chết do bom đạn Mỹ. Hơn 4000 lính Mỹ chết ở Iraq và bao nhiêu người dân Iraq, người dân Afghanistan đã vùi thây dưới bom đạn? Số người bị xua vào chỗ chết trên khắp hành tinh này không thể nào kể xiết.

Nhân dân ơi! Hỡi nhân dân! Các người là ai vậy? Các người có biết phận mình không?

29. Con chim sẻ cuối cùng ở Hàng Châu

Hàng Châu được mệnh danh là Thiên đường của hạ giới nhưng tôi chỉ chú ý đến một sinh vật bé nhỏ. Một con chim sẻ. Con chim sẻ cuối cùng.

Cô gái trên đồi trà Long Tĩnh hỏi tôi:

"Sao chú biết đó là con chim sẻ cuối cùng?"

"Chú đi từ Quảng Châu sang Tô Châu rồi đến đây, rừng cây chập chùng mà không hề thấy một con chim sẻ. Đây là con

chim duy nhất mà chú nhìn thấy."

"Nhưng đã chắc gì nó là con chim cuối cùng. Bộ những con chim sẻ khác đã chết hết rồi sao?"

"Cách đây mấy chục năm, khi cháu chưa sinh ra đời, ở quê hương của cháu người ta mở chiến dịch diệt chim sẻ. Già, trẻ, lớn, bé, đàn ông, đàn bà... xách cung tên, ná thun, súng hơi, gậy gộc, phèn la, mỗ, trống... đổ xô đi bắt chim sẻ. Người ta dồn xác chim thành từng đống lớn, vút xác chim lên xe cam-nhông đầy nhóc chở đi từng đoàn. Những con chim sẻ còn sót lại bị mỗ, trống, phèn la, gậy gộc truy đuổi ráo riết. Chúng bay rã cánh, rớt xuống đất. Chúng bị diệt không còn một mống."

"Nhưng vì sao người ta diệt chim sẻ?"

"Vì sợ chim sẻ phá hoại mùa màng. Nhưng khi không còn chim sẻ thì sâu bọ phát triển khủng khiếp. Mùa màng bị thiệt hại nặng nề. Chiến dịch diệt chim sẻ của Mao Chủ tịch đã làm chết mười triệu người vì thiếu lương thực."

Cô bé hái trà trở mắt nhìn tôi, nghi hoặc:

"Chú ở tận Việt Nam, sao chú biết chuyện bên nước cháu?"

"Chú đọc báo và xem phim tài liệu của hai nhà làm phim nổi tiếng người Đức là Heynowski và Scheumann. Chú đã nhìn thấy những đoàn người điên cuồng, những xe cam-nhông chất đầy xác chim sẻ."

Bỗng nhiên cô bé cười rất tươi:

"Nhưng đó là chuyện đã xưa rồi. Nếu quả thật có một con chim sẻ còn sống sót sau chiến dịch đó thì nó cũng đã già và chết từ lâu rồi. Nào phải con chim sẻ lúc này chú cháu mình nhìn thấy?"

"Cháu giỏi lắm. Tất nhiên đó không phải là con chim sống sót. Nhưng chiến dịch diệt chim sẻ là một sự kiện có thật. Một chiến dịch đốt nát, man rợ và điên rồ."

Cô bé vẫn hái trà. Bàn tay thoăn thoắt ngắt những đọt trà non còn đọng sương sớm. Hình như cô muốn quên chuyện chim sẻ, nhưng cô lại hỏi:

"Sao giọng chú có vẻ gay gắt thế?"

"Vì chú thương con chim sẻ. Và thương cái thế hệ của cha cháu phải sống dưới ách thống trị của một con người đốt nát, độc ác và đầy ảo tưởng."

"Ảo tưởng như thế nào?"

"Ông ta muốn hiện đại hóa Trung Quốc bằng cách tính của một bà nội trợ."

"Vậy sao?"

"Ừ. Hồi đó Trung Quốc có bảy trăm triệu dân. Mao Chủ tịch bèn làm một phép tính nhân. Nếu như mỗi người dân đóng góp 3 ký sắt thép, đem nhân với 700 triệu thì Trung Quốc sẽ có một sản lượng thép bằng 5 lần nước Anh. Thế là mọi người bỏ cả công ăn việc làm đi kiếm sắt thép. Cả nước thu được một mớ nồi niêu soong chảo, rựa cùn, cuốc mẻ, dao phay, mã tấu... rồi đổ tiền của ra mua nhiên liệu để nấu thép. Hì hục ngày đêm. Nhà nhà nấu thép, người người nấu thép. Bán bò bán ruộng để nấu thép. Rốt cuộc thu được một số kim loại hồ lốn không dùng được việc gì cả. Cái bước 'Đại Nhảy vọt' ấy đã khiến nông dân không có thì giờ cày cấy, sản xuất công nghiệp ngưng trệ và kết quả là có thêm mấy triệu người nữa chết vì thiếu ăn."

"Chú ơi! Cô bé kêu lên. Cháu chưa từng nghe ai nói về Mao

Chủ tịch như thế bao giờ."

*

Nhưng một tỉ người dân Trung Quốc trưởng thành thì đã biết những điều đó.

Cha ông họ và bản thân gia đình họ đã từng là nạn nhân của Chiến dịch Chim sẻ, của bước Đại Nhảy vọt, của cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản đẫm máu.

Giờ đây, Mao Trạch Đông vẫn còn đang nằm trong lăng tại Quảng trường Thiên An Môn nhưng nhân dân Trung Quốc muốn lôi hắn ra và ỉa vào cái xác thối ấy.

Một tỷ ba trăm triệu nạn nhân của Mao sẽ làm cái động tác phóng uế ấy. Lúc đó Trung Quốc sẽ có một cái lăng vĩ đại được xây bằng... vàng (!). Lăng mộ đó còn "hoành tráng" hơn cả lăng mộ Tần Thủy Hoàng, độc đáo hơn cả thập tam lăng của Triều Minh.

Nhưng sẽ không có du khách nào dám đến thăm.

Vì nó rất thối.

Vài ngày sau có một ngàn con ruồi bay đến. Ngày kế tiếp đáp xuống một vạn con. Rồi cả triệu con từ mọi quốc gia trên thế giới bay về. Trong khoảnh khắc, đàn ruồi lên đến một tỷ, rồi một ngàn tỷ, một trăm triệu tỷ. Chúng đến để dự bữa tiệc hùng vĩ chưa từng có trên mặt đất.

Chúng không hút bằng vòi. Chúng đang ăn. Chúng đớp. Liếm láp như mèo. Nhâm nhi, gặm nhấm như chuột. Nhai lại như bò. Ngấu nghiến như hổ báo.

Chúng bu đen kịt. Vo ve. Rù rì. Rồi im lặng. Một mảng xám xịt, lúc nhúc. Chợt bốc lên như đám mây u ám. Chợt hạ xuống. Phiêu hốt, chập chờn. Hư huyền như ma trời. Nín

thinh. Rồi hỗn loạn. Tiếng đập cánh ong óng như gió gào khóc, như cô hồn rên rĩ.

Chúng vây thành từng chủng loại ruồi, từng đẳng cấp ruồi. Chúng vừa ăn nhậu vừa địt nhau, vừa địt nhau vừa chửi nhau, giết nhau, vừa giết nhau vừa sinh nở...

Giòi tràn ngập mặt đất. Lũ ruồi không còn chỗ để đậu, chúng bay lên như một đám mây khủng khiếp, che lấp mặt trời, bao trùm cả tầng khí quyển.

Ánh sáng biến mất khỏi hành tinh. Mặt đất trở nên băng giá. Loài người kêu khóc. Động vật hoảng loạn. Cây cỏ rũ chết, vùi thây trong tuyết.

Lũ ruồi bắt đầu chiếm lĩnh các thành phố.

Chúng bốc mùi của cứt đá, mùi đồng, mùi đờm dãi. Khi chúng bu lên xác chết, chúng có mùi thối rữa. Khi chúng bay vờn trên chiến địa, chúng có mùi bom đạn. Chúng sà xuống những đồng tiền, đồng vàng, đồng cổ phiếu như ma quỷ và làm cho những thứ đó dậy mùi tanh của tinh dịch lẫn với máu người. Chúng lờn vờn quanh các ngai vàng, các phủ, các bộ, các nhà hàng khách sạn.

Chúng lại mở những đại tiệc trên xác chết của loài người. Xác chết bất tận vì thế bữa tiệc của ruồi cũng kéo dài bất tận.

Chúng đang tồn tại và chúng sẽ tồn tại trên dương gian này hàng ngàn năm nữa. Gió bão, động đất, sóng thần, lửa trời cũng không đuổi được. Dù cho chiến tranh nguyên tử có tiêu diệt cả nhân loại thì chúng vẫn sống. Sống để truyền kiếp, để xâm nhập vào một loài người mới, để ăn tiếp bữa tiệc của kiếp trước.

Đó là bữa tiệc của ruồi.

30. Một đời không bến bờ

Chợt tôi thấy thiên thu là

Một đời không bến bờ

(Trịnh Công Sơn)

Năm sáu mươi tuổi tôi khởi sự viết tự truyện này. Sáu mươi là tuổi “nhĩ thuận” nhưng lỗ tai tôi nghe cái gì cũng trái, con mắt nhìn cái gì cũng thấy có gai. Tôi đi chùa tập thiền trong gần một năm, học theo Nam Tông, đọc Trung Bộ kinh, Bát chánh Đạo, luyện Tứ Niệm xứ... nhưng mỗi sáng giở tờ báo ra, đọc vài cái tít lớn là vút đi vì ngày nào cũng tràn ngập chuyện vợ vắn, chuyện tham ô, chuyện lừa đảo. Viết lách thì như bồi bút.

Buổi tối bật tivi lên. Lại nói dối. Nói dối trên nền nhạc Richard Clayderman. Quanh năm suốt tháng cứ Clayderman. Lại trái cái lỗ tai. Không thể nhĩ thuận được, bèn đi học thiền. Học không được, bỏ lên núi với Dã Nhân và chú mọi nhỏ.

Dã Nhân gầy đét như một cây khô, mặt sạm như đá núi, lòng lạnh như tro tàn. Chú mọi nhỏ thì như con nai con, chạy nhảy, cười nói lí lắc.

Ba người ngồi trong cái am nhỏ, mây núi chập chùng, cũng thấy lòng rũ bỏ được vài phân trần thế.

Buổi trưa tôi thường đi bắt bọ rùa với thằng nhỏ, Nó hỏi tôi tại sao con bọ rùa người ta lại gọi là ladybird? Tôi nói ban đầu là chữ ladybug. Bug là con bọ, nhưng rồi có người đọc trại thành bird cho nên mới có từ ladybird. Giải thích cho vui,

không chắc đã đúng như vậy. Nhưng chú mọi nhỏ rất tin vào lời giải thích đó.

Thường thì tôi và Dã Nhân hay ngồi uống rượu với nhau trên một hòn đá phẳng, dưới một tán lá. Chúng tôi uống rượu thay cho ngồi thiền. Không ai nói gì nữa vì đã nói quá nhiều rồi. Muốn thu mình lại như con sâu, trốn trong vỏ cây. Muốn như con sóc nhỏ đi kiếm hạt dẻ trong đồng lá mục. Muốn như con chim đơn độc trong kẽ lá...

Ta về rừng, mình mọc đầy lông như con khỉ già.

Bút quả xanh, một quả ăn, một quả để dành

Để dành cho chú mọi nhỏ.

Ta về rừng rửa lòng dưới thác

Rũ bỏ ký ức trong ngọn gió núi

Tim trống không như thung lũng hoang tàn

Đập một nhịp buồn như tiếng mõ.

Ta về rừng dạo chơi trên lá khô

Tâm dừng lại trú trong từng bước nhỏ

Bàn chân đặt trên đá đen ngày nọ

Da khô, từng trải một đời buồn

Gót nứt nẻ trầm luân trên mặt đất mênh mông.

Hai tay trắng không cầm kiếm

Hai tay trắng đã từng ôm ảo vọng

Khóc giữa cơn mưa dài

Uống rượu say mềm trong những chiều phai

Ta về rừng không tu, không đọc kinh

Ta tìm lại cái ta lên đên

Lòng như đám mây bay qua ghềnh thác

Lòng như ngọn gió đầu truông ngơ ngác.

*Ta về rừng sống hoang dã
Sống như cái cây, sống như hòn đá
Cây im lìm, đá cũng không nói
Sớm mai thức dậy nghe tiếng chim kêu
Nghe tiếng rừng gọi, nghe như ai gọi.
Ai gọi ta, hỡi rừng rất xa?
Ai gọi ta về? Gọi ta về nhà?
Nán lại một giây cùng chú mọi nhỏ
Nán lại để bắt con bọ rùa đó
Nán lại để chờ cánh hoa sắp nở
Rồi ta sẽ về,
Rồi ta sẽ về.*

Viết xong ngày 14 tháng 11 năm 2007 tại Sài Gòn

© 2008 Đào Hiếu

© 2008 talawas

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: talawas chủ nhật

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 20 tháng 2 năm 2008